

Tập truyện

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Ric - Tic - Tắc

DƯƠNG TƯỜNG tuyển chọn.

Tuyển truyện của các nhà văn nước ngoài viết về loài vật.



RUDYARD KIPLING.

Nhà văn Anh.

Đây là câu chuyện về một cuộc chiến tranh to lớn gớm ghê mà Ric-tic-tắc đã tiến hành đơn thương độc mã, trong phòng tắm của một ngôi nhà ở vùng Cigouli. Dazzi, con chim chích, đã giúp nó một tay, và Chuchundra, con chuột xạ, là đứa không khi nào bò ra giữa nhà mà chỉ đảo dũi quanh tường, đã cố vắn cho nó; nhưng Ric-tic-tắc thì đã chiến đấu thật sự. Nó là một con chồn Mangut, nom tựa tựa con mèo con ở bộ lông và cái đuôi, nhưng hoàn toàn giống con chồn ở cái đầu và trong các thói quen. Đôi mắt nó cùng cái mũi dài bất tận có màu hồng; nó có thể tự mò đi khắp nơi mà không cần dùng tới chân trước lẫn chân sau; nó có thể làm xù đuôi lên cho tới khi nom tựa cái bàn chải rửa bóng đèn, rửa chai lọ; và tiếng kêu xung

trận của nó, khi nó cất lên trong đám cỏ cao là: Ric-tic-tic tic-tắc!

Một hôm, trận lụt lớn mùa hè đã cuốn nó ra khỏi hang nó đang sống cùng cha mẹ, và cứ thế lúc lắc đong đưa tha nó đi dọc con mương bên đường lớn. Nó vớ được một nạm cỏ đang trôi, nó bám vào đó cho tới khi ngắt đi bất tỉnh. Lúc sống lại, nó nằm dưới nắng chang chang giữa một lối đi trong vườn, người lấm bết lấm bết, và một chú bé con đang bảo:

- Đây, một con chồn Mangut chết. Chúng mình chôn nó đi.

- Không - Mẹ chú bé nói – Ta đem sưởi khô cho nó. Có thể là nó chưa chết thật đâu.

Họ đem nó vào trong nhà, và một ông to lớn nhón tay cầm nó rồi nói rằng nó không chết mà chỉ ngạt thở thôi, thế là họ bọc nó trong đồng nùi bông, sưởi cho nó, và nó mở mắt ra rồi hắt xì hơi.

-Thôi nào, đừng làm nó sợ, rồi ta sẽ xem nó làm được những gì. - Người đàn ông to lớn nói.

Trên đời này chuyện khó khăn hơn cả, là làm cho một con chồn Mangut sợ hãi, bởi vì toàn bộ con người nó chỉ là sự tò mò. Khẩu hiệu của dòng chồn Mangut là “ Chạy và tìm ”, và Ric-tic là một chú chồn Mangut đích thị. Nó xem xét đồng nùi bông, cho rằng món đó không ngon, nó chạy quanh bàn, ngồi dậy và sữa sang bộ lông, bò đi bò lại rồi nhảy tót lên vai cậu bé con.

- Đừng sợ, Teddie! – Cha cậu nó – Cách nó tìm bạn là như vậy đấy.

- Ồi! Nó cù cằm con buồn buồn là! – Teddie nói.

Ric-tic nhòm xuống giữa cổ áo và cổ cậu bé, thở hơi vào tai cậu ta, bò xuống sàn nhà rồi ngồi đấy cọ mũi mình.

- Sao mà khéo! - Mẹ Teddie nói – Con vật hoang dã mà thế đấy! Có lẽ nó dễ thuần hóa như vậy, vì chúng ta đã đối xử tử tế với nó.

- Chồn Mangut nào thì cũng như thế - Ông chồng bà nói - Nếu như Teddie không nắm đuôi nó mà kéo và không tìm cách cho nó vào lồng, thì nó sẽ

suốt ngày ra ra vào vào nhà này. Ta cho nó chút gì ăn đi.

Họ cho nó miếng thịt sống. Ric-tic thích món đó vô cùng, và khi đã chén xong, nó đi ra ngoài hiên ngồi dưới nắng mà xù lông ra cho khô đến tận chân lông. Và nó cảm thấy khá hơn.

- Trong nhà này còn nhiều thứ nữa để tìm – Nó tự bảo – mà họ hàng nhà ta trong suốt cả đời cũng không tìm ra nhiều bằng. Nhất định ta sẽ ở đây và tìm cho ra.

Suốt cả ngày hôm đó nó lẩn mò quanh nhà. Chút nữa thì nó bị chết đuối trong cái bồn tắm, nó nhúng mũi vào lọ mực để trên bàn viết, và bị cháy mũi vì chạm vào đầu điều xì gà của ông to lớn, trong lúc nó leo lên vạt áo ông để coi thử việc viết lách là như thế nào. Đêm đến, nó mò vào trong phòng ngủ của Teddie để coi thử đèn măng sông thấp như thế nào, rồi khi Teddie lên giường nằm thì nó cũng lên theo; có điều là nó không lúc nào yên cả, bởi vì nó có nhiệm vụ suốt đêm phải canh chừng mọi tiếng động và tìm cho ra tiếng động đó là vì đâu. Mẹ và cha của Teddie vào phòng để thăm nom con, lúc ấy Ric-tic vẫn thức chòm chồm trên chiếc gối.

- Em không ưa như thế - Mẹ Teddie nói – Nó có thể cắn thẳng bé.

- Nó chẳng làm những chuyện như vậy đâu - Người cha nói – Teddie sẽ an toàn với con vật bé bỏng này hơn là có một con chó săn canh chừng cho.

Lúc này, nếu có một con rắn chui vào...

Thế nhưng mẹ của Teddie không thích nghĩ tới bất kỳ chuyện gì kinh hoàng như vậy.

Sáng sớm Ric-tic đã cõng trên vai Teddie đi ăn điem tâm ngoài hàng hiên, và họ cho nó trái chuối cùng trứng luộc và nó ngồi trên vạt áo của từng người, bởi vì mỗi con chồn Mangut đều hy vọng một lúc nào đó trở thành chồn nhà, và có những căn buồng để ra ra vào vào, và mẹ của Ric-tic (mẹ của nó thường ở trong căn nhà ngài Đại tướng ở Cigouli) đã từng cẩn thận dặn dò

nó về cách thức cư xử khi chẳng may bắt gặp người da trắng.

Sau đó Ric-tic đi ra ngoài vườn hoa để xem có gì đáng nhìn thì nhìn. Đó là một cái vườn rộng, nửa trồng trọt cẩn thận, nửa để hoang, với những bụi cây lớn như ở những nhà nghỉ mùa hè, toàn hoa hồng đại đoá, cam và chanh, với những lùm tre và những bụi cỏ cao. Ric-tic liếc môi khoái trá: “ Thật là một nơi săn bắt tuyệt vời ”, nó nói và đuôi nó xù lên khi nghĩ tới điều đó, thế rồi nó đi tung tẫy khắp vườn, cho tới lúc nó nghe thấy những tiếng khóc than ảo não trong một bụi gai.

Đó là Dazzi, con chim chích, cùng với vợ. Chúng đã làm được cái tổ đẹp đẽ bằng cách kéo hai cái lá to lại với nhau, rồi lấy xơ sợi khâu các mép lá lại, sau đó nhét bông vào đầy phần rỗng. Cái tổ đu đưa đưa đưa và hai vợ chồng chim chích ngồi trên mép tổ mà gào.

- Có chuyện gì thế? – Ric-tic hỏi.

- Khổ thân chúng tôi quá – Dazzi nói – Có bốn đứa con, thì một cháu hôm qua rơi khỏi tổ và bị Nag ăn thịt.

- Hừ - Ric-tic nói - thế thì đau khổ thật...Nhưng tôi là người lạ ở chốn này. Nag là ai vậy?

Dazzi cùng vợ chỉ co rúm lại trong tổ mà không trả lời, bởi vì lúc đó trong đám cỏ dày dưới bụi cây vang lên một tiếng rít khẽ...Một âm thanh lạnh lẽo khủng khiếp khiến cho Ric-tic phải nhảy lùi về phía sau mấy bước. Tiếp đó, từ trên thảm cỏ ngẩn cao dần cái đầu và cái mang bành của Nag, con rắn hổ mang đen to lớn, từ đầu tới đuôi dài đến thước rưỡi. Khi nó ngẩn cao khỏi mặt đất một phần ba thân, nó liền đứng như vậy mà đu đưa, hết như bụi cỏ công anh đu đưa trong gió, và nó nhìn Ric-tic bằng đôi mắt rắn độc ác, đôi mắt không khi nào thay đổi cách biểu lộ tình cảm, bất kể khi đó rắn đang nghĩ tới điều gì.

- Nag là ai ư? – Nó nói – Nag là ta đây! Đức Phật tổ đã đánh dấu lên toàn bộ

loài ta từ khi con mang bành đầu tiên che mặt trời cho Ngài ngủ. Nhìn đây, sợ chưa?

Nó bành mang to hơn nữa, và Ric-tic thấy cái hình đôi mắt kính phía sau đầu con rắn, nom như cái vòng của cái móc áo đeo vào. Nó thấy sợ một giây lát, nhưng với một con chồn Mangut không thể có chuyện sợ hãi, và cho dù trước đây Ric-tic chưa từng bắt gặp một con mang bành sống bao giờ, mẹ nó đã từng nuôi nó bằng rắn chết, và nó biết rằng toàn bộ công việc của một con chồn Mangut trưởng thành trên cõi đời này là chiến đấu và ăn rắn. Nag cũng biết điều đó, và tận cùng trong trái tim lạnh lẽo, nó thấy sợ.

- Được – Ric-tic nói, đuôi nó lại xù lên – Có dấu hay không có dấu cũng thế thôi. Anh cho rằng anh có quyền ăn chim non rơi khỏi tổ ư?

Nag suy nghĩ và đang ngóng đợi một cử động thật nhỏ trong đám cỏ phía sau lưng Ric-tic. Nó biết rằng, có chồn Mangut trong vườn là sớm muộn sẽ có sự chết chóc cho dòng họ nó, nhưng lúc này nó muốn làm cách gì cho Ric-tic mất cảnh giác. Nó hạ thấp đầu xuống hơn một chút và ngả sang một bên.

- Chúng ta thử lý sự nào! – Nó nói – Anh ăn trứng, tại sao tôi không ăn chim được?

- Sau lưng kia! Đề phòng sau lưng kia! – Dazzi hét lên.

Ric-tic đã có thừa hiểu biết để không phí thời gian nhìn xem có chuyện gì. Nó nhảy lên thật cao hết sức mình, và đúng lúc đó, dưới chân nó, cái đầu con rắn cái Nagaina phóng qua. Con mụ này đã dò tới sau lưng, trong lúc nó đang nói chuyện để định hạ thủ nó. Con mụ ấy cắn huyệt và Ric-tic nghe thấy tiếng rít man rợ của mụ. Nó nhảy xuống đất suýt trúng lưng con rắn cái, và nếu như nó là một con chồn Mangut già đời thì nó thừa biết rằng chính đó là thời điểm, cắn một miếng gầy lưng con rắn cái; thế nhưng nó đã sợ cú vụt lại ghê gớm của con rắn. Nó cũng cắn, nhưng rồi buông ra ngay, và nó nhảy

phất ngay để tránh cái đuôi quật lại vun vút, còn con Nagaina thì úa nước mắt và tức điên người.

- Con Dazzi thâm độc, thâm độc! – Nag nói, và nó cố vụt cái đuôi lên cái tổ chim trên bụi gai. Nhưng Dazzi đã dựng tổ ngoài tầm với tới của loài rắn, cú vụt ấy chỉ làm cái tổ đu đưa qua lại mà thôi.

Ric-tic cảm thấy mắt nó đỏ lừ và nóng lên (khi mắt con chồn Mangut chuyển thành màu đỏ, ấy là nó đang giận dữ), và nó ngồi lên đuôi cùng hai chân sau tựa như một con thú có túi nho nhỏ và nhìn xung quanh, răng va vào nhau lập cập điên giận. Nhưng Nag và Nagaina đã biến mất hút trong bụi cỏ. Khi một con rắn cắn hụt, nó không nói điều gì bao giờ và cũng không lộ bất kỳ dấu hiệu nào cho biết sau đó nó sẽ làm gì. Ric-tic không thèm theo dõi chúng, nhưng nó không cảm thấy vững lòng rằng, nó có thể đối địch được cùng một lúc với hai con rắn. Vì vậy nó chạy nước kiệu về phía lối đi rải sỏi gần nhà và ngồi đó suy nghĩ. Đây cả là một vấn đề nghiêm trọng đối với nó.

Nếu như các bạn được đọc các sách cũ về giới tự nhiên, các bạn sẽ thấy trong đó nói rằng, khi một con chồn Mangut đánh nhau với rắn và bị rắn cắn, nó sẽ chạy đi tìm một thứ cỏ để trị nọc độc. Điều đó không đúng đâu. Chiến thắng chỉ là vấn đề nhanh mắt và nhanh chân - rắn thì quật và chồn Mangut thì nhảy – và do chỗ chẳng có mắt nào theo dõi nổi sự vận động của đầu con rắn khi nó mổ, nên nhưng chuyện đó còn diệu kỳ hơn chuyện cỏ từ thuật nhiều. Ric-tic biết, nó là một con chồn Mangut còn non, nên nó càng thú vị khi nghĩ rằng nó đã có thể tránh được một cú đòn từ phía sau lưng. Điều đó khiến nó có tự tin, và khi Teddie chạy tới, nó đã sẵn sàng chờ Teddie ve vuốt nó.

Thế nhưng đúng lúc Teddie cúi xuống thì có một cái gì quẩn quại trong bụi cát, và một tiếng nói nho nhỏ cất lên: “ Cẩn thận, ta là sự chết đây! ”. Đó là

Karait, con rắn nhỏ màu nâu như bùn đất và lại thích nằm nơi đất cát, nó mà cắn thì cũng nguy hiểm như mang bành cấn. Thế nhưng nó nhỏ bé quá khiến cho chẳng ai nghĩ tới nó, và vì vậy mà nó càng nguy hiểm cho mọi người. Đôi mắt của Ric-tic lại đỏ lựng lên, và nó vồ lên Karait bằng cú vồ gọn mềm đặc biệt, thừa hưởng của dòng họ. Nom thì thật tức cười, nhưng cái dáng lại uyển chuyển thật khéo, khiến bạn có thể bật ra từ bất kỳ góc độ nào bạn chọn, và trong cuộc chiến đấu với loài rắn thì đó quả là một lợi thế. Ric-tic không biết rằng nó đang làm một công việc còn nguy hiểm hơn cả việc đánh con mang bành Nag, bởi vì Karait bé quá và có khả năng quay ngoắt lại thật nhanh, và trù phi Ric-tic cấn đúng vào gáy nó, nếu không con kia có thể vùng lại cắn vào mắt hoặc môi Ric-tic. Nhưng Ric-tic không cần biết điều đó. Đôi mắt nó đỏ lựng lên rồi, nó cứ thế xông thẳng tới, và tìm chỗ mà đớp chặt lấy, Karait trườn mất. Ric-tic nhảy sang bên và cố đuổi theo, nhưng cái đầu xám độc ác màu đất nho nhỏ đã quật vào vai nó, do đó nó phải nhảy lên thân con rắn, nhảy tới và cắn liền.

Teddie gọi toáng về nhà:

- Ô coi này! Con chồn nhà ta đang cắn chết một con rắn!

Ric-tic thấy mẹ Teddie kêu thét lên. Cha Teddie nhào ra với cây gậy, nhưng tới nơi thì Karait đã trườn đi xa hơn nữa rồi, còn Ric-tic thì lao theo, nhảy lên lưng con rắn, đầu nó vươn xa hơn chân trước và nó cấn ngáp thật cao phía lưng con rắn rồi lặn ra.

Miếng cấn đó làm con Karait tê liệt, và Ric-tic đang định chén thịt con rắn từ đuôi chén lên theo tục lệ bữa ăn chiều của dòng họ, thì nó chợt nhớ rằng ăn quá no làm cho chồn Mangut trở nên chậm chạp, và nếu như nó muốn cho toàn bộ sức mạnh và sự nhanh nhẹn ở trạng thái luôn luôn sẵn sàng, thì nó phải giữ sao cho thân hình thon thả.

Nó bỏ đi dũi mình trong bụi đất dưới bụi thầu dầu trong lúc cha Teddie đánh

con Karait đã chết rồi. “ Làm thế để làm gì nhi? – Ric-tic nghĩ – Mình đã giải quyết xong xuôi rồi cả mà! ”. Sau đó mẹ Teddie nhắc nó ra khỏi đám đất cát và ve vuốt nó, la lên rằng nó đã cứu Teddie thoát chết, cha Teddie thì nói rằng đó là thiên mệnh, còn Teddie thì nhìn với đôi mắt kinh hãi mở to. Ric-tic cũng thấy thú vị trước những lời lẽ líu tíu của họ mà dĩ nhiên là nó chẳng hiểu chút gì. Lẽ ra mẹ Teddie cứ cho cậu ta lăn mình chơi vầy trong cát bụi có hơn không. Ric-tic thấy nó hoàn toàn sung sướng.

Tối hôm đó, vào lúc dùng bữa, nó đi đi lại lại giữa những cốc rượu vang trên bàn, ba lần nó được nhúng mũi vào những món ăn ngon; thế nhưng nó vẫn nhớ tới Nag và Nagaina, và mặc dù được Teddie cưng chiều ve vuốt, được ngồi trên vai Teddie, mắt nó thỉnh thoảng vẫn đỏ nọc lên và nó những muốn cất lên tiếng kêu chiến trận: Ric-tic-tic-tic-tặc.

Teddie đem nó vào giường ngủ và nài nỉ nó nằm ngủ ngay dưới cổ chú bé. Ric-tic đã được giáo dục tử tế nên chẳng cần cũng chẳng cào, nhưng Teddie vừa chợp ngủ là nó chuồn khỏi giường để tiến hành đi tuần tra quanh căn nhà, và trong bóng đêm nó bắt gặp Chuchundra, con chuột xạ đang bò men tường. Chuchundra là một con vật nhỏ đầu khỏ. Nó rên rỉ, chút chút suốt đêm, cố nghĩ cách nào ra được giữa căn phòng, nhưng chẳng khi nào ra nổi đó.

- Đừng giết tôi – Chuchundra nói gần như khóc – Ric-tic, xin đừng giết tôi.
- Mày cho rằng một kẻ giết được rắn lại đi giết chuột xạ ư? – Ric-tic nói với kẻ khinh thị.
- Kẻ nào giết rắn sẽ bị rắn giết – Chuchundra nói càng rầu rĩ hơn - Mấy lại, sao lại không có thể vào một đêm tối nào đó Nag nhảm tôi là anh?
- Thế thì chẳng có tí hiểm nguy nào hết – Ric-tic nói – vì Nag ở ngoài vườn, còn chú mày thì chẳng ra được ngoài đó.
- Chua, em họ tôi, con chuột ấy, nó nói vờ tôi... - Chuchundra nói rồi

ngừng lại.

- Nói với mày cái gì?

- Hắt xì! Nag có mặt mọi nơi, Ric-tic ạ. Anh nên hỏi Chua ở ngoài vườn ấy.

- Không...mày phải cho ta biết. Nói nhanh, Chuchundra, không ta sẽ cắn. Chuchundra ngồi xuống và kêu la cho tới khi nước mắt chảy đầm đìa râu ria.

- Tôi thật là con người đau khổ - Nó nức nở - Tôi chẳng khi nào có đủ can đảm bò ra được khỏi phòng. Hắt xì! Tôi không thể nói với anh điều gì cả. Anh có nghe thấy gì không Ric-tic?

Ric-tic lắng nghe. Căn nhà vẫn còn yên tĩnh, nhưng hình như nó có nghe thấy một tiếng sột soạt rất khế đầu đây – một tiếng động yếu ớt như tiếng con ong vò vẽ bay đậu trên ô kính cửa sổ - tiếng sột soạt khô khan của con rắn bò trên tường gạch.

- Đó là con Nag hoặc Nagaina – Nó tự bảo – và nó đang bò vào đường tháo nước nhà tắm. Mày nói đúng, Chuchundra ạ, tao phải ra hỏi Chua xem sự thể ra sao.

Nó lặn vào phòng tắm của Teddie, nhưng ở đó chẳng có chuyện gì, sau đó lại sang phòng tắm của mẹ Teddie. Ở dưới chân bức tường vừa mềm có một viên gạch gờ ra để làm đường tháo nước tắm, và từ chỗ Ric-tic nấp bên trong bồn tắm, nó nghe thấy Nag và Nagaina thì thảo với nhau bên ngoài trời trăng sáng.

- Khi căn nhà không còn ai nữa – Nagaina nói với chồng – nó sẽ phải đi chỗ khác, sau đó khu vườn sẽ lại thuộc về vợ chồng mình. Cứ bình tĩnh mà vào, và nhớ rằng phải cẩn trọng nhất vào cái thằng to lớn đã giết chết Karait, nghe không? Sau đó thì anh quay ra cho em biết, và hai ta sẽ cùng săn đuổi con Ric-tic.

- Nhưng mình có tin rằng ta cứ cắn chết người thì có lợi lộc gì không? – Nag

nói.

- Lợi lộc đủ điều! Khi nào trong căn nhà không còn ai nữa, thì ngoài vườn làm sao còn có con chồn Mangut nào cho nổi? Chùng nào căn nhà trống không thì hai ta còn là hoàng đế và hoàng hậu của khu vườn. Mình cũng nên nhớ rằng, khi trứng các con ta ngoài vườn đưa nở (chỉ ngày mai thôi), các con cần có chỗ ở và sự yên tĩnh chứ.

- Tôi không nghĩ tới chuyện đó – Nag nói – Tôi đi đây. Nhưng sau đó cần gì phải săn đuổi Ric-tic chứ? Tôi sẽ giết lão to xác cùng với vợ nó và cả thằng con nếu có thể làm được, sau đó tôi lặng lẽ quay ra. Sau đó căn nhà sẽ trống không và Ric-tic sẽ ra đi.

Ric-tic thấy ngứa cả người vì điên giận và căm ghét, thế rồi sau đó cái đầu của Nag thò qua cửa cống và tấm thân dài thước rươi lạnh lẽo bò theo. Giận điên lên rồi, nhưng Ric-tic cũng thực sự thấy sợ khi nhìn thấy thân xác to lớn con mang bành. Nag cuộn mình lại, ngóc đầu lên nhòm vào buồng tắm trong bóng tối. Ric-tic thấy rõ đôi mắt nó lấp lánh.

- Nếu lúc này ta giết nó, vợ nó sẽ biết ngay, nhưng nếu nó bò ra giữa phòng, ta mới tiến công thì nó có nhiều lợi thế. Làm cách gì đây? – Ric-tic tự bảo. Nag đu đưa đầu qua lại, sau đó Ric-tic thấy nó uống nước trong cái vò lớn thường dùng để đổ nước cho bồn tắm.

- Hay lắm – Con rắn nói - Hồi Karait bị giết, lão to xác có một cây gậy. Hẳn có thể vẫn còn cây gậy đó, nhưng đến sáng khi lão vào phòng tắm hẳn sẽ không mang gậy theo. Ta sẽ đợi cho tới khi lão tới. Nagaina, em nghe tiếng anh không? Anh sẽ chờ trong cảnh lạnh giá này cho tới sáng rõ.

Bên ngoài không có tiếng đáp lại, vì thế Ric-tic biết rằng Nagaina đã đi xa. Nag cuộn mình lại từng cuộn, từng cuộn, quanh khúc phình đáy chum nước, còn Ric-tic đứng im như chết. Sau một tiếng đồng hồ, nó bắt đầu cử động từng thớ, từng thớ thịt một, hướng tới vò nước. Nag đã ngủ và Ric-tic chăm

chú nhìn cái lưng to lớn của con rắn, tự hỏi xem cắn vào chỗ nào là tốt hơn cả.

- Nếu ngay từ miếng đầu tiên mà ta không cắn gãy cái lưng kia – Ric-tic nghĩ – thì nó vẫn còn chiến đấu được, và nó đánh lại...thì ôi thôi Ric-tic! Nó nhìn vào chỗ đầy đầy ở con rắn, phía dưới chỗ cái mang bành ra, nó thấy khó mà cắn nổi. Thế nhưng cắn một miếng vào đuôi sẽ càng làm cho Nag dữ tợn thêm.

- Phải cắn vào đầu thôi - Cuối cùng nó nghĩ vậy – Cái đầu sát phía trên cái mang bành ra và hễ đã cắn vào đó thì nhất quyết không thả ra nữa.

Sau đó nó nhảy lên. Đầu con rắn nằm hơi sát vò nước, dưới cái phàn thót vào, và khi rằng nó cắn ngập vào rồi, Ric-tic tựa lưng vào chỗ phình ra bằng sành màu đỏ để ghì chặt cái đầu con rắn. Tất cả những việc đó chiếm mất của nó đúng một giây và nó đã cố hết sức mình trong cái phút giây ấy. Sau đó nó bị quăng đi quật lại như một con chuột bị con chó hành hạ....Quăng quật trên sàn nhà, quăng lên quật xuống và quăng tròn thành những vòng quay lớn, thế nhưng mắt nó đỏ rồi và nó vẫn bám chắc khi thân xác nó bị quật dữ dội, làm đỏ nháo nhào cả chậu thiếc, cả đĩa đựng xà phòng và bàn chải, quật cả vào thành bồn tắm bằng thiếc. Càng bám chắc, rằng nó càng nghiêng chặt, vì nó biết rằng nó sẽ bị quật cho đến chết, và vì danh dự dòng họ, nó sẽ ưng chọn cảnh chết cắn răng. Nó hoa mắt, đau đớn, và thấy mình như bị xé ra làm trăm mảnh, rồi đột nhiên có gì đó bùng ra như một tiếng sét đánh ngay phía sau; một làn gió nóng quật nó ngã ra bất tỉnh và lửa đỏ bén vào bộ lông nó. Người đàn ông to lớn đã thức giấc vì tiếng động mạnh và bắn hết hai băng đạn súng ngắn vào con Nag đúng phía sau cái mang bành ra.

Ric-tic ngã lăn ra, mắt nhắm nghiền, và giờ đây nó hoàn toàn tin chắc mình đã chết. Đầu nó không cử động được, người đàn ông to lớn nhấc nó lên và

nói:

-Em này, lại con chồn Mangut. Lần này nó lại cứu mạng chúng mình.

Sau đó mẹ Teddie bước vào với một khuôn mặt trắng bệch và nhìn xem con Nag đã chết ra sao, còn Ric-tic thì tự mình lê tới phòng ngủ của Teddie và từ đó cho tới sáng, nó cứ run lên một cách dễ chịu và cố lục trong óc xem có đúng thân xác nó đã bị xé ra làm vài chục mảnh hay đó là nó tưởng tượng ra. Sáng ngày ra, người nó vẫn còn ngay đơ, nhưng hoàn toàn hài lòng vì những việc đã làm.

- Giờ đây ta phải thanh toán con Nagaina nữa, mà con này còn tệ hại gấp năm lần con Nag! Ta lại biết bao giờ trứng của nó lại sắp nở nữa chứ. Trời ơi là trời! Ta phải đi tìm gặp Dazzi mới được.

Không đợi tới bữa điểm tâm, Ric-tic chạy tới bụi gai, ở đó Dazzi đang ca một bài ca chiến thắng với giọng cao nhất. Tin tức về cái chết của con Nag đã được loan đi khắp vườn vì bác người làm đã quăng xác nó vào đồng rác rồi.

- Chao ôi, cái túm lông ngor ngắn kia – Ric-tic nói một cách giận dữ - lúc này là lúc hát hồng sao?

- Nag chết rồi, chết rồi, chết rồi – Dazzi hát – Chàng dũng sĩ Ric-tic đã cắn vào đầu nó và ngoạm chặt. Ông to lớn mang súng tới bắn, và Nag ngã ra, người tan thành hai mảnh. Nó không còn ăn thịt các con ta nữa.

- Nói thế cũng khá đúng. Nhưng này Nagaina đâu? – Ric-tic nói, mắt quan sát thận trọng xung quanh.

- Nagaina đến cửa phòng tắm và chờ Nag – Dazzi tiếp tục kể - và Nag ra với vợ trên đầu một cây gậy – bác người làm khều nó bằng một cây gậy và quăng nó vào đồng rác. Nào chúng ta hãy hát lên bài ca về chàng Ric-tic vĩ đại mắt đỏ nọc! – Dazzi hít căng lồng ngực rồi cất tiếng hát.

- Tôi mà leo lên tới tổ của anh được, thì tôi đã hất các con anh đi! – Ric-tic

nói - Người đâu mà không biết lúc nào thì phải làm việc gì cho đúng. Trong tổ của nhà anh thì cũng đã khá yên rồi, nhưng với tôi thì cuộc chiến tranh vẫn còn đang tiếp diễn. Hãy ngừng hát một phút đi, Dazzi kia!

- Vì chàng Ric-tic vĩ đại và đẹp đẽ, tôi xin ngừng. Có chuyện gì vậy, thưa ngài, người đã tiêu diệt con Nag khủng khiếp?

- Hỏi lần thứ ba đây: Nagaina đâu?

- Bên đồng rác cạnh chuồng ngựa, đang chôn chồng. Muôn năm Ric-tic vĩ đại răng trắng nhơn!

- Chán cái chuyện răng trắng! Có biết con mẹ ấy đẻ trứng ở đâu không?

- Trong ruộng dưa, nơi góc ruộng sát tường, nơi mặt trời rọi suốt cả ngày. Nó giấu trứng ở đó mấy tuần lễ trước đó rồi.

- Thế mà không báo cho tôi biết từ trước? Ở góc ruộng sát tường phải không?

- Ric-tic, anh không định ăn trứng của nó chứ?

- Không, hoàn toàn là vậy. Dazzi, nếu còn một chút tinh khôn, anh phải bay tới chuồng ngựa, nói rằng cánh bị gãy, và làm cho Nagaina đuổi theo đến tận bụi cây này. Tôi phải ra ruộng dưa bây giờ, tôi e nó nhìn thấy tôi mất.

Dazzi là một con chim nhỏ đầu óc rỗng tuếch, không có khả năng cùng một lúc, giữ nổi hai ý ở trong đầu. Và chính bởi nó nghĩ rằng các con Nagaina cũng từ trứng sinh ra như con nó, nên nó nghĩ ngay rằng không nên giết chúng. Thế nhưng được cô vợ lại là con chim nhạy cảm, nó hiểu rằng trứng mang bành sau này sẽ thành mang bành con. Vì vậy cô ả bay ra khỏi tổ, để cho Dazzi ấp ủ các con, và tiếp tục hát bài ca về cái chết của Nag. Xem ra Dazzi khá giống một anh đàn ông về nhiều phương diện đấy chứ?

Cô nàng chim chích bay lượn trước Nagaina ở chỗ đồng rác và kêu lên:

- Ôi chao, cánh tôi gãy rồi! Thằng bé con trong nhà ném hòn đá và làm gãy cánh tôi rồi!

Nói xong, lại càn bay lượn chập choạng hơn nữa.

Nagaina ngóc đầu lên và rít gió:

- Mày đã báo động cho Ric-tic khi ta định giết nó. Hừ, hay đấy, mày đã chọn đúng chỗ mà dò tới!

Nói rồi, nó lao tới chỗ cô vợ Dazzi, người trườn trong cát bụi.

- Thằng bé lấy viên cuội, ném gãy cánh tôi rồi! - Vợ Dazzi la lên.

- Hay đấy! Có khi mày sẽ thấy khoan khoái khi mày được biết chắc rằng tao đã thanh toán thằng nhãi. Chồng tao sáng nay đã nằm trong đống rác, nhưng rồi trước đêm nay thằng nhãi cũng sẽ nằm cong queo. Mày chạy trốn mà làm gì? Tao cam đoan sẽ tóm được mày. Con điên con rồ kia trông ta đây!

Vợ của Dazzi khôn ngoan chán chứ đâu có chịu trông như vậy, vì một con chim mà nhìn thẳng vào mắt con rắn thì sẽ sợ đến riu chân lại. Vợ Dazzi vỗ cánh, miệng chiêm chiếp thăm thiết, nhưng nhất định không bay lên quá cao, và Nag cũng vội đuổi nhanh hơn.

Ric-tic nghe thấy chúng theo đường từ chuồng ngựa đi lên, và nó chạy nhanh tới cuối vườn dừa gần bức tường. Ở đó, trong cái ổ rơm ấm nóng bên các trái dừa, được che giấu rất khôn khéo, nó tìm thấy hai mươi lăm quả trứng, to gần như trứng gà nhưng không có vỏ cứng mà có lớp màng hơi trắng trắng.

- Mình đến sớm không quá một ngày! – Nó nói thế vì nó đã thấy rõ những con mang bành con oằn oại trong làn vỏ, và nó biết rằng một khi nở ra rồi, mỗi con đó có thể cắn chết một con người hoặc một con chồn Mangut. Nó cắn vỡ thật nhanh các quả trứng, thận trọng nghiền nát những con mang bành non, và thỉnh thoảng lại lật cái ổ lên xem còn sót con nào không. Cuối cùng vẫn còn sót ba quả, và Ric-tic bắt đầu cười thầm khoái trá, thì bỗng nó nghe thấy tiếng vợ Dazzi thét lên:

- Ric-tic, tôi đã lừa con Nagaina tới nhà, nó đã vào hàng hiên, thế rồi...Ồi

giời, đến nhanh lên...nó có ý định giết người đó!

Ric-tic đập nát hai quả trứng, mồm ngậm quả thứ ba, ngã nhào trên ruộng dưa và hối hả chạy về hàng hiên khi chân vừa kịp chạm đất. Teddie cùng mẹ và cha đang ở đó dùng bữa điểm tâm, nhưng Ric-tic thấy họ chẳng ăn gì cả. Họ ngồi ngây như đá, và mặt họ trắng bệch. Nagaina đứng cuộn vòng trên tấm thảm dưới ghế Teddie ngồi, cách rất gần cái chân trần của Teddie, muốn chớp lúc nào cũng được, đầu đưa cất lời ca chiến thắng.

- Đây, thằng con trai của lão to lớn đã giết Nag – Nó rít lên - Ngồi yên, tao vẫn chưa sẵn sàng đâu. Hãy chờ một chút. Cả ba tên hãy ngồi yên! Nhúc nhích tao cắn; không nhúc nhích tao cũng cắn. Trời ơi bọn điên rồ, bọn đã giết Nag của ta!

Mắt Teddie nhìn chăm chăm vào cha, và tất cả những gì mà cha cậu làm được là thì thầm:

- Ngồi yên, Teddie! Không động đây. Teddie ngồi yên!

Thế rồi Teddie tới và kêu lên:

- Quay lại đây Nagaina! Quay lại đây và chiến đấu!

- Đúng lúc quá! – Con rắn nói, mắt không động đây – Đây, tao sẽ thanh toán mày liền đây thôi. Hãy nhìn các bạn mày kia! Chúng ngồi ngây ra và trắng bệch. Chúng sợ, chúng không dám động đây. Còn mày, nếu tiến thêm một bước nữa, tao sẽ cắn các bạn của mày.

- Hãy tới và coi trứng của mày ngoài ruộng dưa – Rictic nói – Ra mà coi, Nagaina!

Con rắn to lớn hơi quay lại và nhìn thấy quả trứng trên hàng hiên.

- Trời! Đưa đây cho ta! – Nó nói.

Ric-tic dùng hai chân bóp chặt hai bên quả trứng mắt nó đỏ ngầu.

- Một quả trứng rắn là cái thứ gì? Một con mang bành non là cái thứ quái gì nhỉ? Là cái thá gì con mang bành cuối cùng, thật sự cuối cùng của cả đàn?

Kiến đang ăn những quả trứng khác ngoài ruộng dưa ấy!

Nagaina quay ngoắt lại quên hết mọi chuyện vì một quả trứng; và Ric-tic thấy cha Teddie đưa ra một bàn tay to tướng túm lấy vai con trai và nâng bổng nó qua cái bàn nhỏ đầy những chén trà, ra khỏi vòng nguy hiểm do con Nagaina khổng chế.

- Bị lừa rồi! Lừa rồi! Lừa rồi! Ric-tic-tic-tặc – Ric-tic reo lên - Cậu bé an toàn rồi, và chính ta...ta...ta đây đã cản đúng mang bánh con Nag đêm qua trong bồn tắm.

Sau đó, nó bắt đầu nhảy căng lên, bốn chân chụm lại, đầu sát sàn nhà. Nó nói tiếp:

- Con Nag quăng ta đây, quật ta đây, nhưng nó không tài nào làm văng ta ra nổi. Nó đã chết cứng trước khi ông to lớn kia bắn nó nát làm đôi. Chính ta làm được việc đó. Ric-tic-tic-tặc! Nào, lại đây, Nagaina. Lại đây đỡ sức cùng ta. Mi sẽ chẳng còn là mụ goá nữa.

Nagaina thấy rõ nó mất cơ hội giết chết Teddie, và quả trứng vẫn còn nằm gọn giữa hai bàn chân Ric-tic.

- Đưa trả ta quả trứng Ric-tic! Đưa trả ta quả trứng cuối cùng, và ta sẽ ra đi và không trở lại nữa - Mụ nói, cái mang bánh hạ thấp xuống.

- Phải, mụ sẽ ra đi, và sẽ không khi nào trở lại nữa. Vì mụ sẽ ra đồng rác cùng với con Nag. Đánh đi mụ goá kia! Ông to lớn đã đem súng ra rồi.

Đánh!

Ric-tic nhảy quanh Nagaina, xa ngoài tầm căn con kia, đôi mắt nhỏ của nó nom như hòn than hồng. Nagaina co mình lại quăng theo nó. Ric-tic nhảy lên và lui lại. Mụ lại vò, lại hất, lại quật, và mỗi lần như thế đầu mụ bổ xuống nệm trải hàng hiên đánh oạch rồi lại cuộn về như dây cót đồng hồ.

Tiếp đó Ric-tic nhảy nhót thành đường vòng để vò phía sau con kia, và Nagaina cuộn tròn lại để lấy đầu mình đối đầu con chồn, khiến cho vảy đuôi

nó cạ trên nệm lạo xạo như tiếng lá khô rơi theo gió.

Ric-tic đã quên mất quả trứng rồi. Quả trứng vẫn nằm nguyên trên hàng hiên, và Nagaina mỗi lúc mỗi tới gần, cuối cùng lợi dụng khi Ric-tic lấy hơi, mụ cắp quả trứng vào mồm, chuồn xuống các bậc hàng hiên và lao vút đi như mũi tên theo con đường xuống vườn, và Ric-tic thì rượt theo phía sau. Khi một con mang bành chạy tháo thân, nó chạy vun vút như roi da quất vào cổ ngựa.

Ric-tic thấy rõ nó phải tóm bằng được con kia, nếu không thì mọi chuyện lo lắng thôi sẽ tái diễn. Mụ kia chạy thẳng vào đám cỏ cao dưới bụi gai, và trong lúc chạy, Ric-tic vẫn nghe tiếng Dazzi cất tiếng hát chưa phải lúc, ca tụng chiến thắng. Thế nhưng vợ Dazzi thì khôn ngoan hơn. Cô ả bay ra khỏi tổ lúc con Nagaina chạy ngang và đập cánh vào đầu Nagaina. Nếu Dazzi cũng làm như vậy giúp vợ thì chúng đã khiến con rắn quay lại đây, nhưng Nagaina chỉ hạ thấp cái mang bành xuống một chút và tiếp tục chạy tháo. Song một chút do dự của mụ đã giúp Ric-tic tiến sát mụ, và trong khi mụ đâm bổ vào cái hang chuột, nơi vợ chồng mụ thường ở thì bộ răng trắng của Ric-tic cắn luôn vào đuôi mụ. Phải nói là ít con chồn Mangut tinh khôn và già dặn tới đâu cũng thận trọng không theo mang bành vào lỗ hang nó ở. Trong hang tối mịt; và Ric-tic sao biết được khi nào thì hang rộng ra, tạo khoảng trống cho Nagaina quay lại và cắn nó. Nó bám chặt con Nagaina một cách quyết liệt, và xoạc chân ra làm càng hãm trên con đường dốc tối mò, nóng và ẩm.

Khi đám cỏ cửa hang ngừng lay động; Dazzi nói:

- Thế là xong đời Ric-tic! Chúng ta hãy hát bài ca về cái chết của chàng, Ric-tic dũng mãnh đã hy sinh! Chắc chắn là dưới hang Nagaina sẽ giết chết chàng.

Thế là anh ta hát một bài ca tang lễ cực kỳ buồn thảm chọt nghĩ ra lúc đó, và

đúng lúc hát tới khúc xúc động nhất, thì thấy cỏ lại lay động, Ric-tic mình đầy cát bụi lê lét từng bước ra khỏi hang, vừa đi vừa liếm râu mép. Dazzi ngừng bật và kêu khẽ, Ric-tic rũ chút bụi khỏi lông và hắt hơi.

- Xong cả rồi! – Nó nói – Con mẹ goá không khi nào còn quay trở lại nữa. Những con kiến đỏ sống giữa đám cỏ nghe nó nói thế, bắt đầu xếp hàng một đi xuống xem nó nói có đúng sự thật hay không.

Ric-tic cuộn tròn mình trên đám cỏ và cứ thế lăn ra ngủ, ngủ mãi cho tới xế chiều, vì cả ngày nó đã làm việc quá nặng nhọc.

- Bây giờ tớ về nhà đây – Nó nói lúc tỉnh dậy – Dazzi à, báo cho bác thợ đúc đồng, và bác ta sẽ thông báo cho cả khu vườn rằng Nagaina đã chết.

Bác thợ đúc đồng là một con chim tạo ra tiếng động hết như người gõ cái búa con lên một cái vò bằng đồng. Nó làm thế vì nó là người rao tin cho mỗi khu vườn của người Ấn Độ, nó đưa mọi tin tức cho mọi người nào chịu nghe. Khi Ric-tic lững thững đi theo con đường trong vườn, nó nghe thấy những tiếng dạo đầu hết như tiếng cồng báo giờ ăn chiều, sau đó là những tiếng chậm rãi “ Cồng cồng tóc, Nag đã chết - Cồng! Nagaina đã chết! Cồng cồng tóc! ”. Thế là mọi con chim trong vườn đều hót, ếch kêu uôm uôm, bởi vì Nag và Nagaina thường quen ăn ếch như ăn chim non.

Khi Ric-tic về tới nhà, Teddie cùng mẹ em (nom bà vẫn nhọt nhọt, vì bà đã ngắt lịm) và ba em ra đón. Hầu như cả nhà đã kêu ầm lên tên nó. Tối đó nó đã ăn mọi thứ người ta đem đến cho tới khi không ăn nổi nữa, và nó cười trên vai Teddie mà đi vào phòng ngủ. Mẹ Teddie thấy nó vẫn ở nguyên đó khi bà vào thăm con trai lúc đêm khuya.

- Nó đã cứu sống chúng ta và cứu sống Teddie – Bà nói với chồng – Đúng không? Nó cứu sống tất cả chúng ta.

Ric-tic thức dậy và nhảy lên, vì những con chồn Mangut đều tỉnh ngủ.

- Ô! Ông bà đó ư? – Nó nói – Ông bà lo lắng chuyện gì vậy? Tất cả những

con mang bánh đều chết cả rồi; mà nếu chúng nó còn, thì đã có tôi đây.
Ric-tic có quyền tự hào, thế nhưng nó không kiêu căng quá, nó canh giữ khu vườn theo đúng trách nhiệm của chồn Mangut, bằng cả răng và chân nhảy, chạy và cắn, cho tới khi nào không còn một con mang bánh dám thò đầu vào bên trong các bức tường mới thôi.

Dương Tường

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Ric - Tic - Tặc

**DƯƠNG TƯỜNG tuyển chọn.
Tuyển truyện của các nhà văn nước ngoài viết về loài vật.**

**RUDYARD KIPLING.
Nhà văn Anh.**

Đây là câu chuyện về một cuộc chiến tranh to lớn gớm ghê mà Ric-tic-tặc đã tiến hành đơn thương độc mã, trong phòng tắm của một ngôi nhà ở vùng Cigouli. Dazzi, con chim chích, đã giúp nó một tay, và Chuchundra, con chuột xạ, là đứa không khi nào bỏ ra giữa nhà mà chỉ dạo dũi quanh tường, đã cố vấn cho nó; nhưng Ric-tic-tặc thì đã chiến đấu thật sự.
Nó là một con chồn Mangut, nom tựa tựa con mèo con ở bộ lông và cái đuôi, nhưng hoàn toàn giống con chồn ở cái đầu và trong các thói quen. Đôi mắt nó cùng cái mũi dài bất tận có màu hồng; nó có thể tự mò đi khắp nơi mà không cần dùng tới chân trước lẫn chân sau; nó có thể làm xù đuôi lên cho tới khi nom tựa cái bàn chải rửa bóng đèn, rửa chai lọ; và tiếng kêu xung trận của nó, khi nó cất lên trong đám cỏ cao là: Ric-tic-tic tic-tặc!
Một hôm, trận lụt lớn mùa hè đã cuốn nó ra khỏi hang nó đang sống cùng

cha mẹ, và cứ thế lúc lắc đong đưa tha nó đi dọc con mương bên đường lớn. Nó vớ được một nạm cỏ đang trôi, nó bám vào đó cho tới khi ngất đi bất tỉnh. Lúc sống lại, nó nằm dưới nắng chang chang giữa một lối đi trong vườn, người lấm bết lấm bết, và một chú bé con đang bảo:

- Đây, một con chồn Mangut chết. Chúng mình chôn nó đi.

- Không - Mẹ chú bé nói – Ta đem sưởi khô cho nó. Có thể là nó chưa chết thật đâu.

Họ đem nó vào trong nhà, và một ông to lớn nhón tay cầm nó rồi nói rằng nó không chết mà chỉ ngạt thở thôi, thế là họ bọc nó trong đồng nùi bông, sưởi cho nó, và nó mở mắt ra rồi hắt xì hơi.

-Thôi nào, đừng làm nó sợ, rồi ta sẽ xem nó làm được những gì. - Người đàn ông to lớn nói.

Trên đời này chuyện khó khăn hơn cả, là làm cho một con chồn Mangut sợ hãi, bởi vì toàn bộ con người nó chỉ là sự tò mò. Khẩu hiệu của dòng chồn Mangut là “ Chạy và tìm ”, và Ric-tic là một chú chồn Mangut đích thị. Nó xem xét đồng nùi bông, cho rằng món đó không ngon, nó chạy quanh bàn, ngồi dậy và sữa sang bộ lông, bò đi bò lại rồi nhảy tót lên vai cậu bé con.

- Đừng sợ, Teddie! – Cha cậu nó – Cách nó tìm bạn là như vậy đấy.

- Ồi! Nó cù cằm con buồn buồn là! – Teddie nói.

Ric-tic nhòm xuống giữa cổ áo và cổ cậu bé, thở hơi vào tai cậu ta, bò xuống sàn nhà rồi ngồi đấy cọ mũi mình.

- Sao mà khéo! - Mẹ Teddie nói – Con vật hoang dã mà thế đấy! Có lẽ nó dễ thuần hóa như vậy, vì chúng ta đã đối xử tử tế với nó.

- Chồn Mangut nào thì cũng như thế - Ông chồng bà nói - Nếu như Teddie không nắm đuôi nó mà kéo và không tìm cách cho nó vào lồng, thì nó sẽ suốt ngày ra ra vào vào nhà này. Ta cho nó chút gì ăn đi.

Họ cho nó miếng thịt sống. Ric-tic thích món đó vô cùng, và khi đã chén

xong, nó đi ra ngoài hiên ngồi dưới nắng mà xù lông ra cho khô đến tận chân lông. Và nó cảm thấy khá hơn.

- Trong nhà này còn nhiều thứ nữa để tìm – Nó tự bảo – mà họ hàng nhà ta trong suốt cả đời cũng không tìm ra nhiều bằng. Nhất định ta sẽ ở đây và tìm cho ra.

Suốt cả ngày hôm đó nó lẩn mò quanh nhà. Chút nữa thì nó bị chết đuối trong cái bồn tắm, nó nhúng mũi vào lọ mực để trên bàn viết, và bị cháy mũi vì chạm vào đầu điều xì gà của ông to lớn, trong lúc nó leo lên vạt áo ông để coi thử việc viết lách là như thế nào. Đêm đến, nó mò vào trong phòng ngủ của Teddie để coi thử đèn măng sông thấp như thế nào, rồi khi Teddie lên giường nằm thì nó cũng lên theo; có điều là nó không lúc nào yên cả, bởi vì nó có nhiệm vụ suốt đêm phải canh chừng mọi tiếng động và tìm cho ra tiếng động đó là vì đâu. Mẹ và cha của Teddie vào phòng để thăm nom con, lúc ấy Ric-tic vẫn thức chồm chồm trên chiếc gối.

- Em không ưa như thế - Mẹ Teddie nói – Nó có thể cắn thẳng bé.

- Nó chẳng làm những chuyện như vậy đâu - Người cha nói – Teddie sẽ an toàn với con vật bé bỏng này hơn là có một con chó săn canh chừng cho. Lúc này, nếu có một con rắn chui vào...

Thế nhưng mẹ của Teddie không thích nghĩ tới bất kỳ chuyện gì kinh hoàng như vậy.

Sáng sớm Ric-tic đã cõng trên vai Teddie đi ăn điểm tâm ngoài hàng hiên, và họ cho nó trái chuối cùng trứng luộc và nó ngồi trên vạt áo của từng người, bởi vì mỗi con chồn Mangut đều hy vọng một lúc nào đó trở thành chồn nhà, và có những căn buồng để ra ra vào vào, và mẹ của Ric-tic (mẹ của nó thường ở trong căn nhà ngài Đại tướng ở Cigouli) đã từng cẩn thận dặn dò nó về cách thức cư xử khi chẳng may bắt gặp người da trắng.

Sau đó Ric-tic đi ra ngoài vườn hoa để xem có gì đáng nhìn thì nhìn. Đó là

một cái vườn rộng, nửa trồng trọt cẩn thận, nửa để hoang, với những bụi cây lớn như ở những nhà nghỉ mùa hè, toàn hoa hồng đại đoá, cam và chanh, với những chùm tre và những bụi cỏ cao. Ric-tic liếm môi khoái trá: “ Thật là một nơi săn bắt tuyệt vời ”, nó nói và đuôi nó xù lên khi nghĩ tới điều đó, thế rồi nó đi tung tắp khắp vườn, cho tới lúc nó nghe thấy những tiếng khóc than ảo não trong một bụi gai.

Đó là Dazzi, con chim chích, cùng với vợ. Chúng đã làm được cái tổ đẹp dễ bằng cách kéo hai cái lá to lại với nhau, rồi lấy xơ sợi khâu các mép lá lại, sau đó nhét bông vào đầy phần rỗng. Cái tổ đu đưa đưa đưa và hai vợ chồng chim chích ngồi trên mép tổ mà gào.

- Có chuyện gì thế? – Ric-tic hỏi.

- Khổ thân chúng tôi quá – Dazzi nói – Có bốn đứa con, thì một cháu hôm qua rơi khỏi tổ và bị Nag ăn thịt.

- Hừ - Ric-tic nói - thế thì đau khổ thật...Nhưng tôi là người lạ ở chốn này. Nag là ai vậy?

Dazzi cùng vợ chỉ co rúm lại trong tổ mà không trả lời, bởi vì lúc đó trong đám cỏ dày dưới bụi cây vang lên một tiếng rít khẽ...Một âm thanh lạnh lẽo khủng khiếp khiến cho Ric-tic phải nhảy lùi về phía sau mấy bước. Tiếp đó, từ trên thảm cỏ ngھn cao dần cái đầu và cái mang bành của Nag, con rắn hổ mang đen to lớn, từ đầu tới đuôi dài đến thước rưỡi. Khi nó ngھn cao khỏi mặt đất một phần ba thân, nó liền đứng như vậy mà đu đưa, hết như bụi cỏ công anh đu đưa trong gió, và nó nhìn Ric-tic bằng đôi mắt rắn độc ác, đôi mắt không khi nào thay đổi cách biểu lộ tình cảm, bất kể khi đó rắn đang nghĩ tới điều gì.

- Nag là ai ư? – Nó nói – Nag là ta đây! Đức Phật tổ đã đánh dấu lên toàn bộ loài ta từ khi con mang bành đầu tiên che mặt trời cho Ngài ngủ. Nhìn đây, sợ chưa?

Nó bành mang to hơn nữa, và Ric-tic thấy cái hình đôi mắt kính phía sau đầu con rắn, nom như cái vòng của cái móc áo đeo vào. Nó thấy sợ một giây lát, nhưng với một con chồn Mangut không thể có chuyện sợ hãi, và cho dù trước đây Ric-tic chưa từng bắt gặp một con mang bành sống bao giờ, mẹ nó đã từng nuôi nó bằng rắn chết, và nó biết rằng toàn bộ công việc của một con chồn Mangut trưởng thành trên cõi đời này là chiến đấu và ăn rắn. Nag cũng biết điều đó, và tận cùng trong trái tim lạnh lẽo, nó thấy sợ.

- Được – Ric-tic nói, đuôi nó lại xù lên – Có dấu hay không có dấu cũng thế thôi. Anh cho rằng anh có quyền ăn chim non rơi khỏi tổ ư?

Nag suy nghĩ và đang ngóng đợi một cử động thật nhỏ trong đám cỏ phía sau lưng Ric-tic. Nó biết rằng, có chồn Mangut trong vườn là sớm muộn sẽ có sự chết chóc cho dòng họ nó, nhưng lúc này nó muốn làm cách gì cho Ric-tic mất cảnh giác. Nó hạ thấp đầu xuống hơn một chút và ngả sang một bên.

- Chúng ta thử lý sự nào! – Nó nói – Anh ăn trứng, tại sao tôi không ăn chim được?

- Sau lưng kia! Đề phòng sau lưng kia! – Dazzi hét lên.

Ric-tic đã có thừa hiểu biết để không phí thời gian nhìn xem có chuyện gì. Nó nhảy lên thật cao hết sức mình, và đúng lúc đó, dưới chân nó, cái đầu con rắn cái Nagaina phóng qua. Con mụ này đã dò tới sau lưng, trong lúc nó đang nói chuyện để định hạ thủ nó. Con mụ ấy cắn huyệt và Ric-tic nghe thấy tiếng rít man rợ của mụ. Nó nhảy xuống đất suýt trúng lưng con rắn cái, và nếu như nó là một con chồn Mangut già đời thì nó thừa biết rằng chính đó là thời điểm, cắn một miếng gầy lưng con rắn cái; thế nhưng nó đã sợ cú vụt lại ghê gớm của con rắn. Nó cũng cắn, nhưng rồi buông ra ngay, và nó nhảy phắt ngay để tránh cái đuôi quật lại vun vút, còn con Nagaina thì ứa nước mắt và tức điên người.

- Con Dazzi thâm độc, thâm độc! – Nag nói, và nó cố vụt cái đuôi lên cái tổ chim trên bụi gai. Nhưng Dazzi đã dựng tổ ngoài tầm với tới của loài rắn, cú vụt ấy chỉ làm cái tổ đu đưa qua lại mà thôi.

Ric-tic cảm thấy mắt nó đỏ lừ và nóng lên (khi mắt con chồn Mangut chuyển thành màu đỏ, ấy là nó đang giận dữ), và nó ngồi lên đuôi cùng hai chân sau tựa như một con thú có túi nho nhỏ và nhìn xung quanh, răng va vào nhau lập cập điên giận. Nhưng Nag và Nagaina đã biến mất hút trong bụi cỏ. Khi một con rắn cắn hụt, nó không nói điều gì bao giờ và cũng không lộ bất kỳ dấu hiệu nào cho biết sau đó nó sẽ làm gì. Ric-tic không thèm theo dõi chúng, nhưng nó không cảm thấy vững lòng rằng, nó có thể đối địch được cùng một lúc với hai con rắn. Vì vậy nó chạy nước kiệu về phía lối đi rải sỏi gần nhà và ngồi đó suy nghĩ. Đây cả là một vấn đề nghiêm trọng đối với nó.

Nếu như các bạn được đọc các sách cũ về giới tự nhiên, các bạn sẽ thấy trong đó nói rằng, khi một con chồn Mangut đánh nhau với rắn và bị rắn cắn, nó sẽ chạy đi tìm một thứ cỏ để trị nọc độc. Điều đó không đúng đâu. Chiến thắng chỉ là vấn đề nhanh mắt và nhanh chân - rắn thì quật và chồn Mangut thì nhảy – và do chỗ chẳng có mắt nào theo dõi nổi sự vận động của đầu con rắn khi nó mổ, nên nhưng chuyện đó còn diệu kỳ hơn chuyện cỏ từ thuật nhiều. Ric-tic biết, nó là một con chồn Mangut còn non, nên nó càng thú vị khi nghĩ rằng nó đã có thể tránh được một cú đòn từ phía sau lưng. Điều đó khiến nó có tự tin, và khi Teddie chạy tới, nó đã sẵn sàng chờ Teddie ve vuốt nó.

Thế nhưng đúng lúc Teddie cúi xuống thì có một cái gì quẩn quại trong bụi cát, và một tiếng nói nho nhỏ cất lên: “ Cẩn thận, ta là sự chết đây! ”. Đó là Karait, con rắn nhỏ màu nâu như bùn đất và lại thích nằm nơi đất cát, nó mà cắn thì cũng nguy hiểm như mang bành cấn. Thế nhưng nó nhỏ bé quá khiến

cho chẳng ai nghĩ tới nó, và vì vậy mà nó càng nguy hiểm cho mọi người. Đôi mắt của Ric-tic lại đỏ lựng lên, và nó vồ lên Karait bằng cú vồ gọn mềm đặc biệt, thừa hưởng của dòng họ. Nom thì thật tức cười, nhưng cái dáng lại uyển chuyển thật khéo, khiến bạn có thể bật ra từ bất kỳ góc độ nào bạn chọn, và trong cuộc chiến đấu với loài rắn thì đó quả là một lợi thế. Ric-tic không biết rằng nó đang làm một công việc còn nguy hiểm hơn cả việc đánh con mang bành Nag, bởi vì Karait bé quá và có khả năng quay ngoắt lại thật nhanh, và trù phi Ric-tic cắn đúng vào gáy nó, nếu không con kia có thể vùng lại cắn vào mắt hoặc môi Ric-tic. Nhưng Ric-tic không cần biết điều đó. Đôi mắt nó đỏ lựng lên rồi, nó cứ thế xông thẳng tới, và tìm chỗ mà đớp chặt lấy, Karait trườn mất. Ric-tic nhảy sang bên và cố đuổi theo, nhưng cái đầu xám độc ác màu đất nho nhỏ đã quật vào vai nó, do đó nó phải nhảy lên thân con rắn, nhảy tới và cắn liền.

Teddie gọi toáng về nhà:

- Ô coi này! Con chồn nhà ta đang cắn chết một con rắn!

Ric-tic thấy mẹ Teddie kêu thét lên. Cha Teddie nhào ra với cây gậy, nhưng tới nơi thì Karait đã trườn đi xa hơn nữa rồi, còn Ric-tic thì lao theo, nhảy lên lưng con rắn, đầu nó vươn xa hơn chân trước và nó cắn ngáp thật cao phía lưng con rắn rồi lặn ra.

Miếng cắn đó làm con Karait tê liệt, và Ric-tic đang định chén thịt con rắn từ đuôi chén lên theo tục lệ bữa ăn chiều của dòng họ, thì nó chợt nhớ rằng ăn quá no làm cho chồn Mangut trở nên chậm chạp, và nếu như nó muốn cho toàn bộ sức mạnh và sự nhanh nhẹn ở trạng thái luôn luôn sẵn sàng, thì nó phải giữ sao cho thân hình thon thả.

Nó bỏ đi dũi mình trong bụi đất dưới bụi thầu dầu trong lúc cha Teddie đánh con Karait đã chết rồi. “ Làm thế để làm gì nhỉ? – Ric-tic nghĩ – Mình đã giải quyết xong xuôi rồi cả mà! ”. Sau đó mẹ Teddie nhắc nó ra khỏi đám

đất cát và ve vuốt nó, la lên rằng nó đã cứu Teddie thoát chết, cha Teddie thì nói rằng đó là thiên mệnh, còn Teddie thì nhìn với đôi mắt kinh hãi mở to. Ric-tic cũng thấy thú vị trước những lời lẽ líu tíu của họ mà dĩ nhiên là nó chẳng hiểu chút gì. Lẽ ra mẹ Teddie cứ cho cậu ta lăn mình chơi vầy trong cát bụi có hơn không. Ric-tic thấy nó hoàn toàn sung sướng.

Tối hôm đó, vào lúc dùng bữa, nó đi đi lại lại giữa những cốc rượu vang trên bàn, ba lần nó được nhúng mũi vào những món ăn ngon; thế nhưng nó vẫn nhớ tới Nag và Nagaina, và mặc dù được Teddie cưng chiều ve vuốt, được ngồi trên vai Teddie, mắt nó thỉnh thoảng vẫn đỏ nọc lên và nó những muốn cất lên tiếng kêu chiến trận: Ric-tic-tic-tic-tặc.

Teddie đem nó vào giường ngủ và nài nỉ nó nằm ngủ ngay dưới cổ chú bé. Ric-tic đã được giáo dục tử tế nên chẳng cần cũng chẳng cào, nhưng Teddie vừa chợp ngủ là nó chuồn khỏi giường để tiến hành đi tuần tra quanh căn nhà, và trong bóng đêm nó bắt gặp Chuchundra, con chuột xạ đang bò men tường. Chuchundra là một con vật nhỏ đầu khỏ. Nó rên rỉ, chút chút suốt đêm, cố nghĩ cách nào ra được giữa căn phòng, nhưng chẳng khi nào ra nổi đó.

- Đừng giết tôi – Chuchundra nói gần như khóc – Ric-tic, xin đừng giết tôi.
- Mày cho rằng một kẻ giết được rắn lại đi giết chuột xạ ư? – Ric-tic nói với kẻ khinh thị.
- Kẻ nào giết rắn sẽ bị rắn giết – Chuchundra nói càng rầu rĩ hơn - Mày lại, sao lại không có thể vào một đêm tối nào đó Nag nhâm tôi là anh?
- Thế thì chẳng có tí hiểm nguy nào hết – Ric-tic nói – vì Nag ở ngoài vườn, còn chú mày thì chẳng ra được ngoài đó.
- Chưa, em họ tôi, con chuột ấy, nó nói vờ tôi... - Chuchundra nói rồi ngừng lại.
- Nói với mày cái gì?

- Hắt xì! Nag có mặt mọi nơi, Ric-tic ạ. Anh nên hỏi Chua ở ngoài vườn ấy.

- Không...mày phải cho ta biết. Nói nhanh, Chuchundra, không ta sẽ cắn.

Chuchundra ngồi xuống và kêu la cho tới khi nước mắt chảy đầm đìa râu ria.

- Tôi thật là con người đau khổ - Nó nức nở - Tôi chẳng khi nào có đủ can đảm bò ra được khỏi phòng. Hắt xì! Tôi không thể nói với anh điều gì cả.

Anh có nghe thấy gì không Ric-tic?

Ric-tic lắng nghe. Căn nhà vẫn còn yên tĩnh, nhưng hình như nó có nghe thấy một tiếng sột soạt rất khẽ đâu đây – một tiếng động yếu ớt như tiếng con ong vò vẽ bay đậu trên ô kính cửa sổ - tiếng sột soạt khô khan của con rắn bò trên tường gạch.

- Đó là con Nag hoặc Nagaina – Nó tự bảo – và nó đang bò vào đường tháo nước nhà tắm. Mày nói đúng, Chuchundra ạ, tao phải ra hỏi Chua xem sự thể ra sao.

Nó lén vào phòng tắm của Teddie, nhưng ở đó chẳng có chuyện gì, sau đó lại sang phòng tắm của mẹ Teddie. Ở dưới chân bức tường vừa mềm có một viên gạch gờ ra để làm đường tháo nước tắm, và từ chỗ Ric-tic nấp bên trong bồn tắm, nó nghe thấy Nag và Nagaina thì thảo với nhau bên ngoài trời trăng sáng.

- Khi căn nhà không còn ai nữa – Nagaina nói với chồng – nó sẽ phải đi chỗ khác, sau đó khu vườn sẽ lại thuộc về vợ chồng mình. Cứ bình tĩnh mà vào, và nhớ rằng phải cẩn trọng nhất vào cái thằng to lớn đã giết chết Karait, nghe không? Sau đó thì anh quay ra cho em biết, và hai ta sẽ cùng săn đuổi con Ric-tic.

- Nhưng mình có tin rằng ta cứ cắn chết người thì có lợi lộc gì không? – Nag nói.

- Lợi lộc đủ điều! Khi nào trong căn nhà không còn ai nữa, thì ngoài vườn

làm sao còn có con chồn Mangut nào cho nổi? Chùng nào căn nhà trống không thì hai ta còn là hoàng đế và hoàng hậu của khu vườn. Mình cũng nên nhớ rằng, khi trứng các con ta ngoài vườn đưa nở (chỉ ngày mai thôi), các con cần có chỗ ở và sự yên tĩnh chứ.

- Tôi không nghĩ tới chuyện đó – Nag nói – Tôi đi đây. Nhưng sau đó cần gì phải săn đuổi Ric-tic chứ? Tôi sẽ giết lão to xác cùng với vợ nó và cả thằng con nếu có thể làm được, sau đó tôi lặng lẽ quay ra. Sau đó căn nhà sẽ trống không và Ric-tic sẽ ra đi.

Ric-tic thấy ngứa cả người vì điên giận và căm ghét, thế rồi sau đó cái đầu của Nag thò qua cửa cống và tấm thân dài thước rươi lạnh lẽo bò theo. Giận điên lên rồi, nhưng Ric-tic cũng thực sự thấy sợ khi nhìn thấy thân xác to lớn con mang bành. Nag cuộn mình lại, ngóc đầu lên nhòm vào buồng tắm trong bóng tối. Ric-tic thấy rõ đôi mắt nó lấp lánh.

- Nếu lúc này ta giết nó, vợ nó sẽ biết ngay, nhưng nếu nó bò ra giữa phòng, ta mới tiến công thì nó có nhiều lợi thế. Làm cách gì đây? – Ric-tic tự bảo. Nag đu đưa đầu qua lại, sau đó Ric-tic thấy nó uống nước trong cái vò lớn thường dùng để đổ nước cho bồn tắm.

- Hay lắm – Con rắn nói - Hồi Karait bị giết, lão to xác có một cây gậy. Hẳn có thể vẫn còn cây gậy đó, nhưng đến sáng khi lão vào phòng tắm hẳn sẽ không mang gậy theo. Ta sẽ đợi cho tới khi lão tới. Nagaina, em nghe tiếng anh không? Anh sẽ chờ trong cảnh lạnh giá này cho tới sáng rõ.

Bên ngoài không có tiếng đáp lại, vì thế Ric-tic biết rằng Nagaina đã đi xa. Nag cuộn mình lại từng cuộn, từng cuộn, quanh khúc phình đáy chum nước, còn Ric-tic đứng im như chết. Sau một tiếng đồng hồ, nó bắt đầu cử động từng thớ, từng thớ thịt một, hướng tới vò nước. Nag đã ngủ và Ric-tic chăm chú nhìn cái lưng to lớn của con rắn, tự hỏi xem cần vào chỗ nào là tốt hơn cả.

- Nếu ngay từ miếng đầu tiên mà ta không cắn gãy cái lưng kia – Ric-tic nghĩ – thì nó vẫn còn chiến đấu được, và nó đánh lại...thì ôi thôi Ric-tic! Nó nhìn vào chỗ đầy đầy ở con rắn, phía dưới chỗ cái mang bành ra, nó thấy khó mà cắn nổi. Thế nhưng cắn một miếng vào đuôi sẽ càng làm cho Nag dữ tợn thêm.

- Phải cắn vào đầu thôi - Cuối cùng nó nghĩ vậy – Cái đầu sát phía trên cái mang bành ra và hễ đã cắn vào đó thì nhất quyết không thả ra nữa.

Sau đó nó nhảy lên. Đầu con rắn nằm hơi sát vò nước, dưới cái phàn thót vào, và khi rằng nó cắn ngập vào rồi, Ric-tic tựa lưng vào chỗ phình ra bằng sành màu đỏ để ghì chặt cái đầu con rắn. Tất cả những việc đó chiếm mất của nó đúng một giây và nó đã cố hết sức mình trong cái phút giây ấy. Sau đó nó bị quăng đi quật lại như một con chuột bị con chó hành hạ....Quăng quật trên sàn nhà, quăng lên quật xuống và quăng tròn thành những vòng quay lớn, thế nhưng mắt nó đỏ rồi và nó vẫn bám chắc khi thân xác nó bị quật dữ dội, làm đỏ nháo nhào cả chậu thiếc, cả đĩa đựng xà phòng và bàn chải, quật cả vào thành bồn tắm bằng thiếc. Càng bám chắc, rằng nó càng nghiêng chặt, vì nó biết rằng nó sẽ bị quật cho đến chết, và vì danh dự dòng họ, nó sẽ ưng chọn cảnh chết cắn răng. Nó hoa mắt, đau đớn, và thấy mình như bị xé ra làm trăm mảnh, rồi đột nhiên có gì đó bùng ra như một tiếng sét đánh ngay phía sau; một làn gió nóng quật nó ngã ra bất tỉnh và lửa đỏ bén vào bộ lông nó. Người đàn ông to lớn đã thức giấc vì tiếng động mạnh và bắn hết hai băng đạn súng ngắn vào con Nag đúng phía sau cái mang bành ra.

Ric-tic ngã lăn ra, mắt nhắm nghiền, và giờ đây nó hoàn toàn tin chắc mình đã chết. Đầu nó không cử động được, người đàn ông to lớn nhấc nó lên và nói:

-Em này, lại con chồn Mangut. Lần này nó lại cứu mạng chúng mình.

Sau đó mẹ Teddie bước vào với một khuôn mặt trắng bệch và nhìn xem con Nag đã chết ra sao, còn Ric-tic thì tự mình lê tới phòng ngủ của Teddie và từ đó cho tới sáng, nó cứ run lên một cách dễ chịu và cố lục trong óc xem có đúng thân xác nó đã bị xé ra làm vài chục mảnh hay đó là nó tưởng tượng ra. Sáng ngày ra, người nó vẫn còn ngay đơ, nhưng hoàn toàn hài lòng vì những việc đã làm.

- Giờ đây ta phải thanh toán con Nagaina nữa, mà con này còn tệ hại gấp năm lần con Nag! Ta lại biết bao giờ trứng của nó lại sắp nở nữa chứ. Trời ơi là trời! Ta phải đi tìm gặp Dazzi mới được.

Không đợi tới bữa điểm tâm, Ric-tic chạy tới bụi gai, ở đó Dazzi đang ca một bài ca chiến thắng với giọng cao nhất. Tin tức về cái chết của con Nag đã được loan đi khắp vườn vì bác người làm đã quăng xác nó vào đồng rác rồi.

- Chao ôi, cái túm lông ngó ngắn kia – Ric-tic nói một cách giận dữ - lúc này là lúc hát hồng sao?

- Nag chết rồi, chết rồi, chết rồi – Dazzi hát – Chàng dũng sĩ Ric-tic đã cắn vào đầu nó và ngoạm chặt. Ông to lớn mang súng tới bắn, và Nag ngã ra, người tan thành hai mảnh. Nó không còn ăn thịt các con ta nữa.

- Nói thế cũng khá đúng. Nhưng này Nagaina đâu? – Ric-tic nói, mắt quan sát thận trọng xung quanh.

- Nagaina đến cửa phòng tắm và chờ Nag – Dazzi tiếp tục kể - và Nag ra với vợ trên đầu một cây gậy – bác người làm khều nó bằng một cây gậy và quăng nó vào đồng rác. Nào chúng ta hãy hát lên bài ca về chàng Ric-tic vĩ đại mắt đỏ nọc! – Dazzi hít căng lồng ngực rồi cất tiếng hát.

- Tôi mà leo lên tới tổ của anh được, thì tôi đã hất các con anh đi! – Ric-tic nói - Người đâu mà không biết lúc nào thì phải làm việc gì cho đúng. Trong tổ của nhà anh thì cũng đã khá yên rồi, nhưng với tôi thì cuộc chiến tranh

vẫn còn đang tiếp diễn. Hãy ngừng hát một phút đi, Dazzi kia!

- Vì chàng Ric-tic vĩ đại và đẹp đẽ, tôi xin ngừng. Có chuyện gì vậy, thưa ngài, người đã tiêu diệt con Nag khủng khiếp?

- Hỏi lần thứ ba đây: Nagaina đâu?

- Bên đồng rác cạnh chuồng ngựa, đang chôn chồng. Muôn năm Ric-tic vĩ đại răng trắng nhơn!

- Chán cái chuyện răng trắng! Có biết con mẹ ấy đẻ trứng ở đâu không?

- Trong ruộng dưa, nơi góc ruộng sát tường, nơi mặt trời rọi suốt cả ngày. Nó giấu trứng ở đó mấy tuần lễ trước đó rồi.

- Thế mà không báo cho tôi biết từ trước? Ở góc ruộng sát tường phải không?

- Ric-tic, anh không định ăn trứng của nó chứ?

- Không, hoàn toàn là vậy. Dazzi, nếu còn một chút tinh khôn, anh phải bay tới chuồng ngựa, nói rằng cánh bị gãy, và làm cho Nagaina đuổi theo đến tận bụi cây này. Tôi phải ra ruộng dưa bây giờ, tôi e nó nhìn thấy tôi mất.

Dazzi là một con chim nhỏ đầu óc rỗng tuếch, không có khả năng cùng một lúc, giữ nổi hai ý ở trong đầu. Và chính bởi nó nghĩ rằng các con Nagaina cũng từ trứng sinh ra như con nó, nên nó nghĩ ngay rằng không nên giết chúng. Thế nhưng được cô vợ lại là con chim nhạy cảm, nó hiểu rằng trứng mang bành sau này sẽ thành mang bành con. Vì vậy cô ả bay ra khỏi tổ, để cho Dazzi ấp ủ các con, và tiếp tục hát bài ca về cái chết của Nag. Xem ra Dazzi khá giống một anh đàn ông về nhiều phương diện đấy chứ?

Cô nàng chim chích bay lượn trước Nagaina ở chỗ đồng rác và kêu lên:

- Ôi chao, cánh tôi gãy rồi! Thằng bé con trong nhà ném hòn đá và làm gãy cánh tôi rồi!

Nói xong, lại càng bay lượn chập choạng hơn nữa.

Nagaina ngóc đầu lên và rít gió:

- Mày đã báo động cho Ric-tic khi ta định giết nó. Hừ, hay đấy, mày đã chọn đúng chỗ mà dò tới!

Nói rồi, nó lao tới chỗ cô vợ Dazzi, người trườn trong cát bụi.

- Thằng bé lấy viên cuội, ném gãy cánh tôi rồi! - Vợ Dazzi la lên.

- Hay đấy! Có khi mày sẽ thấy khoan khoái khi mày được biết chắc rằng tao đã thanh toán thằng nhãi. Chồng tao sáng nay đã nằm trong đồng rác, nhưng rồi trước đêm nay thằng nhãi cũng sẽ nằm cong queo. Mày chạy trốn mà làm gì? Tao cam đoan sẽ tóm được mày. Con điên con rồ kia trông ta đây!

Vợ của Dazzi khôn ngoan chán chứ đâu có chịu trông như vậy, vì một con chim mà nhìn thẳng vào mắt con rắn thì sẽ sợ đến ríu chân lại. Vợ Dazzi vỗ cánh, miệng chiêm chiếp thăm thiết, nhưng nhất định không bay lên quá cao, và Nag cũng vội đuổi nhanh hơn.

Ric-tic nghe thấy chúng theo đường từ chuồng ngựa đi lên, và nó chạy nhanh tới cuối vườn dừa gần bức tường. Ở đó, trong cái ổ rơm ấm nóng bên các trái dừa, được che giấu rất khôn khéo, nó tìm thấy hai mươi lăm quả trứng, to gần như trứng gà nhưng không có vỏ cứng mà có lớp màng hơi trắng trắng.

- Mình đến sớm không quá một ngày! – Nó nói thế vì nó đã thấy rõ những con mang bành con oằn oại trong làn vỏ, và nó biết rằng một khi nở ra rồi, mỗi con đó có thể cắn chết một con người hoặc một con chồn Mangut. Nó cắn vỡ thật nhanh các quả trứng, thận trọng nghiền nát những con mang bành non, và thỉnh thoảng lại lật cái ổ lên xem còn sót con nào không. Cuối cùng vẫn còn sót ba quả, và Ric-tic bắt đầu cười thầm khoái trá, thì bỗng nó nghe thấy tiếng vợ Dazzi thét lên:

- Ric-tic, tôi đã lừa con Nagaina tới nhà, nó đã vào hàng hiên, thế rồi...Ồi giời, đến nhanh lên...nó có ý định giết người đó!

Ric-tic đập nát hai quả trứng, mồm ngậm quả thứ ba, ngã nhào trên ruộng

đưa và hồi hả chạy về hàng hiên khi chân vừa kịp chạm đất. Teddie cùng mẹ và cha đang ở đó dùng bữa điểm tâm, nhưng Ric-tic thấy họ chẳng ăn gì cả. Họ ngồi ngây như đá, và mặt họ trắng bệch. Nagaina đứng cuộn vòng trên tấm thảm dưới ghế Teddie ngồi, cách rất gần cái chân trần của Teddie, muốn chớp lúc nào cũng được, đầu đưa cất lời ca chiến thắng.

- Đây, thằng con trai của lão to lớn đã giết Nag – Nó rút lên - Ngồi yên, tao vẫn chưa sẵn sàng đâu. Hãy chờ một chút. Cả ba tên hãy ngồi yên! Nhúc nhích tao cắn; không nhúc nhích tao cũng cắn. Trời ơi bọn điên rồ, bọn đã giết Nag của ta!

Mắt Teddie nhìn chăm chăm vào cha, và tất cả những gì mà cha cậu làm được là thì thầm:

- Ngồi yên, Teddie! Không động đây. Teddie ngồi yên!

Thế rồi Teddie tới và kêu lên:

- Quay lại đây Nagaina! Quay lại đây và chiến đấu!

- Đúng lúc quá! – Con rắn nói, mắt không động đây – Đây, tao sẽ thanh toán mày liền đây thôi. Hãy nhìn các bạn mày kia! Chúng ngồi ngây ra và trắng bệch. Chúng sợ, chúng không dám động đây. Còn mày, nếu tiến thêm một bước nữa, tao sẽ cắn các bạn của mày.

- Hãy tới và coi trứng của mày ngoài ruộng dưa – Rictic nói – Ra mà coi, Nagaina!

Con rắn to lớn hơi quay lại và nhìn thấy quả trứng trên hàng hiên.

- Trời! Đưa đây cho ta! – Nó nói.

Ric-tic dùng hai chân bóp chặt hai bên quả trứng mắt nó đỏ ngầu.

- Một quả trứng rắn là cái thứ gì? Một con mang bành non là cái thứ quái gì nhỉ? Là cái thá gì con mang bành cuối cùng, thật sự cuối cùng của cả đàn?

Kiến đang ăn những quả trứng khác ngoài ruộng dưa ấy!

Nagaina quay ngoắt lại quên hết mọi chuyện vì một quả trứng; và Ric-tic

thấy cha Teddie đưa ra một bàn tay to tướng túm lấy vai con trai và nâng bổng nó qua cái bàn nhỏ đầy những chén trà, ra khỏi vòng nguy hiểm do con Nagaina không chế.

- Bị lừa rồi! Lừa rồi! Lừa rồi! Ric-tic-tic-tặc – Ric-tic reo lên - Cậu bé an toàn rồi, và chính ta...ta...ta đây đã cản đúng mang bánh con Nag đêm qua trong bồn tắm.

Sau đó, nó bắt đầu nhảy căng lên, bốn chân chụm lại, đầu sát sàn nhà. Nó nói tiếp:

- Con Nag quăng ta đây, quật ta đây, nhưng nó không tài nào làm văng ta ra nổi. Nó đã chết cứng trước khi ông to lớn kia bắn nó nát làm đôi. Chính ta làm được việc đó. Ric-tic-tic-tặc! Nào, lại đây, Nagaina. Lại đây độ sức cùng ta. Mi sẽ chẳng còn là mụ goá nữa.

Nagaina thấy rõ nó mất cơ hội giết chết Teddie, và quả trứng vẫn còn nằm gọn giữa hai bàn chân Ric-tic.

- Đưa trả ta quả trứng Ric-tic! Đưa trả ta quả trứng cuối cùng, và ta sẽ ra đi và không trở lại nữa - Mụ nói, cái mang bánh hạ thấp xuống.

- Phải, mụ sẽ ra đi, và sẽ không khi nào trở lại nữa. Vì mụ sẽ ra đồng rác cùng với con Nag. Đánh đi mụ goá kia! Ông to lớn đã đem súng ra rồi. Đánh!

Ric-tic nhảy quanh Nagaina, xa ngoài tầm cần con kia, đôi mắt nhỏ của nó nom như hòn than hồng. Nagaina co mình lại quăng theo nó. Ric-tic nhảy lên và lui lại. Mụ lại vồ, lại hất, lại quật, và mỗi lần như thế đầu mụ bổ xuống nệm trải hàng hiên đánh oạch rồi lại cuộn về như dây cót đồng hồ.

Tiếp đó Ric-tic nhảy nhót thành đường vòng để vồ phía sau con kia, và Nagaina cuộn tròn lại để lấy đầu mình đối đầu con chồn, khiến cho vảy đuôi nó cọ trên nệm lạo xạo như tiếng lá khô rơi theo gió.

Ric-tic đã quên mất quả trứng rồi. Quả trứng vẫn nằm nguyên trên hàng

hiên, và Nagaina mỗi lúc mỗi tới gần, cuối cùng lợi dụng khi Ric-tic lấy hơi, mụ cắp quả trứng vào mồm, chuồn xuống các bậc hàng hiên và lao vút đi như mũi tên theo con đường xuống vườn, và Ric-tic thì rượt theo phía sau. Khi một con mang bành chạy tháo thân, nó chạy vun vút như roi da quất vào cổ ngựa.

Ric-tic thấy rõ nó phải tóm bằng được con kia, nếu không thì mọi chuyện lo lắng thôi sẽ tái diễn. Mụ kia chạy thẳng vào đám cỏ cao dưới bụi gai, và trong lúc chạy, Ric-tic vẫn nghe tiếng Dazzi cất tiếng hát chưa phải lúc, ca tụng chiến thắng. Thế nhưng vợ Dazzi thì khôn ngoan hơn. Cô ả bay ra khỏi tổ lúc con Nagaina chạy ngang và đập cánh vào đầu Nagaina. Nếu Dazzi cũng làm như vậy giúp vợ thì chúng đã khiến con rắn quay lại đây, nhưng Nagaina chỉ hạ thấp cái mang bành xuống một chút và tiếp tục chạy tháo. Song một chút do dự của mụ đã giúp Ric-tic tiến sát mụ, và trong khi mụ đâm bổ vào cái hang chuột, nơi vợ chồng mụ thường ở thì bộ răng trắng của Ric-tic cắn luôn vào đuôi mụ. Phải nói là ít con chồn Mangut tinh khôn và già dặn tới đâu cũng thận trọng không theo mang bành vào lỗ hang nó ở. Trong hang tối mịt; và Ric-tic sao biết được khi nào thì hang rộng ra, tạo khoảng trống cho Nagaina quay lại và cắn nó. Nó bám chặt con Nagaina một cách quyết liệt, và xoạc chân ra làm càng hãm trên con đường dốc tối mò, nóng và ẩm.

Khi đám cỏ cửa hang ngừng lay động; Dazzi nói:

- Thế là xong đời Ric-tic! Chúng ta hãy hát bài ca về cái chết của chàng, Ric-tic dũng mãnh đã hy sinh! Chắc chắn là dưới hang Nagaina sẽ giết chết chàng.

Thế là anh ta hát một bài ca tang lễ cực kỳ buồn thảm chọt nghĩ ra lúc đó, và đúng lúc hát tới khúc xúc động nhất, thì thấy cỏ lại lay động, Ric-tic mình đầy cát bụi lê lét từng bước ra khỏi hang, vừa đi vừa liếm râu mép. Dazzi

ngừng bật và kêu khẽ, Ric-tic rũ chút bụi khỏi lông và hắt hơi.

- Xong cả rồi! – Nó nói – Con mẹ goá không khi nào còn quay trở lại nữa. Những con kiến đỏ sống giữa đám cỏ nghe nó nói thế, bắt đầu xếp hàng một đi xuống xem nó nói có đúng sự thật hay không.

Ric-tic cuộn tròn mình trên đám cỏ và cứ thế lăn ra ngủ, ngủ mãi cho tới xế chiều, vì cả ngày nó đã làm việc quá nặng nhọc.

- Bây giờ tớ về nhà đây – Nó nói lúc tỉnh dậy – Dazzi à, báo cho bác thợ đúc đồng, và bác ta sẽ thông báo cho cả khu vườn rằng Nagaina đã chết.

Bác thợ đúc đồng là một con chim tạo ra tiếng động hết như người gõ cái búa con lên một cái vò bằng đồng. Nó làm thế vì nó là người rao tin cho mỗi khu vườn của người Ấn Độ, nó đưa mọi tin tức cho mọi người nào chịu nghe. Khi Ric-tic lững thững đi theo con đường trong vườn, nó nghe thấy những tiếng dạo đầu hết như tiếng cồng báo giờ ăn chiều, sau đó là những tiếng chậm rãi “ Cồng cồng tóc, Nag đã chết - Cồng! Nagaina đã chết! Cồng cồng tóc! ”. Thế là mọi con chim trong vườn đều hót, ếch kêu uôm uôm, bởi vì Nag và Nagaina thường quen ăn ếch như ăn chim non.

Khi Ric-tic về tới nhà, Teddie cùng mẹ em (nom bà vẫn nhọt nhọt, vì bà đã ngắt lịm) và ba em ra đón. Hầu như cả nhà đã kêu ầm lên tên nó. Tối đó nó đã ăn mọi thứ người ta đem đến cho tới khi không ăn nổi nữa, và nó cười trên vai Teddie mà đi vào phòng ngủ. Mẹ Teddie thấy nó vẫn ở nguyên đó khi bà vào thăm con trai lúc đêm khuya.

- Nó đã cứu sống chúng ta và cứu sống Teddie – Bà nói với chồng – Đúng không? Nó cứu sống tất cả chúng ta.

Ric-tic thức dậy và nhảy lên, vì những con chồn Mangut đều tỉnh ngủ.

- Ô! Ông bà đó ư? – Nó nói – Ông bà lo lắng chuyện gì vậy? Tất cả những con mang bành đều chết cả rồi; mà nếu chúng nó còn, thì đã có tôi đây.

Ric-tic có quyền tự hào, thế nhưng nó không kiêu căng quá, nó canh giữ khu

vườn theo đúng trách nhiệm của chồn Mangut, bằng cả răng và chân nhảy, chạy và cắn, cho tới khi nào không còn một con mang bánh dấm thò đầu vào bên trong các bức tường mới thôi.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Con ngỗng trời bị rơi

EDMOND GILLIGAN.

Nhà văn Mỹ.

Tuyết tháng tư tan ra trên bờ con hói, nơi bác Abel đang uể oải khua mái chèo cho con thuyền ván mỏng trôi theo con nước chảy xuôi. Bên cạnh những thân cây đã bị băng giá làm nứt vỡ trong mùa đông là những thân cây mới mọc ngả bóng trên những đám tuyết còn sót lại. Khi bác Abel đi ngang con sông Hudson lộng gió, từng cuộn bụi tuyết như thủy tinh rơi vào tay bác. Rồi chúng tan ngay trong bàn tay sần sùi, sứt sẹo, ấm nóng – bàn tay to và đen không khi nào thay đổi màu sắc bởi vì công việc của chúng không khi nào thay đổi. Trên trời cao, xa xa phía xuôi, vang lên tiếng nhạc, bác nở một nụ cười thanh thản:

- Về đó hử? Đã về rồi đó hử?

Trên ngọn trụi của cây tần bì đã chết, một con chim hét ẩn dật đang hót ngọt ngào. Đầu con chim in hình thật rõ trên nền trời, và bác Abel có thể thấy rõ cái ức con chim màu nâu có điểm trắng đang thở phập phồng. Khi thuyền bác lướt dưới gốc cây, bác lại nghe thấy con chim bạn đáp lại ở những cây tuyết tùng ở xa xa.

Xung quanh khuỷu sông, những cây roi cao mọc thẳng, những con chim đen có cánh đỏ đậm chót vót trên ngọn cây đang hót vang mặt sông. Khi tới chỗ khuỷu sông đổ ra sông lớn, bác mỉm cười thú vị, vì bác đã nhìn thấy bông hoa xuân đầu tiên - một cây dương mai với một nụ trắng và một nụ hơi hồng hồng.

Mặt nước dần dần âm vang tiếng nhạc ngày xuân - tiếng rì rào của dòng thủy triều với những thân cây đổ trôi xuôi, tiếng xào xạc những lá non cây phỉ và cây sòng-quả-đông. Nơi nước lặng phản chiếu ánh mặt trời, bác nghe thấy tiếng riu rít của những con vịt hoang sống trong các ô làm bằng gỗ, do chính tay bác đặt cho chúng sống qua mùa đông. Sau đó bác nghe tiếng nhạc xa xôi, một tiếng nhạc hoang dã hơn nữa ở rất xa. Để nghe rõ hơn, bác ghé mái chèo lên đầu gối và ngóng nhìn về phía trời Đông. Trong gần sáu chục năm qua, bác vẫn thường hay háo hức ngóng chờ những tiếng kèn trận hoang dã như thế, trên trời cao vào ngày xuân và vào ngày thu, và niềm vui được nghe tiếng nhạc như thế sau những ngày lặng lẽ không bao giờ tan trong lòng bác cả. Với bác, tiếng kêu của những con ngỗng trời mang một ý nghĩa gì đó còn hơn là cả tiếng nhạc nữa. Dòng nước rút va mạnh vào thuyền bác và có một tiếng ộp oạp phá tan cảnh yên tĩnh trong chốc lát. Bác ghé thuyền vào một gốc cây sòng-quả-đông và rê thuyền lên một đám huệ. Ở chỗ đó mặt trời chiếu thoải mái lên người bác. Bác cất mũ đi để hưởng thụ nắng ấm mơn trớn đôi má xương xẩu, dạn dày gió mưa của mình. Gió làm rối tung mớ tóc đen đã điểm bạc nơi gáy.

Mắt bác dõi nhìn bầu trời phương Nam. Một đàn vịt hoang ủa từ đám sậy ra, cánh vỗ rào rào, miệng quàng quạc, khiến trong một lúc bác không nghe rõ tiếng nhạc xa xa nữa. Sau đó, lại càng nghe rõ hơn, và lần này thì gần hơn. Sau cùng, một hình xếp chữ V, những con ngỗng trời – hơn ba chục con – bay tới phía sông. Bác thấy rõ là chúng mệt mỏi sau một đêm bay ngược gió,

chúng vỗ cánh nặng nề. Chúng bay trong nắng loá, khiến bác nhìn rõ những đầu cánh nhọn đang vỗ. Trong khi dõi theo chúng, bác còn thấy một hiện tượng mới mẻ khác nữa trong đàn chim đang bay. Con đầu đàn, bay mở đường trong chuyến bay vô cùng dài, bỗng kêu lên một tiếng, gọi một con khác thay phiên cho nó công việc nhọc nhằn kia. Đội hình bỗng tan ra, và lập lại để một con khác thay cho vị trí đi đầu. Hình chữ V lại được lập lại và bay ngang đầu bác Abel.

- Nào, các chú lại về rồi!

Một lần nữa bác lại mỉm cười trước vẻ đẹp của chúng. Sau đó bác thấy lo lắng trong lòng, bác lấy bàn tay làm loa và gọi chúng:

- Đây rồi! Đây rồi!

Bác biết rằng, lắm khi, nhất là sau một chuyến bay đêm dài, chúng thường lằm lằm và có thể bỏ qua những địa điểm nghỉ chân, một mái lều to như vùng nước này.

Lúc này những con ngỗng trời đã ở ngay trên đầu bác. Chúng đã nghe thấy tiếng bác gọi. Con đầu đàn lái xuống thấp và bay vòng trên vùng nước, hình chữ V hạ thấp dần, những con đầu tiên đã dang cánh hạ xuống. Đúng vào lúc đó, bác Abel nghe thấy một tiếng kêu to ở vùng ngã ba sông. Bác cứ ngỡ đó là một tiếng reo mừng của một ai đó đang ngóng đón đàn ngỗng trời như bác. Bác sắp cất tiếng gọi đàn ngỗng một lần nữa, thì bỗng một phát súng nổ từ hướng đó. Bác thấy giận dữ. Bác lắng nghe lo lắng về phía tiếng súng mới vang lên. Bác không sao nghĩ rằng lại có một kẻ có gan bắn như vậy. Và bác lo lắng nhìn đàn ngỗng.

Chúng đã nghe thấy tiếng nổ. Chúng đang im lặng bay nốt quãng đường ngắn hạ xuống bãi sông. Hình chữ V tan ra đột ngột. Tiếng kêu của chúng vang lên trên cao, nghe thảm thương, tiếng kêu sợ hãi và lúng túng. Một con chim bay cuối hàng chữ V nhào xuống một cách lạt lùng như lá rơi. Những

con khác bay cuống cuống loạn choạng sau con đó. Sau rồi có những tiếng quàng quạc lộn xộn vang lên, và bác Abel biết rằng đã có chuyện gì đó không hay xảy ra trong đám ngỗng non một tuổi bay ở cuối đội hình. Khi con chim bị nạn vẫy cánh và rơi xuống, bác biết có chuyện gì đã xảy ra. Phát súng kia, bắn ra vô mục đích, đã trúng nó.

Con chim bị thương rơi khuất sau những cây liễu bên bờ sông, nơi đó lá liễu đang mọc nom như sương mờ xanh nhạt.

Bác Abel cay đắng tự trách mình vô ý gọi đàn ngỗng để chúng lên nông nổi ấy. Vì bác mà một con đang nằm chết bên bờ. Hình ảnh đó làm bác đau lòng. Đã lâu lắm rồi bác không bắn những con chim trời này nữa, vì bác không thích phá rối vào cuộc sống của chúng, vào những chuyến bay nặng nhọc qua đây. Lúc này bác đã vô tình đánh vào một con trong bọn đang bay về phương Bắc quê cha đất tổ với những ổ trứng và những con chim non mới ra đời.

Bác thấy đau lòng khi thấy mình bó tay không làm gì nổi, ngoài việc quyết định từ nay sẽ không bao giờ lên tiếng gọi ngỗng trời như thế nữa. Nhưng ngay sau khi nghĩ thế, bác vẫn không thể cưỡng lại việc vớ lấy mái chèo và bơi xuôi về phía bờ dưới kia. Trên đường bác đi, mọi niềm vui xuân về - những mầm của hàng ngàn cây táo, tiếng hót con chim hét và hoa dương mai rực rỡ - đã thay đổi, không phải là sự đau khổ mà là một nỗi sầu muộn, như thể bác vừa học được một bài học không sao hiểu nổi.

Có một con tàu lướt dưới những cây liễu, rúc lên một còi hiệu. Đẹp lộng lẫy, vỏ tàu màu xanh da trời in hình lên nền trời, và thành cầu tàu màu trắng in lên bóng mây, một con tàu chở hàng loại nhẹ hiện ra nơi cửa rừng. Theo sau vệt nước nó xé ra, là vô số con mòng biển bay loạn xạ. Mới đầu bác Abel ngỡ là lũ chim bay theo tàu kiếm ăn. Nhưng không phải, chúng đang đáp lại tín hiệu của các con mòng khác, bác không thấy vì khuất kín trong lau sậy.

Bác Abel biết rằng giống mòng biển quen thói yên lặng. Chúng bay suốt ngày đêm nên cũng đói suốt ngày đêm. Ngoại trừ khi đói cồn cào vào buổi sáng, chúng chỉ im lặng tìm mồi. Chúng đói ăn lắm nên mắt rất tinh, chúng quan sát ra từng vật đang trôi, ngay cả một mẩu áo cũ. Bác thường thấy khi đó miếng mồi làm chúng sung sướng thế nào. Lắm khi bác chứng kiến chúng nó có những hành vi độc ác, ngay cả trong vườn nhà bác, khi chúng xà xuống như điều hâu và xâu xé một con thỏ chết. Giờ đây bác đang thấy chúng sung sướng như thế.

Thuyền bác cập bờ. Bác lên một doi cát, khi đó bác nhìn thấy bọn mòng biển lúi ra. Chúng bay xuôi, bốc cao lặng lẽ, rồi nhào xuống. Khi nhào xuống chúng kêu to. Sau đó chúng lại bốc bay cao, từng tốp tám chín con, rồi lại nhào xuống và kêu.

- Mày rơi nơi nào hử, ngỗng con?

Bác Abel nghĩ hình như vừa nghe thấy một tiếng kêu trầm trầm từ một con vật màu xám, bác ngỡ đó là một con vịt trời địa phương lạc bầy đang bị lũ mòng biển tiến công. Bác từng thấy như vậy nhiều lắm, và vẫn bỏ qua, chấp nhận, coi đó là việc của thiên nhiên. Thế nhưng cái dự cảm ban đầu không tha bác. Nghe một tiếng kêu lần nữa – không phải tiếng kêu con mòng – bác cảm thấy cái dự cảm lúc trước phát triển thành một tính cảm khác: phải hành động. Bác chưa từng nghe thấy một tiếng như thế bao giờ. Chưa khi nào bác thấy một con mòng hoặc một con vịt hoang kêu như vậy.

Sau một nhát chèo mạnh cho thuyền đi xuôi, bác đã biết cái gì kêu lạ lùng như vậy: một con ngỗng trời đục. Một con ngỗng trời đang vùng vẫy mà không cất mình lên nổi vì cánh đập yếu lắm. Khi ngực nó nhô lên khỏi những gợn sóng lăn tăn, bác Abel thấy có vết máu ứa ra. Một con mòng nhào xuống và mổ vào đầu con ngỗng. Con ngỗng tránh và cố lặn xuống nước. Nhưng nó không lặn nổi. Cánh nó vùng vẫy tránh đỡ trận tiến đánh

tiếp theo của lũ mòng. Một con, một con, lại một con nữa lao xuống. Và con ngỗng trời chỉ còn biết nhờ làn nước mỏng manh che chở. Bọn mòng tìm cách làm cho con ngỗng trời bị chết đuối. Khi nó ngoi lên thở, một con mòng mổ vào mắt nó. Máu loang trên má trắng con ngỗng.

Con ngỗng đã nom thấy những bụi sậy bên bờ. Nó cố bơi vào đó. Những trận tiến đánh liên tiếp khiến nó không thể tiếp tục đi theo hướng đó và đi theo cách đó. Nó thử bay, cánh nó dang ra vùng vẫy. Nó mất nhiều sức vì việc đó quá, cánh nó xoè ra trên mặt nước đang trôi xuôi, mỏ nó gục trong làn nước. Hai con mòng bơi tới và đuổi theo phía cái đầu con ngỗng. Bác Abel chèo nhanh con thuyền chen ngang giữa các con mòng và con ngỗng trời. Bác bẻ bồng con ngỗng vào trong thuyền. Các con mòng lảng lạng bay đi.

Trong khi thuyền bơi ngược con hói, con ngỗng nằm nghiêng một bên. Nó như là chết rồi. Máu tuôn ra từ phía bên ngực trái. Bác Abel biết rằng vết thương đó chính là do chính phát súng gây ra. Bác bơi thuyền ra giữa dòng ở chỗ con hói chảy xiết. Sau đó bác bọc con ngỗng trong một miếng bạt mềm và lên bờ, đi theo một con đường mòn vào cái nông trại nhỏ có ngôi nhà xinh xắn xây bằng đá tự tay bác làm đã bao năm nay rồi. Bác mang con ngỗng ra coi. Chính ở đó bác thấy một vết thương khác nữa do đạn gây ra khi viên đạn sượt qua lưng con ngỗng. Khi bác cắt rửa vết thương ở lưng, con ngỗng khẽ lấy mỏ mổ bác. *

- Hay lắm ngỗng ạ! Còn cố sức như thế thì còn sống.

Bác băng vết thương cho con ngỗng bằng băng dính, sau đó bác cho nó nằm trong một cái hộp lót rơm và đặt gần cái lò trong bếp. Sau khi theo dõi một lúc, bác thấy con ngỗng không cất đầu lên nổi. Bác liền buộc một khúc gỗ làm giá đỡ và buộc nhẹ cổ nó vào, cố tránh không làm nó nghẹt thở. Một lát sau, con ngỗng phát ra một tiếng kêu yếu ớt khò khè và lấy mỏ mổ một cách

yếu ớt.

- Nào cu cậu, nếu sống nổi qua đêm nay, thì ngày mai tớ sẽ chữa nữa cho. Nghe chưa?

Cả đêm, con ngỗng không ngớt kêu, kêu thật to, khiến bác Abel phải vào xem có chuyện gì. Khi bác chạm tay vào nó, nó vẫy cánh thật mạnh. Thấy thế bác lại mừng và bác bỏ cái khúc gỗ làm giá đỡ đi. Khi làm việc đó bác phải đung chạm tay vào con ngỗng. Con ngỗng nằm im trong nệm rơm cho bác làm mọi việc, và bác Abel thấy rằng con vật đã thôi không sợ hãi bác như trước. Sáng ngày, bác nấu cháo mạch, bác lấy chút ít trộn với sữa và dùng thìa bón cho nó; nó ăn không nhiều, nhưng nó không vùng vẫy phản đối.

Hôm sau, khi ở vườn về nhà, bác thấy con ngỗng đã ra ngoài ổ. Nó không đi được xa. Chiều tối đó, con ngỗng sục mỏ vào đĩa cháo mạch và ăn ngấu nghiến.

Đến hôm chủ nhật, bác Abel cho con ngỗng ra bãi cỏ nắng ấm bên bờ cái ao lớn nhà bác, định bụng cho nó có thích nước thì cứ việc đi tới ao mà vùng vẫy. Ở ao nhà bác có hai chủ nhân, một cặp vịt trắng, một con tên Henry và một con tên Alise. Nhiệm vụ của chúng chỉ là làm cảnh đẹp. Cả hai con đều đón tiếp con ngỗng một cách thân tình và không phản đối khi con ngỗng tới ăn chung với chúng. Bác Abel mặc cho ba con ở với nhau. Khi trở về, bác thấy con ngỗng đã ở dưới ao, nó không bơi nhưng thả người bồng bênh ven bờ.

Những ngày sau, con ngỗng trở nên gần như thân thiện hẳn với hai con vịt, mặc dù đôi khi hai con kia vẫn nhìn nó một cách không được thiện cảm tí nào. Nó bắt đầu bơi xa dần hai con vịt. Song nó vẫn coi bác Abel là người bạn tốt hơn cả. Khi chiều xuống, bác Abel vỗ hai tay vào nhau, thế là nó từ bụi sậy chui ra, trở về nhà nằm trong cái ổ nơi nhà bếp.

Vài ngày sau nữa, con ngỗng thử tập bay. Các con vịt cả đời lạch bạch, bỗng thấy kinh dị trước chuyến bay đầu tiên của con ngỗng. Khi con ngỗng cất cánh bay, hai con vịt không nhìn theo ngỗng mà lại nhìn nhau. Bác Abel theo dõi con ngỗng bay cao dần, cao mãi. Khi đã bay cao hơn những cây du, con ngỗng reo lên một tiếng kêu vui sướng. Nó bay giỏi rồi, và cả vết thương nó đã lành. Song bác Abel vẫn ngại con ngỗng không thể một mình đi về phương Bắc, như vậy nó phải bay nhọc nhằn một mình. Nhìn nó bay, bác Abel thấy nó đẹp quá, bác như không muốn xa nó nữa. Bác vỗ tay kêu nó về, và con ngỗng sà cánh hạ xuống bờ ao.

Mặc dù rất thích thú có con ngỗng bên cạnh, bác Abel cũng sớm nhận ra rằng, một lần nữa bác lại can thiệp vào đời sống các con vật khác. Bác có ý nghĩ đó vào một đêm mưa, giữa đêm trên trời có một đàn ngỗng bay ngang, chúng bay quá thấp, sát mái nhà đến nỗi bác bừng thức giấc. Tiếng chúng kêu đánh thức cả con ngỗng bác nuôi, nó bắt đầu kêu to, hai ba lần nó vẫy cánh trong ổ.

Trước khi con ngỗng bay chuyến bay lần sau ở ao, nó đang còn nằm yên dưới những cánh bồ đề đang nhú những chồi non. Đầu nó cúi thấp xuống, trông như đang ấp trứng. Đôi ba lần nó lấy mỏ rìu lông ngực. Khi đôi vịt lang thang ngoài bãi sậy cất tiếng chào nó, con ngỗng đực bay lên. Lần này nó bay còn cao hơn lần trước, rất cao, đến nỗi bác Abel nghĩ nó chẳng trở về nữa. Trên cao, con ngỗng kêu như đang than van.

Nó cười trên gió bay về phía sông và từ từ lái thành một đường vòng trên các ngọn cây táo đang nở đầy hoa trắng. Bác Abel biết rõ mục đích những chuyến bay như vậy. Đó là những chuyến bay để ghi hằn trong ký ức con chim hình ảnh nơi nó ra đời, các vịnh cùng các đảo xung quanh. Chúng học biết phong cảnh bằng cách đó. Bằng cách đi theo mẹ trong những ngày đầu tiên lội nước, sau đó qua những chuyến bay ngắn, chúng bay xa dần khỏi tổ

và chỉ tới khi tới trời mới trở về. Mỗi ngày bay một quãng xa hơn, chúng quen thuộc dần với các vùng nước. Trước khi bắt đầu các chuyến bay di trú, chúng đã bay xa hàng ngàn dặm và quay về được. Khi các cơn gió mạnh và băng giá buộc chúng phải bắt đầu những chuyến bay di trú ngắn ban đầu, khi ấy chúng lại thuộc thêm những xứ nước mới nữa.

Bác Abel nghĩ bụng thế và không còn gọi con ngỗng về như mọi khi. Như vậy, nó sẽ gặp gỡ những con ngỗng, ngày ngày tới vùng này và chọn những đàn nào thích hợp nhất tìm ra bạn bầu và cùng nhau di thực về phương xa. Bác bèn đi nằm. Nhưng sáng ra, bác thấy con ngỗng đã đứng chờ ngoài bậc cửa.

- Không nên con ạ. Con nên đi về phương Bắc cùng với các bạn.

Thế là, đến bữa chiều, bác gọi con ngỗng lại, cho nó ăn thật ngon, và ôm nó xuống thuyền. Bác chèo xuôi con hói. Tới khúc sông chảy quanh, dưới những cây liễu bắt đầu mọc lá non, bác lắng nghe. Bác nghe thấy tiếng vịt rừng và gà lôi đỏ quàng quạc trong bụi. Những con vịt rừng bay tỏa ra.

Bác cho thuyền ghé vào một bãi lúa cao bên bờ. Ở đó, những con ngỗng đang huyền thuyên chuyện trò. Có ba con đi ra ngoài, những con khác đi theo, cả thấy bốn chục con bơi bồng bênh thơ thẩn trên mặt nước.

- Nào, ngỗng ơi, đây là bạn đích thực của con. Đến với chúng đi. Nghe rõ chưa? Tạm biệt, và chúc con may mắn... và đừng trách ta giữ con lại lâu đến thế nhé.

Bác đặt con ngỗng xuống nước. Nó rời bụi sậy và bơi đi. Dòng thủy triều xuôi đưa nó đi tới đàn ngỗng trời. Đàn ngỗng kia từ từ đi tới nó - một con trong đàn cất cao đầu và mắt nhìn thận trọng, cảnh giác. Cả đàn đón chào người bạn mới với những tiếng kêu khê, khúc khích.

Sau khi con ngỗng đã nhập đàn, bác Abel thong thả chèo thuyền đi. Như những trận gió mạnh, đàn ngỗng ủa bay xuôi theo dòng sông. Chúng bay vọt

lên phía mặt trời cao. Trong một lát, bác Abel chẳng thấy gì nữa vì mặt trời làm mắt bác loá. Sau đó, tít trên cao, một đội hình chữ V bay về phương Bắc....

- Tạm biệt, tạm biệt, con ngỗng của ta, tạm biệt!

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Con chó và người hành khất

HONORÉ DE BALZAC.

Nhà văn Pháp.

(Fosseuse là một cô thôn nữ nghèo. Từ tám bé cô đã phải sống bằng nghề hành khất. Chiều chiều cô ngủ nhờ tại một vựa lúa của một bà chủ quán....).

Bà chủ quán có một con chó cái, một con chó cái đẻ được một con chó con. Con chó hiền hoà như một con người, lông trắng tuyền, riêng bốn chân lại có đốm đen. Ôi chao, cho tới lúc này, tôi vẫn cứ còn nhớ tới con chó nhỏ nhoi ấy!

Hồi đó, con chó nhỏ kia là sinh vật duy nhất còn đoái thương đến tôi, thỉnh thoảng còn ném cho tôi những cái nhìn thân thiện. Có miếng ăn nào ngon lành nhất, tôi để dành cho nó. Nó nhận ra tôi, và chiều chiều ra cửa đón tôi, nó không sợ hãi cảnh rách rưới tiều tụy của tôi, nó thường nhảy bám lấy tôi, liềm chân tôi. Sau nữa, trong đôi mắt nó tôi đọc thấy một cái gì đó cực kỳ tốt

đẹp, cực kỳ thương cảm, khiến nhiều khi trông thấy đôi mắt nó, tôi nghĩ trong lòng:

- Có lẽ, đây là kẻ duy nhất thực sự yêu ta.

Khi mùa đông tới, nó ngủ ngay dưới chân tôi. Cứ nhìn thấy nó bị roi đòn là tôi đau khổ vô cùng. Và tôi đã luyện cho nó không la cà vào các gia đình ăn trộm những mẩu xương, nó chịu ăn chút bánh tôi đem về cho nó. Khi tôi buồn, nó đến đứng trước mặt tôi, mắt nó nhìn thẳng vào mắt tôi, tựa hồ như muốn nói cùng tôi:

- Cô Fosseuse tội nghiệp, sao cô buồn vậy?

Khi những người khách trọ ném cho tôi vài ba đồng xu, nó đi nhặt nhanh những đồng xu ấy, trong đám bụi bặm và đem về cho tôi, con chó con mới tốt bụng chứ. Và khi tôi đã có một người bạn như thế, tôi cũng thấy mình đỡ đau khổ hơn nhiều.

Ngày nào cũng vậy, tôi đều để dành vài ba xu, định bụng khi nào đủ năm chục bạc thì sẽ mua lại con chó ấy của ông chủ. Một bận, bà vợ ông chủ quán nổi điên lên vì thấy con chó quyến luyến tôi quá chừng. Xin các bạn hiểu cho rằng, con chó con kia hoàn toàn không ưa bà chủ quán đó. Những con vật như thế, chúng đánh hơi thấy tâm hồn con người, chúng nhìn thấy ngay ai là người yêu thương chúng. Khi ấy, tôi dành dụm được hai chục đồng, tôi khâu dấu trong lần gấu váy, tôi bèn nói với ông chủ:

- Thưa ông, cháu định bụng dành dụm cả năm để mua con chó nhỏ nhà ông.

Nay cháu xin ông bán lại cho cháu với giá hai chục đồng. Cháu không muốn để bà nổi giận vì con chó kia, mặc dù bà chẳng quan tâm chút nào tới nó cả. Ông chủ quán bảo tôi:

- Không đâu, con ạ, con hãy cất tiền đi, cất hai chục bạc của con đi. Cầu trời hãy giữ gìn cho ta không cầm tiền của người nghèo khổ. Con hãy giữ lấy con chó mà nuôi. Nếu bà vợ ta có rầy la quá đáng, thì con hãy tìm nơi khác

mà trợ.

Vì chuyện con chó mà ông chủ quán bị bà vợ làm cho một mẻ thất điên bát đảo. Chao ơi, cứ ngỡ đâu như nhà có hỏa hoạn ấy chứ! Và, các bạn có biết, mẹ ta nghĩ ra chuyện gì không? Khi mẹ ta thấy con chó quá quấy luyến tôi, mẹ cũng biết không thể nào thu phục nổi con chó đó nữa, mẹ bèn đánh bả nó. Và con chó nhỏ tội nghiệp đã chết trong tay tôi...Chết trong lòng tôi...Tôi đã khóc nó như khóc chính con mình đẻ ra và tôi đã chôn nó dưới gốc một cây thông cao và to...

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Chuyện con này sang chuyện con kia

EVGENIJ MARYSAEV.

Nhà văn Liên Xô.

“ Chỉ vì thương ”

Công việc của chúng tôi là khoan nhiều giếng trên một hòn đảo xa xôi cách neo, cách đất liền có tới hàng trăm cây số.

Chiếc trực thăng kiểu Mi-4 - một bác công nhân khuôn vác thực thụ - nhỏ nhem, nhỏ nhem, vừa mới dỡ hàng xong, và những người thợ khoan vẫn chưa về lều. Chính vào lúc đó tôi giương cặp ống nhòm tầm xa lên và sau khi xem xét một vòng làng dân Eskimo, tôi liền bỏ nhào ra mạn bờ biển. Khi còn ngồi trên máy bay, tôi đã nhận thấy một đàn rất đông những con hải mã,

và tôi quyết định tới thật gần để xem xét những con khổng lồ vùng biển này. Chúng dài chừng ba mét nặng tới một tấn rưỡi, hoàn toàn có thể dùng mắt thường nhìn thấy chúng được, và tôi thấy rất rõ những cái đầu bẹt ở phía trên, những cái râu tua tủa phía môi trên nạc những thịt, những chiếc ngà dài hơn nửa mét, những tấm vây rộng bản phía trước (các con thú nằm dài ra và những vây sau thu lại lấp dưới những bộ lườn nung núc mỡ). Các chú hải mã đang ngủ, ngáy rất mạnh đến nỗi đứng nép sau bức tường dày làm bằng những cây gỗ tròn để nguyên của nhà lều, mà vẫn nghe thấy rõ mồn một. Còn những con đang thức thì gọi nhau ầm ĩ, gầm gào như những con gấu, kêu ồ ồ như bò cái, ừn ừn en éc như heo vậy.

Ta có cảm giác như chúng nằm lộn xộn. Ta có thể nghĩ rằng chúng nằm kênh trên nền băng ở ngay nơi chúng cặp bờ. Nhưng đó chỉ là bề ngoài thôi. Trật tự trong một nhóm hải mã khi nào cũng hết sức nghiêm ngặt. Sau khi đảo mắt nhìn một lượt, tôi nhận ra ngay những con cái cùng với những con con. Chúng nằm theo những thế khác nhau, tách biệt ra một chút khỏi cả bầy, sát ngay môn nước để khi gặp nguy biến chúng có thể nhào ngay xuống nước. Những con con leo ngay lên những tấm lưng to lớn của con mẹ, đang ngủ ngon lành. Với bộ da màu sáng, lông thưa, và bộ mõm hết sức bẹt đến gãy ra, nom chúng giống hệt giống cho dogo, nhất là khi chúng nhòm mình trên đôi vây sau để chỡ ra. Khi một con mẹ cho bú, nó nằm nghiêng trong khi con con bú tòm tộp ngon lành. Bộ da và lông của những con mẹ già có màu nâu nhám nháp, còn bộ da của những con con hầu như nhẵn nhụi mặc dù có vô vàn nếp nhăn. Thỉnh thoảng các con mẹ lại ngẩng đầu nhìn ngó với vẻ lo lắng, sẵn sàng chống chọi lại với từng nỗi nguy hiểm nhỏ nhất. Giống hải mã cho con bú và chăm sóc con rất lâu, cho tới khi con chúng được hai năm tuổi. Trong cả một năm đầu, những con hải mã non được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ. Năm thứ hai khi ngà của chúng đã mọc chìa ra khỏi

miệng, các con mẹ dạy cho con dùng ngà để đào bới dưới đáy biển tìm bắt tôm, trai, sao biển. Con mẹ vô cùng gắn bó với con. Ngay khi bị thương con mẹ cũng không bỏ con: khi ấy, nó dùng đôi vây trước ôm chặt con vào ngực, và tha con ra khơi xa. Và ta có thể tin chắc rằng con mẹ sẽ chẳng chút ngại ngần đương đầu với cái chết chắc phải tới, hơn là chịu để cho bất kỳ ai dám động tới con nó.

Các con đực già nằm sát cạnh nhau, nghỉ ngơi, ngả ngón, trên những tảng băng riêng rẽ. Chúng không chú ý chút gì tới những con cái cả, và chẳng có gì làm chúng bận tâm hoặc lo ngại hết. Chúng cứ nằm dài như vậy mà ngủ thật lâu, không thay đổi cách nằm, không nhúc nhích. Răng của chúng dùng lâu đời đã mòn gần một nửa, trên làn da dày và sù sì lộ ra vô số sẹo. Đó là dấu tích của một thời trẻ trung sôi nổi đã qua, dấu tích của những cuộc giao tranh với các con cùng nòi giống.

Giữa những con đực mới trưởng thành, bất kỳ chuyện gì cũng có thể khiến chúng cãi nhau, đánh nhau một cách hung tợn. Tảng băng chúng nằm nhuốm đầy vết máu. Lý do những cuộc đụng độ nhiều khi vô cùng vớ vẩn: chẳng hạn một tiếng gầm quá to làm cho anh chàng nằm bên vô cùng khó chịu, một cú huých không hề mang tính chất cố ý... Các con đực hoàn toàn không chú ý gì tới các con cái, chúng chỉ cần các con cái vào mùa giao phối. Còn tình cảm cha con thì chúng hoàn toàn không biết tới.

Vào lúc tôi đang quan sát, có một con hải mã đơn độc bơi nổi giữa các tảng băng, nó thức giấc và bắt đầu bơi quanh. Cứ ước chừng theo kích tắc của cái đầu và những cái ngà, có thể biết đó là một con hải mã cái còn trẻ. Vì sao nó chỉ có một thân một mình nhỉ? Vì sao nó lại ngủ trên mặt nước chứ không ngủ trên những tảng băng? Tôi đưa mắt tìm xem con nó, nhưng không thấy. Đột nhiên, con cái đó lao thẳng xuống nước sâu. Loài hải mã là loài lặn hụp

tuyệt diệu, chúng có thể xuống sâu tới chín chục thước. Nó hụp sâu tìm thức ăn trong khoảng chừng mười phút. Nó không thể thiếu không khí lâu hơn. Sau đó nó phải ngoi lên, thở phì phò. Thế rồi, tôi nhìn thấy ở con cái đó một chuyện gì tôi không sao hiểu nổi... Nó lần lượt đi tới những tảng băng trên đó có các con hải mã mẹ đang cho con bú, nó bập rãng vào băng và vươn người lên. Sau đó, băng từng bước nhảy vụng về, nó tới bên một con mẹ có con. Nó chỉ chú ý tới con hải mã nhỏ này thôi. Nó chia mồm về phía con nhỏ và dùng vây ve vuốt con kia. Nhưng vừa chạm tới con nhỏ, thế là con hải mã mẹ nhào vào nó và dùng răng đánh đuổi nó đi thật hung tợn. Con vật vừa lò dò tới đành rơi tõm nặng nề xuống nước và nó lại bơi tới một con mẹ có con khác, lại lặp lại cảnh trên. Tôi cứ tự nghĩ mãi không hiểu như vậy là chuyện gì....

Trên doi đất đầy những đá ven biển, tôi thấy có một chiếc mảng của người Eskimo, trên đó có một mái chèo to bản. Tôi quyết định dùng chiếc mảng đó để tiến sát tới những con hải mã không lò và quan sát chúng gần hơn nữa. Giống hải mã không sợ người, chúng cứ để mặc cho người tới gần. Nói cho đúng ra thì cũng có những con hải mã ăn thịt người, chúng cũng tiến công người, nhưng đó là chuyện rất hiếm. Giống hải mã chỉ ăn thịt người trong những hoàn cảnh đặc biệt và thực lòng chúng không định thế. Chẳng hạn một con hải mã nhỏ mất mẹ, nó có thể làm gì. Nó chưa có răng đủ để kiếm ăn bằng cách đào bới sâu dưới đáy biển. Nhưng có cứ vẫn phải ăn chứ. Vì thế nó phải rình mò những con me biển, những con chim, và một khi đã quen vị máu, khi lớn lên, nó có thể lao vào con người lắm.

Tôi khê đẩy chiếc mảng ra và nhảy lên, và chút nữa tôi té nhào xuống dưới nước lạnh giá, vì chiếc mảng mỏng manh chao đảo mạnh. Tôi chợt nghĩ,

những người tộc Suk và người tộc Eskimo không biết bơi, vậy mà họ dám ra khơi xa bằng cái thứ thuyền bè hàng mã này. Với những động tác cánh tay và đùi khéo léo, tôi đã làm cho chiếc mảng hết chòng chành. Tôi ngồi phía sau và bắt đầu dùng chiếc bơi chèo duy nhất để bơi, khi thì bên trái, khi thì qua bên phải. Chiếc mảng nhỏ lướt đi nhẹ nhàng tựa hồ trôi trên một sườn băng dốc. Tôi đã bơi ra tới giữa vùng băng đã tan thì chợt nghe một tiếng gầm gào đe dọa khiến tôi phải ngừng tay chèo ngay lập tức. Giống hải mã thường gầm như vậy trước khi lao vào kẻ thù. Tôi đưa mắt nhìn xem kẻ gây chiến ở đâu. Thế nhưng tất cả các con hải mã vẫn đang nằm ngủ yên lành trên băng. Khi một tiếng gầm gào nữa lại nổi lên, tôi hiểu ngay rằng đó là tiếng gầm gào của con hải mã cái đơ độc. Nó tỏ ra rất kích động, nó bơi tạo ra trên mặt nước thành những vòng tròn nhỏ, cái mõm khùng khiếp nhe ra, và mắt nó không rời tôi một giây. Rõ ràng nó rất ghét có con người ở gần kề. Tôi thấy chần chợn. Phải chăng đó là một con hải mã ăn thịt người? Không có lẽ. Giống hải mã ăn thịt người thường tiến công kẻ địch bất ngờ kia! Chúng thường ngoi lên sát bên mảng rồi tì răng vào thành mảng, làm lật nhào đi, hất người trên mảng xuống nước...

Trong lúc tôi đang còn nghĩ mình phải làm gì, thì chợt nghe thấy tiếng kêu phía sau. Tôi quay lại. Trên doi đất, có một người đang đứng, người nhỏ nhắn, chân dạng ra, mình mặc áo lông rộng và chân đi ủng da lông. Tay phải người đó mang súng săn, tay trái ra hiệu cho tôi. Tôi nghe thấy người đó la to lên:

- Mày không đi đó! Mày về đây!

Tôi bèn cho mảng quay lại và chèo vào bờ. Chẳng mấy chốc đáy mảng đã chạm vào những viên đá tròn.

Trên bờ là một người Eskimo già, với khuôn mặt nhỏ tròn như mặt trăng màu vỏ khoai đã luộc chín, trên mặt đầy những vết nhăn sâu. Đầu để trần,

tóc xám thưa, mềm như lông tơ, bay phất phơ trước gió. Râu và ria xám bạc nổi bật trên nền da nâu của khuôn mặt. Nhưng trông đôi mắt sếch một mí có vẻ cứng rắn, trẻ trung.

- Tao định bắn – Bác ta nói với một nụ cười kìm lại làm lộ ra những chiếc răng màu vàng vững chãi.

- Chào bác...Sao? Nó ăn thịt người ư? – Tôi hỏi và hát hàm chỉ về phía con hải mã đang rất kích động, vùng vẫy gần những tảng băng.

- Không, không ăn thịt, nhưng cũng như ăn thịt, giết được.

Hai chúng tôi cùng ngồi lên thành chiếc mủng.

Câu chuyện bác già kể cho tôi nghe không quá hai phút, nhưng mặc dầu ngắn gọn nó vẫn cho thấy cả cảnh tượng sinh động và đầy những sự kiện đau lòng. Người dân phương Bắc ghét lời nói lảm lờ và có khả năng chỉ vài lời là nói đủ điều.

...Mùa xuân, ông già ấy ngồi trên mủng dùng lưới đánh cá thu. Dòng nước chảy đầy mủng sát vào những tảng băng. Sát đó, dưới chân một tảng băng mọc nhô cao, là một con hải mã cái với con nhỏ. Con nhỏ nghịch ngợm đang leo lên cái lưng tròn trĩnh của mẹ nó, rồi cất lên những tiếng reo vui, nó xoè hai vây trước ra và để mình trôi trượt xuống tảng băng. Thấy có người gần kề, con mẹ cũng chẳng chút sợ hãi. Và dường như muốn tỏ ra hoàn toàn tin cậy vào con người, con mẹ để con nhỏ dưới chân tảng băng cao, vụng về nhảy từng bước nhỏ tới mép nước và hụp xuống kiếm mồi. Nó ở dưới thật lâu rồi ngoi lên. Sau khi đã thấy rõ con nó còn nguyên lành, nó lại hụp lặn, cứ thế, cứ thế mãi.

Chính vào lúc đó, một chuyện ngẫu nhiên bi thảm, vớ vẩn đã xảy ra. Một tảng băng lớn bị mặt trời soi đã tách ra khỏi cái trụ băng cao lồm chồm, rơi xuống trúng đầu con hải mã nhỏ đang nằm dưới chân trụ. Con vật bé bỏng

chết tươi. Khi ở dưới nước ngoi lên, con hải mã mẹ nghĩ ngay là đã có chuyện gì đó xảy ra. Nó lo lắng leo lên tảng băng và nhảy từng bước vụng về đến với con, nhưng nó vuốt ve bao nhiêu, dùng vây lay lật con, bao nhiêu cũng chịu, nó vừa gọi con vừa thốt ra những tiếng kêu nén lại tựa như những tiếng nức nở, vẫn không thấy con hồi tỉnh. Biết rằng mình bất lực, nó dùng hai vây trước đứng thẳng dậy và cất cao đầu nhìn bốn chung quanh. Ai là kẻ giết con nó nhỉ? Liền kẻ đó là một con người. Chính hấn!

Dân bản địa được phép săn hải mã với số lượng có hạn, không có người dân Eskimo nào, lại có thể nghĩ rằng đời họ có thể thiếu món thịt hải mã để chua, món ăn dân tộc của họ. Và con hải mã kia vì thế cũng nhiều lần thấy con người bắn chết đồng loại của nó. Thế là, hét lên một tiếng dữ tợn, nó nhào xuống nước và bơi về phía chiếc mảng. Ông già ra biển chỉ để câu cá thu nên không mang theo súng săn. Ông đành vớt bỏ lưới và ngồi lên phía đầu mảng, ông bơi nhanh về phía những tảng băng đang trôi. Ông kịp nhảy lên một tảng băng đó, với con hải mã cái theo sát nút, sẵn sàng cắn chết ông. Ông già chạy trên băng, nhảy qua các khe nứt, trong khi đó con hải mã vẫn bơi ngay bên cạnh, ngà đập nước tung toé và cất tiếng gầm gào đe dọa. Càng vào gần bờ, băng càng mỏng dần. Ông già Eskimo biết thế, vì thấy băng lún dưới chân mình. Con vật cũng biết rõ điều đó. Nó bèn hụp sâu xuống dưới lớp băng và định bụng phá vỡ băng ở chỗ ông già đang đứng, đang chạy. Nó đánh hụp: băng tan vỡ cạnh chỗ ông; ông nhảy tránh ra và chạy ngoằn ngoèo để tránh. Con hải mã lại hụp xuống và một lần nữa băng lại vỡ gần sát người đang chạy trốn. Sau lần thứ ba, con hải mã trả thù không thành, ông đã chạy được vào bờ.

...Ông già Eskimo kể xong câu chuyện. Tôi nhìn về phía con hải mã cái cô đơn. Nó đang bơi sát mép những tảng băng, vươn cổ cao, nó quan sát đồng

loại đang ngủ yên bên những chú hải mã con.

- Làm gì với con ấy bây giờ, bác? – Tôi hỏi, và lấy đầu hát chỉ về phía con hải mã kia - Cứ để như vậy, thế nào rồi cũng có chuyện chẳng lành...

- Đừng động tới nó! – Ông già đáp.

- Tại sao?

Lúc này, khi tôi đã biết toàn bộ câu chuyện, lẽ ra tôi đừng nên đặt ra câu hỏi cuối cùng đó. Sau một giây yên lặng, ông già người Eskimo trả lời tôi một cách ngắn ngủi, cộc lốc:

- Chỉ vì thương....

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Món quà tặng

EVGENIJ MARYSAEV.

Nhà văn Liên Xô.

Khi đội trưởng của chúng tôi, đồng chí Novgoroski, biết tin rằng, đã hơn một tuần nay, vợ đồng chí và con gái, cháu Masha tuổi mới lên năm, đang sốt ruột chờ đợi tại một sân bay trong đất liền, chờ thời tiết tốt cho máy bay cất cánh, có thể nói đồng chí ăn mất ngon ngủ mất yên. Một người xa lạ hẳn sẽ ngạc nhiên khi thấy một con người cao lớn như thế, thường ngày tính nét điềm đạm, hơi âm thầm nữa, với bộ râu đen nhánh mọc trùm cả hai má lên tận mắt, một người như thế nay bỗng đứng thảnh thơi lại tới bên cửa sổ, nhìn lên bầu trời đầy mây đen nặng trĩu, hoặc thảnh thơi người ấy lại

kéo râu một cách bứt rứt khi nghe tin thời tiết, thật ngạc nhiên, ngạc nhiên quá đi chứ! Còn chúng tôi, chúng tôi biết rõ Novgoroski. Đã một năm nay, đồng chí không rời đảo này, nơi đồng chí làm cái việc nặng nhọc là nghề thợ khoan. Chuyến thăm nhân vụ nghỉ của vợ con - cả một tháng - đối với đồng chí là cả một niềm hạnh phúc không gì sánh bằng.

Thế rồi, trời quang được vài giờ, như thể trời cũng thương cho đội trưởng của chúng tôi, các nhà khí tượng đã cho phép máy bay cất cánh. Chiếc trực thăng Mi-8, có nhiệm vụ cung cấp lương thực thực phẩm cho chúng tôi, đồng thời đưa tới đây các vị khách vô cùng quý mến, đã bay qua eo biển hết một tiếng rưỡi đồng hồ. Trước hết máy bay đổ xuống khu vực các nhà sinh vật học ở đầu đảo đằng kia, trút xuống đó một nửa trọng tải, sau đó lại cất cánh và đổ xuống gần khu trại chúng tôi.

Mười hai anh đàn ông râu xồm, có phần nào “ hoang dã hoá ”, vì sống lâu ngày ở vùng vắng vẻ, đứng xếp hàng trước nơi máy bay hạ cánh, mảnh đất lởm chởm đá và hẹp, nơi đó đã có những lá cờ đỏ con con làm mốc. Chính Novgoroski yêu cầu chúng tôi như vậy. Đồng chí ấy muốn biết xem con mình có nhận ra bố hay không. Cháu bé gái, xúc động, đưa mắt nhìn khắp lượt chúng tôi. Cháu nhìn hơi lâu vào cha mình – lúc đó ông ta tựa như một chú bé sắp khóc – đã định quay mặt đi, rồi nó lại quay lại chăm chăm nhìn cha. Cháu cười mím vẻ nhút nhát, lấy ngón tay chỉ vào cha, rồi úp mặt núp vào váy mẹ.

- Nó nhận ra cha rồi! Nhận ra rồi! – Chúng tôi reo lên vui vẻ.

Tất cả chúng tôi đều thích Masha. Tất cả chúng tôi đều đã có con nhỏ, cháu bé gái này hầu như đã thu ngắn lại cái khoảng cách giữa chúng tôi và gia đình mình.

Công việc mà Masha thích thú nhất hạng là được cùng cha đi chơi thong

dong ven bờ Bắc Băng Dương. Cảnh đẹp cũng đáng được để mắt. Cháu bé thích hơn cả là được cùng cha tới “trại chim”. Hàng chục ngàn, có lẽ hàng trăm ngàn chim chóc các màu, thân mình nhỏ bé hoặc to lớn kék sù, đã lập trại trên một doi đất cao nhô ra đại dương. Tiếng người mát hút đi trong tiếng quàng quạc, riu rít, suốt ngày suốt đêm ở trại. Lúc đó đang là mùa chim làm tổ. Trên đảo không có đủ chỗ cho chim làm tổ, nên rất nhiều giống chim làm tổ, đẻ và ấp trứng trên một vùng đất lỏn nhỏ đá phía trên doi đất. Khi thấy bóng người, các con chim cái bay lên cao, lượn vòng đầy lo âu bên trên tổ và cất tiếng kêu vẳng lên. Những con chim dạn dĩ hơn cả bỏ nhào vào những người tới phá quấy và dùng cánh đánh vào đầu họ, cố công cố sức xua đuổi những kẻ chúng không ưa.

Nhưng cả Novgoroski lẫn con gái đâu có nghĩ tới chuyện ăn trộm trứng chim và ăn trộm chim non. Họ chỉ tò mò muốn xem xét những bông tròn nho nhỏ đầy lông tơ lúc nhúc trong các tổ chim. Masha vuốt ve chúng và lấy vụn bánh mì cho chúng ăn. Với cô bé và mẹ em, vốn sinh sống tại vùng giữa nước Nga và đây là lần đầu tiên họ sống dài ngày trên vùng đất Bắc Băng Dương, những chú chim non kia đối với họ thật quả là điều đặc biệt. Chưa từng khi nào hai mẹ con được thấy những thứ như thế. Thêm vào đó, tên gọi chúng cũng thật lạ tai: chim cộc vùng Berinh, nhạn Thái Bình Dương, chim giẻ Laponi...

Một bữa kia, trong lúc Novgoroski đang cùng con gái dạo chơi vùng trại chim, một cơn gió băng giá thổi từ miền cực về bất ngờ, và trời đầy mây xám đen nặng chịch. Vài phút sau đổ xuống một cơn bão tuyết. Vào tháng sáu, vùng cực thường có những chuyện bất ngờ như vậy. Masha mặc một chiếc áo choàng ngắn mùa thu, chỉ vì một giờ trước đó trời vẫn còn nắng ấm, nhiệt độ khoảng năm độ. Novgoroski liền bế con gái và chạy về trại. Cũng phải khá lâu mới tới trại, vì đường cũng xa tới một cây số. Khi hai cha con

về tới trại, mọi người liền cho em bé uống nước trà nóng với mật, sau đó em được đặt vào nằm trong một túi chăn làm bằng da chó. Thế nhưng chuyển đi chơi trong bão tuyết tỏ ra hiệu nghiệm. Masha rên rỉ và ho suốt đêm. Em được cấp nhiệt độ: 40 độ! Và ngay tại đó lại không có bác sĩ. Những người thợ khoan vốn dày dạn trong gió lạnh phương Bắc, đâu có cần tới các y sĩ. Mọi người bèn liên lạc bằng vô tuyến với khu các nhà sinh vật học. Chiều xuống, một nữ bác sĩ tới sau khi đã vượt trên trăm cây số bằng một chiếc xe chạy được mọi loại đường. Nữ bác sĩ trực bên giường em suốt ba ngày ba đêm. Rồi một cơn bệnh nguy kịch nổi lên. Masha giẫy giụa trong túi chăn, mê man, miệng nói sảng, luôn luôn đòi một con chim non. Novgoroski, mặt rầu rĩ, lặng lẽ chịu đựng mọi chuyện. Còn chúng tôi thì đi lại hết sức sảng. Còn có cực hình nào khủng khiếp hơn với một người cha là nhìn thấy con mình ốm nặng và mình thì bất lực.

Thế rồi cơn nguy kịch của Masha qua khỏi. Thế trạng em tốt dần. Chúng tôi vui sướng hết chỗ nói. Mỗi người đều thấy mình có nhiệm vụ làm cho Masha vui, cố làm cho em nở được nụ cười. Chú này thì nhẩn mặt làm trò, chú kia thì bò bốn chân, miệng sữa hoặc kêu eng éc. Nữ bác sĩ đã ra đi. Còn em bé vì dùng quá nhiều thuốc kháng sinh, vẫn còn yếu.

Tôi không rõ nữa, ai là người đầu tiên nảy ra cái ý đem một con chim non về làm quà tặng cho Masha. Mọi người chỉ nghĩ rằng, em cần được vui vẻ để mau lành bệnh hẳn.

Nghĩ là làm luôn, sau giờ làm việc Novgoroski cùng tôi – hai chúng tôi tới trại chim. Chúng tôi chọn rất lâu vì cả hai người đều muốn kén chọn tử tế. Cuối cùng chúng tôi đồng lòng chọn một con Uria nhỏ. Con chim non còn vụng dại, mình phủ đầy lông tơ đen và vàng, cái đầu to tướng và đôi cánh mới nhú. Dĩ nhiên đó là một việc không nên làm, việc bắt đi con chim non duy nhất của loài Uria (loại chim này mỗi lần đẻ, chỉ nuôi một con chim

non thôi) là những bậc cha mẹ cực kỳ quý con. Nhưng còn có việc gì mà không làm để đem lại sức khỏe cho một bé gái ốm đau? Chúng tôi bèn quyết định như sau: con chim non chỉ sống vài ngày trong lán trại, cho tới khi Masha khỏi bệnh hoàn toàn thôi. Sau đó chúng tôi sẽ mang trả con chim non về tổ cho cha mẹ nó. Và nếu như chẳng may lúc đó nó thiếu cha mẹ, vì cha mẹ đã bỏ đi, thì những con Uria già khác sẽ trông nom nó. Tình cảm tương tự rất mạnh trong loài chim đó.

Masha sung sướng hết chỗ nói. Novgoroski xé một chiếc áo bông, và dùng bông làm một cái tổ êm ái và thuận tiện, đặt ngay trên thành cửa sổ, vì con chim non này cần thường xuyên có ánh sáng mặt trời. Cạnh tổ, để một đĩa đầy nước. Con Uria nhỏ ăn rất ngon lành mọi thứ chúng tôi cho nó; vụn bánh, cháo mạch, thịt miếng, nước quả ép...

Mỗi lần ra khỏi lán trại, chúng tôi lại nhìn thấy cha mẹ con chim non đậu trên nóc lán. Nhìn thấy chúng tôi, chúng bốc bay, lượn vòng rộng và kêu toáng lên.

Một hôm, khi từ giếng khoan trở về, chúng tôi bắt gặp một cảnh tượng đáng để ý. Các con chim Uria mẹ và cha đậu trên bậu cửa sổ, nhìn vào trong nhà xem xét con chúng qua làn cửa kính. Thế là, cứ bay lượn mãi trên nóc lán chúng tôi, cuối cùng chúng cũng lần ra dấu vết đưa con. Con chim bố khá bình tĩnh, chỉ ngánh đầu nhìn con bằng mắt bên này, rồi lại nhìn bằng mắt bên kia. Nhưng con mẹ thì tỏ ra hết sức kích động. Nó dùng mỏ mổ vào cửa kính, dùng cánh đập vào song cửa, song cửa này xem chừng không chắc chắn lắm. Sau vài ngày, con chim non xem chừng đã quên hẳn cha mẹ, chẳng hề bộc lộ chút tình cảm nào với cha mẹ nó nữa. Để có được hạnh phúc, nó cần gì hơn? Chẳng bao nhiêu: có thức ăn, có nước uống, có người chăm sóc. Những thứ đó nó đã có thừa thãi rồi.

- Con gái bố, giờ thì đã đến lúc ta thả con chim non ra thôi – Novgoroski nói

với con bằng một giọng kiên quyết – Con hãy vĩnh biệt nó đi!

- Không! Không! – Cô con gái bé nhỏ cưỡng lại, nước mắt lưng tròng.

- Thế mà bố cứ ngỡ rằng con biết nghĩ kia đấy – Novgoroski nói với vẻ thất vọng – Con xem kìa: con Uria bên phải, con to lớn ấy, là cha của con chim non này. Còn con kia là mẹ nó. Chúng muốn đem con về nuôi. Con xem đấy, bất kỳ lúc nào, nó cũng có thể phá vỡ cửa kính...

Trong lúc mọi đang cố giảng giải cho Masha, thì đôi chim Uria cất cánh bay. Qua cửa sổ, tôi theo dõi chúng. Con trống bỗng tách khỏi con mái và đậu trên một mỏm gò cao không xa lán trại mấy. Còn con mái thì bay vọt lên trời cao, rồi bất chợt quay lại, và như một tên lửa nhỏ, nó lao vút vào cửa sổ. Tôi nín thở. Tôi cứ hy vọng một cách mong manh rằng cuối cùng nó sẽ gượng dậy và bay trở lại mái lán... Tôi tránh khỏi cửa sổ theo bản năng. Cú va chạm thật mạnh. Kính vỡ tan loảng xoảng, chấn song gãy. Masha cất tiếng kêu sợ hãi. Con chim non rời khỏi bậu cửa sổ, miệng kêu chiêm chiếp...

Dưới chân tôi, con chim mẹ nằm bất động. Nó chết tươi: một mảnh kính cong, sắc như dao nhọn, đã đâm thọc vào ngực nó.

Tôi vội vàng đem con chim chết ra khỏi lán. Vợ của Novgoroski đi theo tôi. Tay chị cầm con chim non và đặt nó xuống đất.

Những chuyện xảy ra tiếp theo, chúng tôi được thấy qua cửa sổ lán. Mới đầu con trống tới đậu bên con mái khi đó đã chết rồi. Nó đứng đó khá lâu, không ngừng dùng mỏ nâng đầu người bạn đời nó lên. Rồi nó cất cánh bay, mỏ nó cắp lấy một cách vụng về con chim non đang cố giãy ra, và nó bỏ đi về phía đại dương.

Từ đó, không một ai trong chúng tôi còn lò mò tới khu trại chim nữa.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Băng tan

EVGENIJ MARYSAEV.

Nhà văn Liên Xô.

Vào lúc mặt trời đã ghé thấp, chúng tôi tới gần con sông Viluy. Mặt trời Bắc cực, cứ thủng thẳng, chần chừ trên bầu trời – vào mùa xuân, ngày ở đây dài không muốn hết - rồi cuối cùng, nằm lên dãy núi trước khi lặn hẳn. Con sông nhỏ nước màu sẫm, trên mặt vẫn còn lớp băng mỏng. Sau một con thác, bỗng chẻ thành hai nhánh bao vây lấy một hòn đảo nhỏ trông như hình một chiếc bánh ngọt bị rừng Taiga bao phủ. Ánh mặt trời chiếu như lửa phản chiếu xuống nước tạo thành những mảng màu nâu thẫm mềm mại. Trên rừng Taiga vẫn còn những dải màu sáng trắng hơn chạy dọc những ngọn thông.

Đó chính là chỗ chúng tôi phải sống và làm việc cho đến hết mùa xuân. Nhiệm vụ chúng tôi là lập bản đồ địa chất vùng này. Đội trưởng chúng tôi đã yêu cầu viên chỉ huy máy bay lên thẳng hãy bay vài vòng phía bên kia bờ trái sông Viluy để tìm cho chúng tôi một địa điểm hạ trại thuận tiện. Cuối cùng máy bay hạ xuống một cánh rừng thưa, sau đó chúng tôi bắt tay vào việc dỡ hàng. Liên sau đó máy bay lại bốc bay về căn cứ. Anh em lái đang vội, vì trời gần tối.

Sau khi trải qua những cảnh thông thơm phức xuống đất, chúng tôi dựng cái

lều tròn lớn. Ai nấy đều mệt lử và liền đổ lăn ra ngủ say sưa.
Nửa đêm tôi tỉnh giấc vì một tiếng động mà tôi cứ ngỡ rằng đó là con giông.
Những tiếng sấm nghe như xa như gần, và điều kỳ lạ, chúng nổ liên tiếp
không ngừng. Trên trời không có những tia chớp ngoằn ngoèo, và trời cũng
chẳng mưa.

Tôi bước ra khỏi lều, sương mù dày đặc quánh như khói, và tôi đã hiểu vì
sao có cái tiếng động lạ kỳ tựa hồ những tiếng sấm rền nơi xa. Băng tan.
Sông Viluy cuối cùng đã tan băng!
Đến sáng, người chúng tôi rét cóng, chúng tôi rửa ráy ở một con suối lạnh
giá, rồi cùng ngồi ăn sáng.

Tiếng băng tan ngày càng mạnh. Băng vỡ tạo thành tiếng động ầm ầm trong
khi nước sông sủi sục và kêu ì oạp. sương mù dâng cao và tràn lên các ngọn
đồi, làm lộ rõ dòng sông nhỏ, lúc này mới thấy rõ nó đẹp lộng lẫy lạ kỳ. Dọc
hai bờ sông, bên trên những tảng băng nhỏ, là những thân cây đang trôi, tựa
hồ như có ai cưa đứt chúng và quăng chúng xuống dòng nước xiết, cùng
những tảng đất đá to lớn. Các tảng băng leo lên nhau, phá vỡ nhau, rồi chìm
nghỉm xuống nước, nom hệt như những con gấu trắng đang giỡn nhau. Đây
đó lộ ra những miền không có băng, mặt nước phản chiếu màu xanh lam của
bầu trời sớm mai.

Đội trưởng của chúng tôi, người có tai thính, đột nhiên đứng dậy, tay vẫn
còn cầm cốc và anh đứng ngây người rất lâu, lắng nghe tiếng băng tan ầm ĩ.
- Hình như có người nào đang kêu... Chẳng lẽ tớ lại nhầm... Nhưng không,
lại kêu đó.

Lần này thì không còn hồ nghi gì nữa. Tiếng kêu vọng từ phía thượng
nguồn. Tiếng kêu than van, tuyệt vọng, rất giống tiếng một người kêu. Ai là
người cần được cấp cứu ở đây, lúc này, giữa rừng Taiga xa hẻo lánh nơi con

người sinh sống? Hoặc giả là một thợ săn bị nạn? Một nhà địa chất lạc đường?

Không còn kịp trao đổi ý kiến với nhau, chúng tôi nhào ngay ra phía dòng sông. Một người trong bọn chúng tôi, còn chui vào lều lấy một cuộn thùng biết đâu chẳng có dịp dùng.

Tiếng kêu tới gần, không nhỏ đi một chút nào. Không, một con người không thể kêu to như thế được.

Thế rồi từ xa hiện ra một hình thù màu sẫm, trên một tảng băng đang trôi giữa dòng sông. Dần dần, chúng tôi nhìn rõ một thân hình dài và to lớn, những cẳng chân mạnh mẽ và những nhánh sừng hùng dũng. Đó là một con nai phương Bắc cỡ lớn.

Khi tảng băng chở nó trôi ngang qua chúng tôi, con nai nhìn thấy bóng người liền ngừng kêu.

Nó bước lại mép tảng băng và đứng ngậy ra nhìn chúng tôi. Chính lúc đó đã xảy ra cái điều không sao cứu vãn được: mép bên kia của tảng băng nổi bênh lên, trong lúc mép bên phía con nai đang đứng lại chìm nghiêng xuống. Con vật lẽ ra phải lui bước, để lấy thăng bằng trên tảng băng đang trôi... Nhưng vì nó mãi nhìn chúng tôi nên đã không kịp làm động tác đó. Tảng băng chao đảo và con nai rơi nặng nề xuống nước. Cái mõm dài của nó mất hút một lát rồi ngoi lên được, xung quanh bị băng ép chặt. Dòng nước xiết cuốn nó đi thật nhanh, và chúng tôi thì chạy dọc theo bờ sông.

- Nó chết đuối mất thôi!

- Làm sao mà nó mắc kẹt ở đó được nhỉ?

- Có gì đâu? Nó định vượt sông bằng cách bước qua các tảng băng, nhưng lúc trôi tới thác thì bị cuốn.

Từng lúc, từng lúc, đầu con nai lại ngoi được lên trên mặt nước.

Cách chỗ chúng tôi hạ trại chừng năm trăm thước, dòng sông vòng thành một khúc quanh. Dòng nước bắt đầu đầy con vật vào phía bờ...

- Nó kiệt sức rồi...

- Nó sắp bị cuốn đứt rồi!

- Quăng cho tôi cuộn dây!

Đó là đội trưởng của chúng tôi, vừa lên tiếng. Anh quán nhanh dây quanh thất lưng. Anh ra lệnh:

- Tháo nhanh!

Tôi nhả dây dần dần. Anh nhảy từ tảng băng này sang tảng băng khác, anh tới gần được con nai, và chỉ cách nó chừng mười lăm thước. Nửa đường, một tảng băng vỡ đôi ra dưới sức nặng của anh, nhưng anh đã kịp nhảy sang tảng băng bên cạnh và chỉ bị nước ập vào ủng thôi. Cuối cùng anh tới sát được con nai. Mất con vật đồng đọc đỏ máu tưởng chừng như sắp lòi ra. Đội trưởng lấy thăng bằng và cuộn một nút thông lọng ở đầu dây, rồi buộc chặt lấy cặp sừng con nai. Đoạn đường trở về dễ hơn nhiều, vì người đi cứu nai đã có sợi dây căng thẳng làm nơi bầu vịu.

Tôi không còn nhớ phải mất bao nhiêu thời gian mới đưa con vật vào bờ.

Một giờ...có khi tới hai...Bị kiệt lực vì một cuộc đấu tranh không cân sức, con nai không thể đứng vững trên đất bằng nữa, và khi tới được bờ, nó liền nằm kên ra.

- Không được tới gần! - Đội trưởng chúng tôi la lên – Nó có thể húc các cậu!

Đội trưởng chúng tôi cũng không dám tới gần con nai để tháo dây, anh cắt sợi dây ở khoảng cách còn hai ba mét, rồi lui thật nhanh và xem xét.

Lát sau, khối khổng lồ kia bắt đầu ngo ngoạy. Sau vài lần cố đứng dậy không nổi, cuối cùng con nai đã đứng dậy được. Nó quay đầu lại nhìn chúng

tôi, rồi chạy nước kiệu về phía trước, chân vẫn hơi tập tễnh. Và nó cũng chẳng nghĩ tới việc tháo đoạn dây trên sừng ra nữa.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Khỏi bệnh

EVGENIJ MARYSAEV.

Nhà văn Liên Xô.

Nửa cuối tháng Chín, tất cả các đội địa chất khảo sát, địa chất vật lý, đều về tập trung ở trại trung tâm. Ở vùng Kamratka lúc này đã là mùa đông với những đợt đóng băng sớm, bão tuyết và tuyết đầu mùa lóng lánh. Mùa đẹp trời nơi đây sắp chấm dứt. Tất cả các tuyến đường thăm dò đã đi hết. Công việc còn lại của chúng tôi là chọn lọc và đóng gói các mẫu đất đá, lên bản đồ địa chất.

Sắp tới ngày trở lại Moskva, nơi đó mọi người sẽ gặp lại vợ con. Các nhà địa chất cùng các công nhân khảo sát, vốn thường ngày ít nói, và trong suốt sáu tháng trường rỗng rã đủ thời giờ trút hết các chuyện, đủ thời giờ tranh cãi vì những chuyện vớ vẩn nhất hạng, nói gì thì nói, một người dân thị thành phải sống nhiều tháng rỗng trong rừng Taiga, cũng là điều cực nhọc lắm chứ - lúc này, tình khí họ dịu đi, và họ bỏ qua mọi chuyện dằn vặt cón con. Đó đây nổi lên những chuỗi tiếng nói, tiếng cười rộn rã.

Chỉ riêng mình tôi là còn lang thang như người đau đớn chút gì trong lòng. Chỉ vì đối với tôi, không có nỗi khổ nào hơn là phải ngủ chung phòng với người ngáy ran như sấm.

Trong kíp thợ khảo sát chúng tôi, trong sáu tháng ròng, tôi đã ngủ như một người sung sướng nhất hạng: vì chẳng có ai ngáy cả. Nhưng ở trại trung tâm, căn bệnh của tôi trở dậy ngay từ đêm đầu tiên. Hai mươi tám con người râu ria xồm xoàm, được chia thành hai nhóm ngủ dưới hai nhóm lều lớn, nằm trên những chiếc giường bằng ván thô. Hai cái lều dường như thi nhau ngáy từ tối tới sáng không một lúc nào ngơi. Thế là cả đêm tôi không sao chợp mắt được, buổi sáng tôi thức dậy đầu nặng chịch như muốn vỡ ra, tính khí khó chịu. Cũng không thể ngủ bù được vào giấc ngủ trưa, vì tôi còn rất nhiều việc phải làm: lựa chọn các mẫu, khuôn hòm xiềng đựng mẫu, cura gỗ để đun...

Được ba ngày thì tôi hoàn toàn kiệt lực. Tôi không sao chịu đựng nổi nữa. Tôi bèn xin phép đội trưởng cho tôi dựng riêng ra một căn lều nhỏ. Tôi trình bày lý do và được anh đồng ý.

Các bạn tôi phản ứng lại thế nào? Liệu họ có lên án tôi làm bộ đồng đánh? Dầu sao thì họ cũng không tin lắm vào lý do tôi viện ra... Thế nhưng, tôi cũng cứ dựng lên một lều riêng, loại lều dùng cho hai người, và làm đúng quy định của vùng Kamratka: dựng lều có que chắc chắn, dưới nền đất trải kín những cành phong, và trên mảnh đất nhỏ đó, tôi cũng đặt một bếp lò tự tạo làm bằng một thùng sắt cura đôi, cũng có ống thông hơi bắt chĩa ra khỏi mái lều. Tiếp đó tôi đội lên mái lều căng thẳng ba thùng nước sôi. Sau một phút, cả tấm lều được che phủ bởi một lớp băng trong suốt đều chắn chắn. Với một chỗ trú có che phủ bằng băng như vậy, sẽ giữ nhiệt thật tốt, và ngăn không cho gió lạnh nghiền da cửa thịt của phương Bắc lọt vào.

Lần này, sau ba đêm liên mất ngủ, tôi ngủ mê mệt trong túi chăn bằng lông lạc đà, dưới đó tôi còn trải thêm tấm da hươu phương Bắc nữa.

Ở trại trung tâm có một máy phát điện nhỏ. Tôi kiểm dây điện và bắt điện để có thể đọc sách chút đỉnh trước khi đi ngủ. Dây không đủ dài, vì thế gần

đuôi đèn, tôi phải nối thêm nhiều đoạn. Tôi dùng kẹp sắt bóc vỏ dây điện nhưng khi nối lại, tôi không cho bọc cách điện vì thiếu vải dính (do đó mà những mẫu dây điện trần đó rồi sẽ có vai trò quan trọng trong câu chuyện sắp xảy ra). Nói tóm lại, thế là đèn hoành hành rồi, trang bị như vậy, tôi có thể chống chọi cả mùa đông ấy chứ! Ban đêm, trong lều được soi sáng bằng ngọn đèn 150 oát, ngôi nhà bằng băng của tôi nom giống một ngọn đèn lồng to tướng.

...Tôi đọc một cuốn sách đã khá nhàu nát, truyện ngắn của Tsekhev, và đúng lúc đó tôi nghe thấy những bước chân tiến đến sát lều.

- Ai đó?

Thay cho câu trả lời, tôi nghe thấy một tiếng ngáy mạnh, như thể hai ba người cùng ngáy một lúc.

Thế đó! Các cậu ấy bắt đầu đùa đó, tôi nghĩ trong bụng, các cậu ấy định chơi sỏ, bắt đầu chế diễu nhẹ nhàng, và bây giờ là hành động. Hừ! Cái bọn râu xồm ấy!

- Này, thôi đi! – Tôi nói – Mình thực sự không chịu được tiếng ngáy đâu.

Các cậu định làm gì vậy?

Tiếng ngáy càng mạnh hơn.

- Này, hãy liệu chừng nhé, bọn khi! – Tôi nói tiếp - Tớ cáu thực sự rồi đó!

Còn có mười ngày ở đây nữa thôi đấy. Các cậu nghĩ tớ chịu nổi tiếng ngáy ư, nếu thực sự tớ chịu được tí chút? Này, tớ nói cho mà biết, anh em với nhau, phải cố mà giữ hòa khí!

Tiếng ngáy im bật. Hừm, thế là tiếng nói của tôi cũng có tác dụng ấy chứ.

Nhưng tôi đã lầm. Có một anh nào đó huých một cái thật mạnh vào mái lều có phủ lớp băng. Lớp vỏ băng vỡ ra như một tấm kính mỏng và các mảnh văng ra lạo xạo. Khung cột cót kết, rồi cột chính gãy rắc và một góc lều sụp xuống.

Tôi đâu có đáng phải chịu cảnh trừng phạt tệ hại như vậy? Bọn họ buộc một con người như tôi phải thức giấc giữa đêm để dựng lại lều, căng lại bạt. Thật là tồi tệ quá mức.

Mái lều lại lay động, có cái gì đó như những chiếc răng cong cong tựa như răng một chiếc cào gỏi, chọc thủng vải lều ngay trên đầu tôi. Chầm chậm, hết như trong một cảnh quay phim chậm, các răng nhọn khép lại, xé rách vải bạt lều có băng phủ. Đỉnh lều lộ ra một lỗ thủng lớn, từ đó lòi xuống trước hết là một bàn chân to tướng đầy lông lá, sau đó là cái mõm to tướng của một con gấu. Dưới ánh đèn sáng trong lều, tôi nhìn rõ đôi tai bé tí không cân xứng chút nào của con vật, nhìn rõ đôi mắt màu hạt dẻ đỏ au máu, cái mõm bẹt ảm, hết như có quét hắc ín, và đôi lỗ mũi phập phồng. Trên mõm, lông có màu gần như đen với những mảng nâu nâu trên đôi má.

Cuộc đời con người gắn bó với nghề địa chất và đã sống những ngày dài trong những vùng phương Bắc chưa có vết chân người, thật đầy những bất ngờ. Gặp gỡ với những con vật to lớn hoang dã là điều không thể tránh khỏi. Nói chung, chúng không là một nguy cơ với con người, vì con vật thường vội vàng chạy trốn, nhưng cũng có những ngoại lệ chứ.

Đây là lần đầu tôi bị khó khăn lúng túng như vậy. Tôi vẫn đang nằm, hoàn toàn bất lực, khuy chặn gài đến tận cổ, chỉ có bàn tay trái thò ra vẫn cầm cuốn sách đang đọc. Nói cho đúng thì theo một thói quen lâu đời trong rừng Taiga, tôi vẫn thận trọng đặt khẩu súng bên mình có lắp sẵn đạn.

Luật pháp cấm bắn gấu, trừ một trường hợp duy nhất, khi con thú đó tỏ ra đe dọa quá đáng và tạo ra nguy cơ cho tính mạng con người.

Vào lúc đó, con gấu tỏ ra đang tiến công tôi thực. Nhưng tôi vẫn ở trong tình cảnh chẳng có gì đáng ước ao. Một là, do căn lều quá chật hẹp, nếu tôi định dùng súng thì phải bắn vào sát mõm nó. Khó mà tin được rằng có thể làm được điều đó mà nó chịu cho. Hai là, đạn súng đã nạp là đạn ghém để sẵn

chim mà thôi.

Thế nhưng, khi đó rõ ràng là con gấu không chú ý tới tôi. Nó không chú ý gì tới tôi cả, mà nhìn chăm chăm vào ngọn đèn điện, cái cục mặt trời tròn tròn đó dường như đang làm nó bị thôi miên. Nó vẫn rất thận trọng, đồng thời vẫn tò mò quá sức.

Tôi vô cùng sợ hãi, hoặc nói cho đúng, tôi đang bị chế ngự bởi bản năng tự vệ, mà mãi sau này tôi mới nhớ lại được kỹ những gì đã xảy ra. Tôi hành động một cách vô ý thức, từ từ hạ tay xuống tấm thảm sát đất, sờ con dao găm trong bao rồi sờ bóng súng. Tôi biết rằng tiếng nổ sẽ làm cho bất lý con thú nào cũng phải hoảng loạn.

Nhưng tôi cũng chẳng cần phải nổ súng nữa.

Con gấu chìa bàn chân đầy móng vuốt tới đầu giường tôi nằm, nơi đó treo cái bóng đèn điện. Có lẽ, cũng giống như một đứa trẻ, nó muốn thử sờ chơi. Mọi chuyện xảy ra sau đó diễn ra trong nháy mắt. Cái bàn chân to tướng chạm vào dây điện để trần. Mới đầu tôi nghe thấy một tiếng nổ nhẹ do điện truyền đi, sau đó là một tiếng gầm gào khủng khiếp. Con gấu rút chân lại thực vội vàng và mạnh đến nỗi nó xé rách toạc cả tấm lều suốt chiều dọc. Ống hơi lò sưởi rơi xuống tuyết choang choang. Rồi tôi nghe thấy tiếng chân chạy như điên và tiếng cành cây gãy trong rừng Taiga.

Kỳ lạ thay, không những tôi không vùng ngay dậy, tôi vẫn nằm ì trong túi chăn, tay siết chặt bóng súng tới đau, mắt nhắm nhìn bầu trời phương Bắc đầy sao. Rồi bỗng nhiên bầu trời sao biến mất và tôi nhìn thấy những khuôn mặt quen thân nhòm vào qua lỗ rách gian lều. Tôi nghe thấy tiếng người nhỏ bé lạ kỳ, tựa hồ như đã vang đến tai tôi qua một lớp nước dày. Sau khi giúp tôi chui ra khỏi túi chăn, mọi người đỡ vào cánh tay tôi, đưa tôi như một người say rượu đi tới một trong hai căn lều to mọi người ngủ chung. Họ đặt tôi lên nằm vào một chiếc giường ván, sau đó tôi ngộp liền trong giấc ngủ

thật sâu.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy, coi như chẳng có chuyện gì xảy ra hết. Một người trong các bạn tôi lên tiếng giễu cợt hỏi xem liệu tôi còn có ý định dựng lều riêng chẳng? Nhưng các bạn khác liền la ó anh ta. Không một chút tự ái, tôi đáp lại một cách trung thực rằng tôi không có ý định đó nữa.

Đêm xuống. Sau khi dò dẫm tìm bắt làn sóng chiếc đài bán dẫn và trò chuyện một lát, mọi người đi nằm, và tức thì một tiếng ngáy vang lại cất lên. Nhưng lần này, kỳ lạ sao, tiếng động đó lại tác động vào tôi như một thứ thuốc ngủ. Tôi ngủ ngay lập tức.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Bà Théophile

THÉOPHILE GAUTIER.

Nhà văn Pháp.

“ Bà Théophile ” là một con mèo màu hung đỏ có bộ ức trắng, mũi màu hồng nhạt và tròng mắt xanh màu da trời. Bà được đặt tên như vậy chỉ vì bà đã sống chung với chúng tôi một cách vô cùng đầm ấm, ngủ ngay dưới chân giường chúng tôi, mơ màng ngay trên tay ngai ghế chúng tôi khi chúng tôi viết lách, và xuống vườn theo chúng tôi đi dạo, tham dự những bữa ăn của chúng tôi và có khi còn cướp giật cả miếng ăn khi chúng tôi đưa lên miệng nữa.

Một hôm, một người bạn của chúng tôi có việc bận đi xa vài bữa, đem gửi

chúng tôi con vẹt để nhờ chúng tôi chăm nom trong thời gian anh đi vắng. Con chim, cảm thấy mình đến nơi xa lạ không có bạn bầu, liền lấy mỏ cặp vào cành cây nó đang đậu để leo lên đứng trên cao, còn đôi mắt nó khá hoảng loạn đưa đảo nhìn khắp xung quanh, đôi mắt nom tựa như những chiếc đinh đóng ghế bành, nheo nheo tấm màng trắng dùng làm mi mắt. Bà Théophile chưa từng khi nào trông thấy một con vẹt cả, nên con chim kia đã khiến bà hết sức ngạc nhiên. Im lặng bất động hệt như con mèo ướp của Ai Cập, bà Théophile nhìn con chim với một vẻ tư duy sâu sắc, cố công cố sức tập trung các kiến thức khoa học tự nhiên đã từng học được trên các mái nhà, trong vườn và ở ngoài sân. Hình bóng các tư tưởng của bà hiện qua tròng mắt long lanh thay đổi, và chúng tôi có thể đọc được trong đó câu kết luận của bà, sau khi đã xem xét kỹ đối tượng nghiên cứu: “ Chắc hẳn đó là một con gà giò màu xanh lá cây ”.

Sau khi đã đi tới kết luận đó rồi, con mèo nhảy khỏi cái bàn nơi nó lập trạm quan sát và đi vào một góc phòng, mình bò sát đất, đầu cúi thấp, sống lưng cong lên, căng thẳng sẵn sàng bật dậy bất cứ lúc nào...

Con vẹt nhìn theo cử động của con mèo với một vẻ lo ngại rõ rệt. Nó xù lông ra làm cho xích giữ nó kêu lên loảng xoảng, co một chân lên và cựa quậy các ngón chân, quẹt mỏ vào máng thức ăn. Bản năng nó cho nó biết rằng đang có một kẻ thù nghiên ngấm một âm mưu gì đây.

Còn đôi mắt con mèo vẫn chăm chăm nhìn vào con vẹt với một vẻ cực kỳ mãnh liệt khác nào bị thôi miên, đôi mắt nó nói lên bằng một ngôn ngữ mà chắc hẳn là con vẹt nghe thật rõ chẳng chút mập mờ úp mở: “ Xanh thì có xanh đấy, nhưng con gà giò này ăn hẳn phải ngon đấy ”.

Tất cả chúng tôi đều theo dõi cảnh đó một cách thú vị, sẵn sàng can thiệp khi cần. Bà Théophile đang rón rén tới gần: cái mũi hồng hồng của bà run rẩy,

mắt bà hơi nheo lại, móng vuốt bà xoè ra cụp lại. Trên sống lưng bà thấy run rẩy khẽ, hết như cái run rẩy của người đói ăn được ngồi vào bàn ăn trước một đĩa thức ăn ngon lành. Và rõ ràng bà đang hưởng thụ trước trong tưởng tượng cái bữa ăn hiếm có bà sắp được xơi. Món ăn lạ kia ve vuốt tính nhục cảm của bà.

Chợt lưng bà cong lên như một cánh cung và bằng cú nhảy bật mạnh, bà bám được đúng vào cành đậu của con vẹt. Con vẹt, thấy rõ mối nguy, bằng một giọng trầm và sâu, liền kêu to lên:

- Jack, ăn sáng chưa?

Câu nói đó làm con mèo hoảng sợ khó tả, khiến nó nhảy lùi về phía sau. Không có cái gì khiến con thú kinh hoàng như bị lặn từ trên vực cao xuống hơn thế, kể cả một hồi kèn trận rầm rĩ bên tai, kể cả một chồng bát đĩa vỡ cùng một phát súng lục bắn ghé ngay bên tai nó. Tất cả các quan niệm của nó về loài chim đã bị lật nhào ráo...

- Ăn món gì nào? Ăn món thịt xào cho vua! – Con vẹt tiếp.

Bộ mặt con mèo diễn tả rõ rệt ý nghĩ sau: “Đây không phải là con chim, đây là ông lớn đang nói!”.

“Khi ta uống chén rượu ngon lành.

Đất trời liền đảo lộn xung quanh....”

Con chim cất giọng hát chói tai, vì lúc này nó đã hiểu tác động của lời nó nói ra, đó là vũ khí phòng thủ tuyệt diệu của nó vậy. Con mèo ném về phía chúng tôi một ánh mắt dò hỏi và câu trả lời của chúng tôi không làm nó thoả mãn, nó liền chui vào gầm giường nằm suốt ngày, gọi cũng chẳng buồn ra nữa....

Sáng hôm sau, bà Théophile, bụng dạ đã yên vì tự tin hơn, liền thử tấn công con vẹt một lần nữa, cũng bị đánh lui như bữa trước. Nó liền tự nhủ rằng, con chim kia chính là một con người vậy...

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Chuyện con chó nhà Brisquet

CHARLES NODIER.

Nhà văn Pháp.

Ở vùng rừng Lion chúng tôi, tại xóm Goupilière gần kề cái giếng lớn của nhà xứ Saint Mathurin có một người vốn làm nghề hái củi tên là Brisquet. Bà vợ ông ta dĩ nhiên tên là Brisquette. Ông trời cho hai vợ chồng được hai đứa con thật kháu thật xinh, một đứa con trai bảy tuổi tóc hung tên là Biscotain và một đứa con gái tóc hơi hoe vàng lên sáu tuổi tên là Biscotine. Ngoài tài sản quý đó ra, hai vợ chồng còn có thêm một con chó. Con chó lông xoắn tít, đen tuyền, riêng ở cái mõm lại có màu vàng sậm như lửa; đó là con chó quý nhất vùng, nổi bật hẳn vì tính cách trung thành với chủ. Người ta đặt tên con chó là Bichonne, vì đó là một con chó cái. Bạn còn nhớ chăng, cái thời còn đầy chó sói trong vùng rừng Lion chứ nhỉ? Đó là vào năm tuyết xuống nhiều vô kể và những người nghèo sinh sống cực kỳ khó khăn. Đó là một năm khắp vùng sao mà buồn thảm! Ông Brisquet ngày nào cũng như ngày nào đều vào rừng đốn củi, và ông không hề chó sói, vì trong tay ông khi nào cũng có sẵn chiếc rìu cực sắc.

Một hôm kia, ông đi rừng, và trước khi đi ông dặn vợ:

- Bà nó à, chừng nào lính săn sói chưa về làng ta, thì tôi xin bà chớ cho hai đứa Biscotain cùng Biscotine đi đâu nghe không? Nguy hiểm lắm đó bà ơi. Chỉ cho chúng chơi tha thẩn từ nhà ra bờ đầm là đủ lắm rồi; với lại tôi đã đóng cọc ngăn dọc bờ đầm rồi nên không có gì đáng sợ... Và bà nó ạ, tôi cũng xin bà chớ cho con Bichonne đi đâu, con ấy cũng thích nhõn chơi lắm đó...

Sáng nào cũng như sáng nào, ông Brisquet cũng nói một điều như vậy với bà vợ. Nhưng vào một chiều kia, ông Brisquet không về nhà như lệ thường. Bà vợ hết ra lại vào, vào lại ra, trông trông ngóng ngóng, hai tay chấp trước ngực rên rỉ:

- Trời ơi là trời, sao mà ông nhà tôi về muộn thế!

Rồi bà ra khỏi nhà, cất tiếng gọi vang về phía rừng:

- Ông Brisquet ơi ời...

Con Bichonne chạy theo, nhảy bám lên tận vai bà, mắt nó nhìn bà chủ như muốn nói hăn hỏi:

- Bà cho con đi chứ?

- Yên nào! – Bà Brisquet mắng con chó – Biscotine con à, con hãy đi ra quá cái ụ kia xem thử cha con đã về chưa? Còn con, Biscotain, con hãy đi theo con đường dọc bờ đầm, cẩn thận những chỗ cọc bị thiếu con nhé, và vừa đi con vừa đánh tiếng thật to lên: “ Brisquet cha ơi ời...” Yên nào, con Bichonne...

Hai đứa trẻ ra đi, và khi chúng gặp nhau tại đoạn đường nơi bờ đầm gặp cái ụ, thì thằng anh bảo em:

- Khổ thân cha quá! Ta phải đi tìm cha cho bằng được, nếu không sói ăn thịt cha mất...

Và đứa em cũng nói:

- Không tìm được cha thì chó sói ăn thịt cả em nữa.

Chính vào lúc đó thì người cha đã trở về nhà theo ngã đường lớn qua giáo khu Morlemère, vì ông có khách mua củ ở mạn đó.

- Ông có trông thấy các con không? – Bà vợ hỏi khi ông chồng trở về.

- Các con nhà ta ư? Trời đất ơi, các con nhà ta! Chúng ra ngoài chơi ư?

- Tôi sai các con ra mạn bờ đầm đón ông, nhưng ông đã về nhà theo ngã khác.

Ông Brisquet không kịp đặt cái rìu xuống nữa. Ông chạy ù ngay ra phía ụ đất.

Sao ông không cho con Bichonne theo với? – Bà vợ gọi với theo ông chồng.

Nhưng khi đó con Bichonne đã chạy xa lắm rồi. Nó chạy xa đến nỗi ông

Brisquet không nhìn thấy nó nữa. Và ông cứ réo hoài: “ Biscotine!

Biscotain! ” nhưng chẳng có một lời nào đáp lại. Thế là ông oà lên khóc nức nở, vì ông đã hình dung rõ ràng các con ông thế nào cũng thiệt mạng rồi.

Sau khi chạy, chạy, chạy mãi, ông chợt như nghe thấy tiếng con Bichonne sủa phía xa. Ông cứ thế xuyên rừng đi về phía có tiếng con Bichonne đang gọi. Và ông dần bước vào, tay giơ cao chiếc rìu sáng loá.

Con Bichonne đã tới đúng nơi đó vào đúng lúc Biscotain cùng Biscotine sắp bị một con sói lớn vồ. Con Bichonne vừa lao vào con sói vừa sủa ầm lên, không phải vì nó sợ hãi gì, mà nó nghĩ rằng tiếng sủa của nó sẽ dẫn đường cho ông Brisquet. Ông Brisquet tới vừa đúng lúc. Ông giơ cao chiếc rìu, bằng một nhát, ông bằm con sói chết tươi. Nhưng ông chẳng cứu kịp con Bichonne. Bichonne bị thương nặng trong khi đánh nhau với con sói, đã chết rồi.

Ba cha con trở về nhà. Thật là một nỗi vui mừng to lớn không cùng, ấy thế là mọi người lại khóc. Không một ai không thương xót con Bichonne.

Ông Brisquet chôn con Bichonne trong khu vườn nho nhỏ, dưới một phiến

đá lớn, trên phiến đá đó thầy giáo làng đã viết bằng tiếng Latin, hết như khi ta chôn một con người:

“ Nơi đây yên nghỉ Bichonne.

Con chó tội nghiệp nhà Brisquet. ”

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Đám ma con ngựa

H. GORDON GREEN.

Nhà văn Mỹ.

Lúc đó vào tháng Mười. Một buổi sớm kia lão Jarvis dắt một con ngựa già đi trên đường cái. Nói cho đúng thì lão không dắt con ngựa. Vì cái dây chảo để chùng giữa lão và con ngựa. Lão cùng con ngựa đi sát bên nhau thì thảo to nhỏ mọi chuyện trên đời. Lão gặp lão John và bảo:

- Chào ông bạn. Tôi có nghe người ta nói về ông. Tôi mới sinh sống ở mạn dưới kia cách đây vài ba nông trại. Cùng cô con gái tôi, cô Jordy, ông biết chứ?

- Tôi biết cô ta rất rõ – John nói, và ông không giải thích vì sao ông biết rõ cô ta, vì ông cảm thấy không thích cái ông khách này.

Lão Jarvis nắm một nắm bờm trên đầu con ngựa, vắn vế trong bàn tay đầy nốt chai của lão, và nói:

- Con ngựa này, có lẽ... có lẽ tôi sắp đem hạ sát nó thôi...

Lão John rùng mình, hỏi lại:

- Ngựa của chính ông mà lại....?

- Tôi đã nuôi nó từ lúc còn bé tí – Lão Jarvis nói một cách kiêu hãnh – Cho tới nay, thế là nó ở cùng với tôi gần ba chục năm rồi đó.

- Con ngựa này hay đấy – Lão John nói – Có thể thấy rõ là nó đã bị vắt kiệt sức rồi, nhưng vẫn còn hay.

- Đúng thế, nó vốn là một con ngựa hay xưa nay – Lão Jarvis nói như thể thanh minh - Chắc là ông cũng hiểu. Mà cũng có thể là ông không hiểu. Con gái tôi hình như...ôi chao...lẽ ra tôi đã phải hạ sát con này lâu rồi. Xương cốt nó rã rời, có khác tôi mấy tí đâu.

Lão John thấy một con mòng nơi chân trước con ngựa, liền đi tới xua cho nó. Rồi hỏi lại lão Jarvis:

- Vậy là, con gái ông không muốn nhìn thấy con này quanh quất bên cô ta chứ gì? Tôi cho rằng chẳng phải vội vàng làm gì? Sao không cho nó ở lại đây ít lâu đã?

Lão Jarvis vớ ngay lấy cơ hội:

- Tôi có thể trả công chăn dắt! Tôi thuê. Mỗi tuần một đồng cũng được. Tiền tôi không dư dả, nhưng tôi có thể bớt xén ít nhiều và thuê ông. Và thỉnh thoảng tôi cũng có thể lại đây chăm sóc nó cùng ông.

- Tôi cũng không coi trọng lắm chuyện thuê mướn đâu, ông Jarvis ạ - Lão John nói.

- Ở dưới kia, tôi nghe nhiều người nói ông rất thương súc vật, vì vậy tôi nghĩ ông có thể thông cảm cho. Tên nó là Barni.

- Hoan nghênh chú mình, Barni – Lão John nói và lấy tay gãi gãi vào tai con ngựa – Nay, ông Jarvis, tôi có mảnh đất trống cỏ cho ngựa cạnh bãi ngô con con kia. Ông hãy đem con Barni ra đó và thả nó ra.

Con ngựa đã xuất hiện và được đón tiếp như thế. Những đứa con trai lớn của lão John tiếp đón con ngựa đầu tiên. Chúng đưa tay dọc theo sống lưng thông của con ngựa và sờ những đầu gối nổi cục của nó. Chúng nói:

- Cha ạ! Thêm con này hẳn là cha định làm ngựa cỡi chứ?

Và vợ lão thì than van:

- Con này thì chỉ biết ăn thôi, và nhà mình chưa chắc đã đủ rơm cỏ cho mùa thu này.

Còn lão người làm Kelvin mà lòi lão John ra một góc mà bảo:

- Thật là tội lỗi, tội lỗi thật sự khi đem lương thực ra nuôi một cái xác như thể này, trong khi còn biết bao con người không có miếng mà ăn.

Lão John phải thừa nhận rằng, trong những điều lão Kelvin nói có chút sự thật, và điều đó khiến lương tâm lão có lúng túng. Nhưng cuối cùng lão đáp lại một cách bình thản:

- Tôi khi nào cũng thích làm điều đúng đắn.

Từ hôm đó, sáng sáng, chiều chiều, lão Jarvis đều tới thăm ngựa, cho dù trời mưa, hoặc sương buông, hoặc bụi bay đầy trời chẳng nữa. Khi nào lão tới cũng mang theo vài viên đường hoặc chút quà gì đó, và lần nào cũng vậy, lão đều vội vã thở muốn đứt hơi.

- Lẽ ra ta tới sớm hơn kia – Lão nói - Lại còn phải thịt mấy con gà, rửa bát đĩa. Lâu không, Barni?

Nói xong, lão thường đưa cho ngựa những thứ lão mang cho nó.

Qua đi một tuần, rồi hai tuần. Một hôm cuối tuần, vào lúc trời nhá nhem, lão bảo lão John:

- Đây, có lẽ tới lúc rồi đó. Lần đầu tiên trong đời Barni đã được nghỉ ngơi, nhưng bây giờ đã tới lúc rồi đó. Có điều là tôi không có súng. Liệu ông có thể giúp tôi cái khoản đó một chút không, ông John?

Lão John lắc đầu.

- Hừm....Cứ để yên cho nó một thời gian nữa có được không? – Lão nói và lảng đi xa - Cứ cho nó ở yên vị đó cho tới vụ cắt cỏ vào chuồng. Cỏ rể thôi, không đất đâu.

Thế là lão Jarvis vừa đi về vừa huýt sáo, còn con Barni thì ở lại. Tháng Mười trôi đi cùng với những ngày ngắn ngủi đầy hương vị mặn mà, sau đó là tháng Mười Một tới với gió lạnh tràn về. Và một bữa kia, hơi thở từ phương Bắc tràn về như một con chim to lớn màu trắng và làm những bông tuyết bay nhảy khắp mặt đất giá băng. Đã đến lúc phải cắt rơm, cỏ khô vào chuồng ngựa. Còn con Barni thì xử trí ra sao đây?

- Hừ, đã tới lúc có thể thanh toán nó được rồi đó – Lão Jarvis nói – Ông John, ông có thể làm chuyện đó giúp tôi không?

Lão John nói rằng phải cần nghĩ ngợi chút đỉnh đã. Lão nghĩ hơi chậm, và cả gia đình lão đều thấy nóng ruột. Vào một bữa ăn sáng, các con trai lão nói:

- Nếu chúng con bán con Barni, cha cho chúng con bộ da nó nhé? Chúng con sẽ thuộc đi và may áo ngoài.

- Nhà mình đối xử với con ngựa này thế là quá tốt rồi đó - Vợ lão nói – Con ngựa tội nghiệp không còn đủ sức đứng vững và cắt đầu lên nữa rồi. Dĩ nhiên trừ khi lão già tới thăm nó.

- Nếu lão Jarvis tỏ ra đúng đắn – Lão Kelvin nói - hẳn lão phải để ông bán con ngựa này làm thức ăn nuôi chó.

Họ nhao nhao vào bàn tán góp ý cho lão John đến mức lão định nghe họ quách cho xong. Nhưng khi lão tới gặp chú lão là cha xứ, chú lão bảo:

- Chú hiểu rõ lão Jarvis, cháu ạ. Khi một con người phải đặt lòng yêu vào một con vật già nua thế này, ta cần thông cảm. Con chó quên cho con ngựa ăn mớ cỏ ít ỏi con vẫn dành cho nó.

Thế là lão John về nhà trong lòng yên ổn hơn bao giờ hết. Lão vẫn chưa biết sẽ nói gì khi lão Jarvis chiều nay tới thăm con ngựa một lần cuối cùng. John cùng lão ra chuồng ngựa, trong lòng náo nức kích động về một cảnh tượng nào đó có thể xảy ra. Nhưng chẳng có chuyện gì hết.

- Việc đó thế nào cũng phải làm thôi – Lão Jarvis nói và mở cái túi bằng giấy

lão thường mang theo bên người – Tôi không thể kham nổi chuyện nuôi nó nữa. Tôi cũng không thể chi mỗi tuần một đồng để chăn dắt nó nữa. Con gái tôi nay kiểm tra tài khoản đủ lắm.

Lão mở túi ra và những viên đường lăn vào tay lão.

- Tôi cũng không thể mua đường được nữa – Lão nói.

Lão John cảm thấy ngực mình dâng lên một nỗi giận. Lão hỏi lại:

- Vậy ra bác ăn trộm những thứ này chẳng?

- Ăn trộm chút ít – Lão Jarvis nhận – Nhưng giờ đây con gái tôi xem xét ngặt lắm. Tôi đành phải bớt xén từ xuất chè và xuất cháo của tôi.

Lão John chờ cho cơn giận tan đi trong lồng ngực mình và để cho nó dâng lên mắt mình. Rồi lão lẩm nhẩm và lảng đi:

- Chuyện đó lẽ ra không nên để xảy ra!

Và đã xảy ra chuyện như sau. Khi trở lại chuồng ngựa lão nói:

- Này! Ông Jarvis, chuồng ngựa nhà tôi mùa đông này sẽ rộng hơn đây. Và có thêm con ngựa cũng đem lại thêm hơi ấm, ông biết đấy. Sao ông không để cho con ngựa này lại đây cho chuồng ngựa của tôi ấm thêm?

Tối hôm đó, xung quanh bếp lò, sau khi lão John kể cho cả nhà nghe ý định của lão, cả gia đình lão bắt đầu rầy la lão.

- Tôi nghĩ rằng ông phải giàu hơn nữa thì mới nên cất công mua khung xương kia về mà nuôi báo hại – Lão Kelvin nói gần như không kịp thở nữa. Nhưng lão John vẫn nghe rõ Kelvin nói gì, và tiếng lão đáp lại tỏ ra khác thường lắm.

- Con người khi nào cũng phải cố sống cho đúng đắn.

Và thế là lão John đã đúng đắn cả suốt mùa đông năm đó. Lão cho con Barni ăn cùng xuất ăn như những con ngựa khác nhà lão.

- Ta lo rằng mình có tốt hơn nữa với con Barni thì cũng chẳng ăn thua gì.

Xem chừng mỗi sớm nó lại yếu thêm, nó khó lắm mới gượng dậy nổi. Ta sẽ chẳng ngạc nhiên khi một sớm nào đó tới thăm chuồng và sẽ thấy nó chết rồi.

- Càng chết sớm càng tốt – Lão kelvin lầu bầu.

Thế nhưng con Barni đã làm một việc khiến mọi người ngạc nhiên . Vào lúc những móng vuốt mùa đông bắt bám chặt lấy cuộc đời, thì xương cốt con Barni đang rệu rã cũng thay đổi. Nó trở nên thay đổi hẳn, và một hôm lão John thấy ba đứa con nhỏ nhà mình cười và nhào lộn trên lưng nó. Bọn trẻ nói, chúng chưa từng khi nào thấy có con ngựa để cho chúng tập nhào lộn như vậy. Có thể tin cậy vào nó và làm mọi tiết mục nào mình thích làm.

Chính lão Jarvis lại là người bị Thời Gian cướp đi trước. Một buổi sáng, khi mùa đông tệ hại đã qua rồi, con Barni chờ đợi hoài hơi không thấy lão Jarvis tới cùng với cái túi giấy đựng quà của lão. Về sau, khi lão John đi xuống cửa hàng với một túi trứng, lão dừng lại thăm mom tình hình lão Jarvis.

- Chẳng có chuyện gì tồi tệ xảy ra cho lão đâu – Con gái lão nói – Lão chỉ lười hơn mọi ngày tí chút thôi, sáng nay lão không muốn dậy đó mà. Thay đổi thời tiết thì mệt đó thôi, bác à.

Cô Jordy là một người phụ nữ to lớn và trên mặt chẳng có một chút gì khiến ta muốn tìm hiểu hết. Hôm đó lão John rất muốn thăm ông bạn cũ, nhưng cũng chẳng thăm được.

Nhưng hôm sau lão John lại nhà Jordy một bận nữa.

- Tôi nghĩ ông cụ thân sinh ra cô muốn biết tin tức con ngựa của ông ấy –

Lão John nói với giọng khàn khàn – Tôi không ở chơi lâu la gì đâu.

Thế là cô ta mở cửa một cách miễn cưỡng. Cô ta trở cho lão John vào thăm ông bạn già nằm trong căn phòng sát bếp đang thiu thiu ngủ, người bọc

trong tấm chăn lính cũ. Lão John lay chiếc chăn bụi bặm.

- Ông thấy thế nào? – Lão hỏi.

Lão Jarvis mở mắt một thoáng, không nhận ra điều gì cả, rồi lại tiếp tục ngủ.

- Hôm nay ông cụ trái tính trái nết thật! - Người con gái nói.

- Con Barni hỏi thăm tin tức của ông đó! – Lão John nói.

Đôi mắt mệt mỏi mở ra và lần này thì nhìn thấy bạn cũ.

- Barni? Con Barni thế nào rồi? – Lão Jarvis hỏi yếu ớt.

- Ông thấy người ra sao? – Lão John hỏi lại - Chuyện đó mới là chính.

- Tôi sắp khoẻ rồi, John ạ - Lão già nói khẽ rung rung giọng – Tôi chỉ bị từng cơn thôi. Trước đã bị rồi. Nếu tôi qua được tới tháng Tư, thì mọi chuyện lại như thường.

Hôm sau, lão John đem Barni đi và đến đứng trước cái sân bên ngoài phòng lão Jarvis. Hôm đó người con gái lão có vẻ bần bó khác lệ thường.

- Barni, Barni, Barni! – Cô ta nói trong lúc lão John đi qua nhà và mở cửa sổ - Suốt đêm chỉ thấy ông ta gọi như vậy. Ông lão nói với con ngựa ấy như thể với trẻ con vậy. Tôi cười muốn chết và suốt đêm không chợp được mắt.

Lão John nuốt giận. Lão sờ trán ông bạn già và đỡ cho ông ta nhìn qua cửa sổ. Sau đó lão đem những viên đường đặt vào lòng bàn tay nhăn nhúm của lão và làm cho Barni chú ý tới họ. Con Barni gật đầu, ăn đường và liếm tay lão Jarvis nhiều lần để cảm ơn. Mọi chuyện chỉ xảy ra có bấy nhiêu thôi, sau đó người con gái lão Jarvis đóng sầm cửa sổ lại, đúng vào lúc con ngựa già thò cái mũi hồng hồng vào.

Lão John không nhận thấy trong túi áo ngoài của mình có lá thư, và chỉ tới khuya, sau khi mọi việc vặt trong nhà đã hết, lão mới biết. Phong bì gắn xi. Bên ngoài là dòng chữ run rẩy: “ John ạ, nếu tôi trết hải đọc trở đọc chúc nhà ”.

- Có gì trong đó? – Bà vợ lão John hỏi - Tiền chẳng?

- Khó mà có chuyện đó – Lão Kenvil lầu bầu.

Sáng hôm sau, cô Jordy gọi đây nói báo tin cho lão John biết cha cô ta đã qua đời. Thấy lão chết trên giường, cô con gái nói như vậy.

- Cứ nghĩ rằng cô ta có một trái tim, và trái tim đó đã vỡ vụn ra – Lão John lầm bầm khi báo tin cho gia đình mình.

Lão ra chuồng ngựa, ra khoang của con Barni, và mở lá thư ra. Trong thư viết:

Từ lay tới tháng tư xa quá, tôi không nghĩ rằng tôi qua được John ạ, nhưng cảm ơn John nhiệt tâm lòng vì tốt quá với Barni. John không thể hiểu nỗi tâm lòng đó tốt lắm.

Bây giờ, John ơi, cần phải cho Barni qua đời thôi nó sống thêm một mùa xuân nữa thì cũng khổ cho nó lắm lắm.

Sống mà trắng là được việc dè, nhưng tôi biết dềng cũng chẳng sao, mong John cho nó qua đời nhé.

Tôi mong dềng John sẽ làm cho Barni một đám ma nhỏ khi chôn cất nó, và John tìm một nơi đẹp đẹp đào cho nó cái huyệt xinh xinh nơi bóng cây và khi chôn nó thì đọc vài câu thơ hoặc nói tí gì cho êm dịu nhé như là tạm biệt ấy mà. Tại vì dềng họ nói giống ngựa không có kiếp sau nên cần nói với nó một lời tạm biệt đẹp dẽ. Làm thế tôi sẽ cảm ơn John mãi mãi sau khi tôi đã qua đời.

Suốt hai tuần lễ lão John không dám hé răng về nội dung lá thư. Lão cho rằng không nên để cho bất cứ ai trong thiên hạ giữu cột một con người vừa mới qua đời, cho dù tính khí người đó còn trẻ thơ chẳng nữa. Nhưng rồi cuối cùng, vào một tối kia lão đã cho vợ biết.

- Con người cô đơn tội nghiệp! – Bà vợ nói – Tôi thật mừng là ông đã không đọc thư cho tôi nghe ngay khi tôi đang rầy la ông. Tội nghiệp ông già! Thế mà đang có chuyện gì ông biết không? Con gái ông ta đang cho người tới lấy ngựa đó. Họ sẽ đem nó đi bán để người ta làm thức ăn cho chó.

Lão Kelvin lầu bầu, như thể muốn nói:

- Thì tôi đã chẳng bảo đó ư?

- Bọn họ không lấy được ngựa đi – Lão John hứa hẹn một cách bình tĩnh – Tôi sẽ đảm bảo chấm dứt chuyện đó. Và tôi cho rằng tôi sẽ làm được sớm thôi. Ngay chiều nay thôi.

Bà vợ thấy hơi lo lắng chút ít khi thấy ông chồng lấy ra khẩu súng. Bà ta hỏi ông chồng với một vẻ hơi hồ nghi:

- Cũng chẳng có cách gì giữ nó lâu hơn. Nhưng không làm ngay bây giờ chứ?

- Không – Lão John nói – Không làm ngay, có lẽ thế. Có điều là, như lão Jarvis nói, cần phải làm, vì có thể con Barni chẳng sống thêm nổi một mùa xuân nữa vô công rồi nghề. Bà làm ơn gọi đây nói cho chú chiều nay tới làm lễ cho nó, có được không? Còn Kelvin, khi đi qua cửa hàng, hãy nói cho lũ đầy tớ nhà đó là có đưa nào rảnh việc thì chiều nay hãy tới đây.

Một số người đã tới để làm ma cho con ngựa. Có cả vài người mà lão John không thể nhớ mà mình đã gặp ở đâu trước đây. Mọi thứ đã chuẩn bị xong xuôi khi họ tới. Huyệt đã đào xong. Bên cạnh huyệt là một hình thù, như là một Barni trùm vải nhựa. Hơi một dẹt dẹt một chút, lão John bắt đầu lễ tang.

- Tôi không cho rằng đây là một việc tình cảm hoàn toàn – Lão nói – Nhưng tôi không thể chống lại nguyện vọng cuối cùng của một lão già tội nghiệp, cho dù nguyện vọng đó có vẻ ngớ ngẩn.

Sau đó lão nhường lời cho Kelvin. Kelvin bắt đầu:

- Tôi nghĩ rằng ông John nói đúng khi ông coi chuyện này hơi ngớ ngẩn một tí chút. Ngựa sinh ra đời cho con người để con người sử dụng. Và khi việc sử dụng đó đã xong, con người có toàn quyền thanh toán nó đi, Và chẳng, ngựa không có linh hồn, chúng ta ai cũng biết vậy.

Tiếng nói của linh mục vang lên như một tiếng roi vụt và một ngón tay trở vào lão Kelvin:

- Hở thẹn cho người! Một con người làm việc mỗi tuần bốn chục giờ trong bốn mươi hoặc bốn mươi lăm tuần một năm, và làm việc ở nơi ẩm áp. Khi con người già rồi, nó được trợ cấp đủ để đi tới một nơi ẩm áp hơn. Nhưng một con ngựa – các người có thể bắt nó làm việc từ khi mặt trời mọc cho tới tối mới về. Các người cho nó ăn bằng những thứ bò không thèm ăn. Các người có thể đánh đập nó một khi nó làm ăn kém, rồi đem bắn bỏ nó khi nào các người ưng. Hừ! ta chỉ muốn nói thế này thôi: nếu con người có thể nuôi cho một con ngựa sống cảnh về hưu một thời gian để hưởng chút ánh mặt trời trước khi mặt trời tắt hẳn với nó, ta không cho rằng đó là một ý nghĩ ngớ ngẩn. Cũng không phải là chuyện xấu! – Và ông trở tay vào lão John nói tiếp – Ta lấy làm phiền vì anh. Ta cứ nghĩ rằng có thể anh là một con người khác chứ! Ta không nghĩ rằng anh thật sự bắn bỏ con ngựa này.

Qua vẻ mặt lúng túng của lão John thoáng hiện lên một nụ cười. Lão nói:

- Thừa chú, cháu rất mừng là chú đã giúp cháu đỡ lúng túng. Thực ra thì mùa xuân tới, cỏ thì rẻ, trong khi con Barni thì đang khá lên, cháu không định làm việc đó thật. Cháu không định làm việc đó ngay cả sau khi đã đi đào huyết chôn nó. Nhưng cháu không biết làm cách nào trì hoãn việc chôn cất nó trong khi mọi điều đã chuẩn bị đầy đủ rồi. Con Barni đã bị trói ở kia, sau bụi cây xanh. Nhưng đó chỉ là một đồng đất cháu đem tấm vải nhựa che lên mà thôi.

Khi mọi người trên đường về nhà, họ đều nó đó quả là một lễ tang hay ho thú vị.

Trong lúc lão John và lão Kelvin mang tấm vải nhựa về nhà. Kelvin bảo lão:

- Ông có tính toán xem con ngựa chết tiết kia làm ông tốn bao nhiêu không? Có khi nào ông tính thử xem, nếu dừng chuyện vớ vẩn kia lại thì ông sẽ tiết kiệm bao nhiêu tiền cho gia đình không?

Trước khi lão John tìm ra được câu trả lời đúng đắn, thì lão nhận ra rằng các người lạ mặt tới dự đám tang con ngựa đang chờ lão ở cuối bãi cỏ chăn ngựa.

- Tên tôi là Maye – Người lạ mặt nói - Mới chiều nay tôi tới đây, thì nghe thấy có chuyện đám tang con ngựa, thế là tôi tới liền. Bác ạ, tôi đang tìm một nơi nào tử tế để thuê chăn dắt ngựa non. Liệu bác có thể nhận giúp tôi chừng, dăm sáu con được không?

Lão John gãi gãi đầu.

- Giá cả ra sao?

- Tôi không tính toán chuyện tiền nong – Người lạ tên Maye nói – Tôi chỉ lo tìm một người xứng đáng làm việc đó, một người nào tôi có thể tin cậy. Nay tôi nghĩ là tôi đã gặp được bác. Cứ mười đồng một đầu ngựa mỗi tháng, bác thấy có nhận được không?

- Mười đồng một tháng, khác nào ăn cướp của ông – Lão John nói – Nhưng tôi nhận.

Người khách ra đi mặt tươi roi rói.

Khi đó lão John mới có thể quay lại cùng lão Kelvin để đáp lại câu hỏi của lão trong lúc hai người khiêng tấm vải nhựa. Lão nói:

- Lúc nãy tôi chỉ muốn nói với lão một điều thôi, nhưng ông khách lạ đã tới ngắt mất câu chuyện giữa hai chúng mình. Tôi muốn nói là, tôi không cho

rằng một người nào đó sẽ được coi là đúng đắn khi người đó đối xử không công bằng với bất cứ kẻ khác. Cũng như ngay từ đầu tôi đã nói: con người lúc nào cũng phải cố mà sống cho đúng đắn.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Những con nai của tôi

ISSAC DINSEN.

Nhà văn Mỹ.

Khi con Loulou lớn lên và tới thời xuân sắc của nó, thì đó là một con nai cái thanh mảnh mà tròn trĩnh một cách tinh tế, đẹp không thể tưởng tượng nổi từ cái mũi cho tới móng chân. Nom nó giống hệt một tấm tranh minh họa tỉ mỉ cho bài ca của Heine, về những con nai xinh xắn và thông minh đang giỡn chơi trên sóng nước sông Hằng.

Nhưng con Loulou không chỉ là một con nai nhỏ thực sự xinh xẻo đáng yêu, mà bên trong nó còn có cái có thể gọi là ma quỷ nữa. Ở nó có thể thấy ở mức độ cao nhất tính cách đàn bà, cái nét chỉ xuất hiện khi họ phải tự vệ, khi phải tập trung sức lực vào việc bảo vệ tính vẹn toàn cuộc sống của nó, khi thực sự phải đem hết sức lực ra đấu tranh chống lại sự tiến công vào nó. Chống lại ai kia? Chống lại toàn thế giới. Khi ấy tâm tính nó thay đổi hẳn, nó không tự chủ và không còn biết tính toán nữa, khi đó nó có thể đánh lại ngay con ngựa tôi đang cưỡi nếu nó không ưa con kia. Tôi nhớ rằng ông già Haghenbach ở Hambourg đã từng nói rằng, tất cả các loài vật, kể cả loài ăn thịt, loài nai là loài ít đáng tin cậy hơn cả. Bạn có thể tin cậy một con báo rừng, nhưng chớ

có mà tin cây một con nai đực con, sớm muộn nó cũng sẽ đá hậu vào bạn ngay đấy thôi.

Loulou là niềm kiêu hãnh của cả nhà chúng tôi ngay cả khi nó cư xử như là một cô gái làm dáng đồng đánh thực thụ; có điều là chúng tôi đã chẳng làm nổi cho nó có hạnh phúc. Đôi khi nó bỏ nhà đi thật lâu, có khi bỏ đi suốt cả buổi chiều. Đôi khi vào lúc nó chợt nghĩ ra chuyện gì đó và nó cảm thấy bất bình với mọi thứ xung quanh đến mức cao nhất, khi ấy tùy theo tình cảm của nó, nó thường ra bãi cỏ trước cửa nhà và nhảy một vũ điệu chiến trận, nom hệt như một cảnh nhảy múa vòng vèo để cầu nguyện quỷ sứ Satan vậy.

- Ôi Loulou – Tôi nghĩ thầm trong lòng – Mày biết rằng mày khoẻ vô cùng, mày biết rằng mày có nhảy cao hơn cả chiều cao của mày. Giờ đây mày đang giận dữ cả bọn tao, mày đang mong bọn tao chết hết đi, và quả thật có thể như vậy lắm nếu như mày có gan giết chết bọn tao. Nhưng mày nghĩ làm rồi con ạ, tội nghiệp, mày nghĩ rằng chúng tao đã dựng rào thật cao để mày không nhảy qua nổi, nhưng làm sao mà bọn tao lại dựng nổi rào cao mãi, khi mày là kẻ nhảy cao vô cùng? Chúng tao đâu có dựng rào cao nào đâu! Sức mạnh to lớn là ở bên trong con người mày, và rào cao cũng ở ngay bên trong con người mày. Loulou ạ, vấn đề chỉ là chuyện “ lúc nào ” thì xảy ra “ chuyện gì ” đó thôi, Loulou ơi...

Một bữa, Loulou không về nhà, chúng tôi ngóng chờ nó vô vọng suốt cả một tuần lễ. Đó là một vô đánh mạnh vào mọi người chúng tôi. Một không khí vui tươi thường có trong nhà này bỗng mất đi, và chúng tôi thấy nhà này buồn bức hơn các nhà khác. Tôi nghĩ rằng con Loulou đã bị báo ngoài rừng tha đi, và một bữa kia, về chiều, tôi đã bộc lộ điều tôi nghĩ đó với bác người làm là Kamante.

Như lệ thường trong tính khí bác, bác thường không trả lời tôi ngay tức thì, mà để cho một thời gian trôi qua, bác nghiền ngẫm những ý kiến chọt bùng nảy trong đầu tôi vốn chẳng lấy gì sáng láng lắm. Mãi vài hôm sau, bác mới rón rén tới bên tôi và nói:

- Loulou không chết. Nhưng nó lấy chồng rồi.

Hay thật, vui thật, kỳ lạ thật đấy. Và tôi hỏi lại bác xem vì sao bác biết chuyện đó.

- Vâng, nó lấy chồng rồi. Nó sống trong rừng cùng chàng *boana*, chồng nó, người chủ của nó. Nhưng nó vẫn không quên mọi người, sáng sáng nó vẫn trở về nhà mình. Tôi để ngô xay cho nó ở phía sau nhà bếp, và đúng lúc mặt trời sắp mọc thì nó về, nó từ trong rừng ra và ăn. Chồng nó cũng cùng đi với nó, nhưng sợ người, vì anh chàng chưa khi nào biết tới con người cả. Chồng nó đứng chờ dưới gốc cái cây to và trắng phía bên kia bãi cỏ. Chỉ thế thôi chứ không dám đến sát bên nhà ta.

Tôi bảo bác Kamante rằng khi nào thấy Loulou về thì tìm tôi và cho tôi biết ngay. Và vài ngày sau, trước lúc mặt trời mọc, bác tới và gọi tôi ra ngoài.

Đó là một buổi sáng dễ chịu vô cùng. Những ngôi sao còn sót lại trên bầu trời đang tắt dần trong lúc chúng tôi chờ con Loulou, và bầu trời vừa trong vừa êm ả trong khi nơi chúng tôi đang bước đi vẫn còn hơi âm thầm tối và yên ả khôn cùng. Cỏ ướt, dưới những gốc cây, mặt đất tràn ra sóng sánh nom như bạc mờ mờ đục. Khí trời buổi sớm lạnh lạnh, có cái gì đó nhoi nhói buốt mà ở phương Bắc này có nghĩa là băng giá vẫn chưa hết. Song hẳn là bạn cũng thường có kinh nghiệm như tôi – tôi nghĩ vậy – ngay trong cảnh lạnh lẽo âm u đó, thật khó mà tin được là chỉ trong vài giờ nữa trời sẽ nóng không thể chịu nổi. Sương mù còn bao phủ những quả đồi và mang hình thù những quả đồi một cách kỳ lạ.

Cái mái vòm to lớn trên đầu chúng tôi dần dần sáng ra nom hết như một cốc đầy rượu vang. Đột nhiên, dịu dàng vô cùng, đỉnh những ngọn đồi nhận lấy ánh sáng mặt trời, sáng loá lên. Thế rồi, chậm chậm, tựa hồ như mặt đất dâng lên tới mặt trời, những vùng cỏ loang loáng dưới chân núi chuyển thành một màu vàng dịu, và những cánh rừng Maixa bị thụt xuống thấp. Rồi tới lúc này đỉnh những ngọn cây trong rừng bên bờ dòng sông nhỏ, bỗng loá sáng lên như đồng thau. Lúc này là thời gian của những con chim câu núi màu nâu sẫm và to tướng, bốc bay lên chập cả bên kia bờ sông và đi kiếm ăn nhưng trái hạt dẻ trong rừng của tôi. Loài chim này chỉ tới đây trong một vụ ngắn thôi. Chúng bay lên một cách chậm chạp vô cùng, tựa như một đoàn kỵ binh bay lên chiếm lĩnh bầu trời. Các bạn tôi ở Nairobi rất quen với cảnh này và họ thường tới đây từ sớm, đi trong xe hơi không bật đèn pha, để chờ đón cảnh đó.

Khi bạn được đứng dưới cái bóng trong trẻo như vậy, nhìn lên những đỉnh núi cao ánh vàng và nhìn lên bầu trời trong sáng, bạn hẳn phải có ý nghĩ là mình thực sự đang đi dạo dưới đáy biển, xung quanh là nước đang chảy, và cái nhìn của bạn là nhìn từ đại dương nhìn lên. Một con chim nào đó cất tiếng ca, và sau đó tôi nghe xa xa trong rừng có tiếng nhạc chuông khẽ rung. Ôi, sao mà sung sướng, Loulou đã trở về và đã trở về gần như nơi chốn cũ! Nó tới gần dần, và tôi có thể theo dõi các động tác của nó theo nhịp chuông những bước nó đi. Nó đang đi, lại dừng, và lại đi tiếp. Sau khi quảnh một trong những chiếc lều canh của bọn con trai, Loulou đã hiện ra trước mắt chúng tôi. Thốt nhiên tôi cảm thấy một cảm giác khác thường và thú vị khi thấy một con nai đực đến gần nhà mình như vậy. Lúc này, nó đứng sững lại, dường như nó đang chuẩn bị để nhìn thấy Kamante chứ không trông chờ nhìn thấy cả tôi nữa. Nhưng nó chẳng chút lúng túng,

nó nhìn tôi chẳng chút sợ hãi, cũng chẳng chút nhớ nhung nào, đến những lo lắng của tôi khi nó bỏ đi không một lời báo trước.

Con Loulou của rừng sâu là một tồn tại sống cao cả, độc lập, trái tim nó đã đổi thay, nó như bị ma ám rồi. Nếu như trong đời tôi từng được quen biết một quận chúa trẻ sống trong cảnh lưu đầy, trong khi nàng vẫn còn là người chuẩn bị về lên ngôi báu, và tôi đã được gặp nàng trong cảnh nàng vẫn còn đầy rẫy quyền lực sau khi đã trở lại nắm quyền, hẳn cuộc gặp mặt của chúng tôi cũng giống như lúc này tôi gặp Loulou thôi. Lúc này đây, đó là một con Loulou hoàn chỉnh. Cái tinh thần tiến công đã không còn ở nó nữa, vì nó cần tiến công ai và tiến công vì lý do gì kia chứ? Nó đang đứng kia bình thản trong những quyền lực thiêng liêng của mình. Nó nhớ tới tôi vừa đủ để thấy rằng tôi chẳng có gì đáng sợ sệt cả. Nó trân trân nhìn tôi trong một thoáng, đôi mắt mơ màng của nó tuyệt nhiên chẳng có chút biểu cảm nào và không hề chớp – và tôi cũng nhớ lại rằng các thần linh nam và nữ đều không khi nào chớp mắt, và lúc này đây tôi cảm thấy như mình đang đứng trước nữ thần Canh nông Héra có đôi mắt bò. Khi đi ngang tôi, Loulou khẽ vạt một nhánh cỏ, khẽ nhảy lên một cách duyên dáng, rồi đi vào phía sau bếp, nơi có ngô xay cho nó do Kamante đã để sẵn cho.

Kamante lấy một ngón tay khẽ đụng vào cánh tay tôi, rồi trở về phía rừng cây. Nhìn theo hướng tay chỉ, tôi nhìn thấy dưới một cây dẻ, một con nai đực, một cái dáng hung hung nhỏ in trên lớp áo ngoài của rừng, với đôi sừng giương lên như chạc cây. Kamante quan sát nó một hồi rồi bật cười.

- Ông xem kia – Bác ta nói – Con Loulou đã giảng giải cho chồng nó biết rằng ở khu nhà này chẳng có gì đáng sợ hết. Thế mà cậu chàng vẫn không dám tới. Sáng nào cũng vậy, cậu ta đều nghĩ rằng cậu sẽ đi đến tận nơi, nhưng khi nhìn thấy nhà cửa và con người, cậu ta lại thấy có hòn đá trong bụng, và đứng chết dưới gốc cây đó.

Trong một thời gian dài, Loulou sáng nào cũng về nhà. Tiếng chuông trong treo của nó, báo tin mặt trời đã mọc trên đỉnh đồi, khi đó tôi thường nằm trên giường và chờ. Có khi Loulou không về trong một thời gian một hoặc cả hai tuần lễ, và chúng tôi quên nó đi, rồi chúng tôi lại nghĩ tới những người đi săn trong rừng hắc đã bắn nó mất rồi. Thế rồi những người làm trong nhà, bỗng một hôm lại tới báo cho tôi: “Loulou đã về”, cứ như thể Loulou là con gái trong nhà đi lấy chồng, nay có dịp về thăm nhà vậy! Lát sau, tôi cũng nhìn thấy cả bóng dáng con hươu đực trong đám cây, nhưng bác Kamante đã nói đúng, anh chàng này vẫn chưa có đủ dũng cảm để về thật gần nhà.

Một hôm, khi tôi mới từ Nairobi trở về, bác Kamante rình đón tôi ở cửa bếp, và với vẻ rất kích động, bác cho tôi biết Loulou ngày hôm đó đã trở về, và nó cũng có cả *loto* của nó về cùng – con đẻ của nó vậy. Vài ngày sau, bản thân tôi đã có cái vinh dự thấy Loulou trong dây lều của người làm, vẻ rất nhanh nhẹn và nghiêm trang, và luẩn quẩn dưới chân nó là một con nai con, cũng chậm chạp như con Loulou hồi chúng tôi mới bắt về nuôi. Đó là sau mùa mưa kéo dài, và suốt trong tháng hè ấy Loulou luôn ở nhà, có khi ở suốt buổi chiều, có khi tới cả chiều sẫm vẫn còn ở nhà. Có khi giữa trưa Loulou vẫn còn đó và nằm tránh nắng dưới lều.

Con nai nhỏ của Loulou không sợ chó, thường để mặc cho chó hít ngửi khắp người, nhưng nó không khi nào quen được với dân địa phương và cả với tôi nữa, và một khi chúng tôi thử tìm cách tóm lấy nó, thì cả hai mẹ con đều chuồn thẳng.

Sau khi đã xa nhà một thời gian khá dài, chưa từng khi nào Loulou lại về gần nhà đến thế, đến mức chúng tôi có thể sờ được vào nó. Nó tỏ ra thân thiện, nó hiểu rằng chúng tôi muốn săn sóc con nhỏ của nó, và nó thường nhận tấm mía chúng tôi chia cho, Nó lững thững đi về phía cửa nhà ăn mở rộng, nó nhìn chăm chăm vào những căn buồng sáng ngập ánh đèn, nhưng

không một lần nào nó lại bước qua ngưỡng cửa như xưa cả, vào thời gian này nó mất cái chuông đeo cổ và nó đi đi lại lại lặng lẽ.

Người giúp việc của tôi gợi ý rằng, tôi có thể cho bác ta bắt lấy con nai con của Loulou và nuôi nấng nó như chúng tôi từng nuôi nấng Loulou xưa.

Nhưng tôi nghĩ làm thế sẽ gọi lại mối hồ nghi của Loulou, làm nó mất đi cái lòng tin cao quý với chúng tôi.

Tôi cứ nghĩ rằng mỗi ràng buộc tự do với con nai và ngôi nhà chúng tôi là một sự việc hiểm hoi, đáng trọng. Loulou đã từ cái thế giới hoang dã trở về để cho thấy rằng chúng tôi sống thân thiện với nó, và nó đã làm cho ngôi nhà chúng tôi đang sống hoà làm một với khung cảnh châu Phi, và khó mà có ai đó nói được rằng đâu là nơi bắt đầu và đâu là nơi chấm hết khung cảnh đó.

Loulou biết cả vị trí nhiều chim trong rừng. Ở châu Phi có một loại chim gáy hót vào giữa trưa những ngày nóng, và tiếng hót giữa rừng ấy giống hệt như những tiếng đập âm vang của thế giới. Tôi chưa từng khi nào có cái điểm phúc được thấy con chim gáy đó, và ngay cả những người tôi biết cũng chưa ai có cái may mắn như thế, chưa từng ai mô tả nỗi cho tôi con chim gáy đó ra sao. Nhưng Loulou hẳn là đã lần theo lối mòn quen thuộc của nó và đã tới đúng cái chỗ, con chim gáy cất tiếng gáy vang...

Hai con nai, một con to và một con nhỏ, suốt mùa hè đó cứ quần quanh bên ngôi nhà chúng tôi, thỉnh thoảng lại có một thời gian cách quãng từ mười lăm ngày hoặc ba tuần lễ hai mẹ con bỏ đi; thời gian còn lại, ngày nào chúng tôi cũng thấy mặt nhau. Bắt đầu mùa mưa năm sau, người giúp việc nhà tôi lại cho biết, Loulou đã trở về với một con nai nhỏ nữa. Chính mắt tôi không nhìn thấy con nai nhỏ, vì vào thời gian đó hai mẹ con không về gần nhà; thế nhưng ít lâu sau tôi đã nhìn thấy những ba con nai đực cùng đi với nhau trong rừng cây...

Cuộc liên minh giữa Loulou và gia đình nó cùng chúng tôi cứ thế kéo dài thật lâu...

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Chuyện một con mèo

PIERRE LOTI.

Nhà văn Pháp.

Đó là vào lúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc, vào một trong những buổi chiều vẫn còn những cuộc hỗn chiến khi đó. Tôi chẳng biết vì sao con vật nhỏ nhoi sợ sệt kia, hẳn là từ một chiếc tàu nào đó bị đánh đắm, đã hoảng loạn nhảy sang được chiếc tàu của chúng tôi, và tới ẩn ngay trong phòng tôi, dưới giường ngủ của tôi. Một con mèo còn non, thân thể chưa trưởng thành, gầy gò, thảm hại, khốn khổ, nhưng xem chừng tông tích vốn hẳn là được nuôi nấng chu đáo như cha mẹ của nó và chủ nó, nghĩa là từng sống bằng cơm và các đầu cá nấu lộn với nhau. Tôi chợt thấy thương hại con vật và ra lệnh cho cần vụ nấu cho nó một chút gì có chất bột và chút gì đó cho nó uống.

Với một vẻ khiêm nhường và hàm ơn, con mèo nhận những thứ tôi mời mọc – lúc này đây tôi vẫn còn nhớ cảnh nó chậm chạp tiến tới gần bữa ăn bất ngờ đó, nó nhích một chân rồi một chân khác, trong lúc đôi mắt trong trẻo không ngớt nhìn vào mắt tôi, như thể để tin chắc rằng nó không nhầm,

rằng đó chính là dành cho nó thực...

Sáng hôm sau, tôi tính chuyện đuổi nó đi. Sau khi cho nó ăn một bữa tiệc chia tay, tôi lấy hai tay đập thật mạnh vào nhau, chân thì dậm thật dữ dội, theo tục lệ vào những dịp đó thì phải làm như thế, và tôi nói với nó bằng một giọng cứng rắn:

- Đi thôi, xin mời đi thôi, bà Miu!

Thế nhưng nào nó có đi cho. Hiển nhiên là nó không hề sợ tôi chút nào, nó đã hiểu bằng trực giác rằng mọi thứ ồn ào kia chỉ là chuyện cổ tình làm quá lên thôi. Với một vẻ như thể muốn nói cùng tôi: “ Tôi biết thừa đi rồi, ông chẳng làm gì hại tôi đâu ”, nó cứ thế nằm lì trong góc buồng, người dán sát xuống sàn tàu, trong tư thế một kẻ đang van nài, mắt mở to nhìn tôi, đôi mắt nhìn như mắt người mà tôi chỉ thấy có ở nó thôi.

Làm thế nào bây giờ? Tôi hẳn không thể để cho một con mèo sống chung phòng trên con tàu. Nhất là một con vật yếu ớt và tinh quái thế kia.

Chà, nghĩ chuyện đường dài, thật phiền hà quá đáng...

Thế là tôi nổi nóng lên, tóm lấy nó, dĩ nhiên là nhẹ nhàng, và có cả lời an ủi nó nữa: “ Tôi không thể chịu được nữa rồi, bà ạ! ” và tôi kiên quyết lôi nó ra ngoài, đem nó lại tận đầu tàu đằng kia, ném nó vào giữa đám thủy binh nói chung thường là những người hiếu khách đối với những con mèo bất kể mèo như thế nào.

Nó nằm ẹp xuống sàn tàu, đầu ngoảnh lại tôi như thể muốn van xin, và bỗng dưng thoát cái, nó chạy về phòng tôi trước cả tôi nữa. Khi tôi về tới phòng mình, tôi đã thấy nó chui vào một xó rồi, và đôi mắt nó đầy vẻ than van, khiến tôi không sao còn đủ dũng khí đuổi nó đi lần nữa. Cậ chuyện tôi

có con mèo bắt đầu như vậy.

Tôi còn nhớ rõ cái ngày đầu tiên khi mối quan hệ giữa hai chúng tôi trở nên thực sự thân thương.

Lúc đó tàu chúng tôi đang ở ngoài khơi xa, phía bắc biển Hoàng Hải, vào những ngày tháng chín buồn bã... Tôi đang ngồi ở bàn và đang viết....

Đã gần hai tuần nay, bà Miu ngủ dưới gầm giường tôi. Nó sống ở đó, ẩn dật, kín đáo, buồn rầu, ít ló ra ngoài, hầu như luôn luôn trốn mặt, và hình như nhớ nhung quê hương, bản quán mà chắc hẳn nó chẳng có dịp trở lại.

Đột nhiên, trong bóng tối nhập nhoạng, tôi thấy nó vươn dài mình ra, và dường như còn muốn suy nghĩ thêm chút nữa, rồi nó đi lại tới tôi, vẫn còn ngập ngừng, đi lại dừng, đi lại dừng. Đôi khi trong lúc đang đi, theo một kiểu cách hệt như của người Trung Hoa, nó giơ một chân lên và chưa chịu đặt chân xuống đất, lát sau mới hạ xuống rồi bước tiếp. Và trong lúc đi, mắt nó nhìn tôi chăm chăm, dò hỏi:

Nó muốn gì vậy nhỉ? Hiển nhiên là nó không đói. Cần vụ của tôi ngày ngày cho nó ăn hai bữa no căng. Vậy nó muốn gì ở tôi?

Khi nó đã tới sát, rất sát chân tôi, nó liền ngồi xuống thu đuôi lại, và cất lên một tiếng “ meo ”, vô cùng hiền dịu.

Và nó tiếp tục nhìn tôi chăm chú, nhưng là một cách nhìn sâu *vào trong ánh mắt tôi*, điều đó cho thấy trong cái đầu bé bỏng của nó cả một thế giới nhận thức: trước hết nó cần biết rằng, tôi cũng như mọi sinh vật bậc cao khác, tôi không phải là một đồ vật, mà là một sinh vật suy tư, một kẻ có khả năng có tình thương và hiểu nổi một ánh mắt câm lặng. Hơn nữa, điều cần

thiết là nó phải nhìn thấy ở đôi mắt tôi đích thực *một đôi mắt*, tức là những tấm gương nơi đó tâm hồn nhỏ nhoi của nó đang tìm kiếm một cách lo lắng, e ngại một ánh phản chiếu của tâm hồn tôi... Thật vậy, loài vật, khi ta nghĩ tới chúng, ta thấy chúng gần gũi với ta trong những quan niệm như vậy, chúng cũng có nhiều khả năng có những quan niệm như thế lắm chứ. Còn tôi, lần đầu tiên tôi nhìn ngắm kỹ vị khách bé bỏng của mình, đã hai tuần lễ rồi cùng ở trong phòng với tôi. Lông nó màu xám đậm như lông thỏ rừng, lại lốm đốm như lông con hổ, còn mõm và gáy thì trắng. Nó xấu xí thật đấy, nhưng đó là do ốm yếu, và nói chung thì không thể gọi nó là xấu xí, gọi nó bằng hai tiếng “ngò ngộ” đúng hơn. Con mèo này khác nhiều giống mèo Pháp của ta: chân nó thấp, người dài như con cây hương, và cái đuôi dài quá khổ: tai dựng đứng và mặt kín đáo; duy đôi mắt thì đầy rẫy một vẻ duyên, mắt xếch về phía thái dương như mắt người vùng Viễn Đông, trông mắt màu vàng tươi chứ không xanh lơ, luôn luôn linh hoạt, có sức biểu cảm lạ kỳ.

Tôi vừa nhìn nó, vừa hạ tay xuống đầu nó và xoa lên lớp lông nó, lần đầu tiên tôi ve vuốt nó như vậy.

Nó đã cảm thấy cái gì? Hẳn đó phải là một cảm giác hơn là một khoái cảm thể xác: nó có cảm giác được che chở, nó nhận thấy một thiện cảm trong cảnh hắt hủi, đau khổ. Chính vì thế mà nó rời bỏ nơi ẩn náu tối tăm và ra ngoài. Cái mà nó quyết định cầu xin của tôi, không phải là miếng ăn. Cái nó cầu xin, trong tâm hồn mèo bé bỏng kia, là một chút tình bầu bạn, một chút nghĩa kết thân trong cuộc đời này.

Khi ấy, một cẳng chân thanh mảnh khẽ đặt lên người tôi một cách rụt rè – ôi chao, với biết bao tinh tế, với biết bao thận trọng xét suy! – và sau khi đã kiên nhẫn dò hỏi và cầu xin tôi bằng cái nhìn kia, bà Miu, sau khi nghĩ rằng

đã đến lúc “đốt cháy giai đoạn ” liền nhảy tót lên lòng tôi.

Lúc đó là cuối một mùa đông gian khổ, đã vào đầu tháng ba ấm áp, và bà Miu đánh bạn ở bên đất Trung Hoa, cùng tôi về Pháp và vào nhà tôi ở.

Nhà tôi cũng có một con mèo khác, con Trắng. Vào mùa này, con Trắng vẫn còn mang bộ lông trắng đường bệ, và chưa từng khi nào tôi nhận thấy Trắng to, đẹp đến thế.

Cảnh tương phản thật vô cùng rõ với con Miu Trung Hoa gầy gò, với bộ lông thô rùng và rụng lông từng mảnh như bị bọ ăn. Thế thì tôi cảm thấy bối rối vô cùng khi người nhà tôi ra bến đón nó về, đã ngạo nghễ nhắc nắp chiếc giỏ đựng nó, và khi mỗi người trong gia đình tôi tụ tập chờ đó, bà bạn Trung Hoa của tôi hải hùng bước ra.

Ấn tượng chung của mọi người thật tệ hại, và chỉ cần nhắc câu nói sau của di tôi là đủ: “ Tội nghiệp cháu tôi! Con mèo sao mà chết cười! ”

Chết cười thật, bây giờ tôi biết làm cách nào và lấy lý do gì đem giới thiệu bà Miu Trung Hoa của tôi với chị mèo Trắng đây? Chưa biết cách làm sao, tôi bèn đem Miu Trung Hoa cho lên tầng thượng cách nẻo, sao cho hai con mèo không gặp nhau một thời gian, và tìm cách...

Khi hai con gặp nhau lần đầu, thật là một chuyện khủng khiếp kinh hoàng. Chuyện đó xảy ra bất ưng, vài ngày sau khi tôi về, và xảy ra tại nhà bếp (một địa điểm có sức hấp dẫn tuyệt vời mà những con mèo sống chung một mái nhà không thể nào không tới cho được). Người nhà cấp tốc tìm tôi và tôi lao ngay tới. Lúc đó đang nghe thấy những tiếng kêu thất thanh; như một cuộn len làm bằng hai bộ lông và những móng vuốt, hai thân hình cuộn chặt lấy nhau, làm lẫn đổ tanh bành bát đĩa, cốc chén, quăng lên quật xuống, trong lúc những sợi lông trắng và lông thô rùng xám, bay tung khắp xung quanh. Tôi phải can thiệp một cách thật kiên quyết, tách rời hai bên ra bằng cách té vào hai con một bình to nước lã. Tôi bắn khoăn vô cùng...

Người run rẩy, đầy vết xước, tim đập như muốn vỡ tung ra, bà Miu Trung Hoa nép sát người tôi, và dần dần yên tĩnh lại, thần kinh bớt căng thẳng vì đã cảm thấy được cảnh an toàn êm dịu. Sau đó, nó chuyển sang ngay đơ và nhão ra như một thân xác không hồn. Ở loài mèo, đó là biểu lộ một tình trạng tin cậy vô cùng lớn với người đang che chở nó.

Mèo trắng ngồi một góc, vẻ nghĩ ngợi và buồn, mở to mắt nhìn hai chúng tôi, trong cái đầu bé bỏng của nó diễn ra một sự suy lý. Nó vốn là một con mèo, suốt năm này qua năm khác, từng xua đuổi trên mái nhà mọi con mèo lạ, ngay cả khi đó là những con mèo hàng xóm, giờ đây thấy trong tay tôi một con mèo thân thiết vì tôi cho nó nằm sát cổ tôi và nó đang buông thả mình trong sự ôm ấp của tôi. Và như vậy có nghĩa là không nên làm điều gì có hại cho nó và phải chấp nhận sự hiện diện của nó trong nhà này thôi.

Tôi vừa kinh ngạc vừa khâm phục vô cùng, khi thấy hai con, một lúc sau, đã sống hàng cùng nhau, tuy vẫn coi thường nhau, nhưng lịch sự vô cùng, yên lành vô cùng, và thế là xong mọi chuyện, suốt đời chúng hai con mèo đó không còn giận dữ gì nhau nữa.

Cuộc đời một con mèo có thể kéo dài, tới mười hai hoặc mười lăm năm nếu như không có tai họa gì xảy ra.

Bà Miu Trung Hoa bị đầu tiên, ở bà, ta thấy biểu hiện những rối loạn tâm trí, bệnh buồn bã - hẳn là nỗi buồn nhớ xứ sở xa xôi. Không ăn uống gì, bà chui đi nằm ẩn một nơi trong những thời gian dài trên những nóc tường cao, nằm hăng ngày dài không nhúc nhích, ai gọi cũng chẳng thừa và chỉ đáp lại những tiếng gọi âu yếm bằng con mắt nhìn dịu dàng và những tiếng “ meo, meo ” thảm thương.

Bà mèo Trắng cũng thế, ngay từ những ngày đầu xuân, đã tỏ ra yếu mệt, và

cho tới tháng tư, cả hai con mèo của tôi đều thực sự ốm nặng.

Các bác sĩ thú y được mời tới đã cho những thang thuốc và những biện pháp chữa trị không sao thực hiện nổi. Người này thì sáng cho thuốc, chiều đắp chườm lên bụng. Người kia thì bắt dùng phép trị liệu bằng nước: phải hút sạch lông và mỗi ngày hai lần đem mèo đi tắm nước lạnh xối xả. Người giúp việc nhà tôi thì hành mọi điều và tuyên bố mọi chuyện đều vô ích. Và bắt đầu thử dùng những phương thuốc đặc biệt nhưng cũng chẳng ăn thua. Cả mùa xuân đang tới, cả ánh nắng chói chan cũng chẳng có tác dụng gì với chúng hết.

Một sớm kia, tôi từ Paris trở về nhà, người giúp việc của tôi khi đỡ vali cho tôi, đã thông báo một cách buồn bã:

- Thưa ông, Miu Trung Hoa đã chết rồi!

Đã ba ngày rồi, Miu kia vốn tính chín chắn vô cùng, đã biến mất. Không còn nghi ngờ gì nữa, nó đã cảm thấy ngày cuối cùng tới rồi, và nó quyết định ra đi, trong lòng bị thúc đẩy vì cái tình cảm tuyệt vời chất phác thường khiến cho những con vật kia lẩn trốn kín một nơi mà chết. Người nhà tôi nói:

- Thưa ông, suốt cả tuần, nó nằm trên cây nhài đỏ, không chịu xuống ăn nữa. Khi chúng tôi gọi, nó vẫn đáp lại, những tiếng yếu ớt quá chừng.

Đến cái phút giây khủng khiếp, Miu Trung Hoa của tôi đã đi đâu nhỉ? Hẳn là đã đi tới một nhà xa lạ nào đó, những người chẳng những không cho nó chết yên lành mà còn xua đuổi nó, làm đau đớn dần vật nó và sau đó vứt nó vào chuồng phân. Thực lòng, tôi chỉ muốn nó chết tại chính ngôi nhà của

tôi. Lòng tôi se buồn khi nhớ lại đôi mắt nhìn hết như người của nó, đôi mắt van lơn biết bao, đôi mắt khi nào cũng tràn đầy một tình cảm và một nhu cầu che chở và yêu thương của nó không sao nói ra nổi thành lời; đôi mắt luôn luôn tìm gặp đôi mắt tôi, lúc nào cũng với cái vẻ hỏi han lo âu kia những không sao phát biểu ra nổi...Nào ai biết trong những tâm hồn nhỏ nhoi kia đã diễn ra những lo âu bí ẩn gì, vào những giây phút hấp hối, nhưng tâm hồn con vật có những tình cảm phức tạp kia đã diễn ra những chuyện gì?...

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Tháng mười

STERLING NETO.

Nhà văn Mỹ.

Hè đã đến, lại được tới trường luôn luôn là một điều vui thú. Lại có những cây bút mới và bút chì mới phát. Bút chì thì càng vót nhọn càng nức mùi hương cây tuyết tùng. Các bài trên trang sách mới phát phần lớn đều quăn góc và ghi đầy những lời bình chẳng có gì hay ho cùng những hình vẽ thô lỗ. Nhưng đôi khi chúng tôi cũng được phát đôi ba cuốn sách vừa mới in xong, thơm nức mùi giấy mới và mùi mực in. Riêng năm học này, ngay đầu tiên tới trường đối với tôi càng không thể nào quên, vì tôi đã được lên học lớp Bốn.

Bọn học sinh lớp Bốn chúng tôi phải ngồi ở những hàng ghế phía trên của phòng học lớn, chúng tôi chẳng thèm để ý đến bọn ngồi phía sau. Nhưng chúng tôi cũng biết rằng một ngày nào đó chúng tôi cũng sẽ lớn như bọn ấy.

Và chúng tôi cũng có đủ tư cách riêng cùng hứng thú riêng, khiến chúng tôi chẳng đến nỗi phải đau khổ vì cái tội mình còn nhỏ quá, còn ít tuổi quá.

Sau nữa là có hai trong số các giáo viên mới của tôi là những người thực sự có tài năng. Cô Stafford đã làm cho môn văn thành một môn học tuyệt diệu. Và cô Wallen thì yêu môn sinh vật cũng bằng tình yêu của mẹ tôi với môn học đó.

Tôi chỉ có mỗi một điều miễn cưỡng khi nghe tiếng chuông báo học đầu tiên vào tháng Mười năm 1918 ấy, là tôi phải chấm dứt vụ hè sống cùng với Rascal và phải nhốt kỹ nó vào trong một cái chuồng làm bằng giấy thép tựa như chuồng gà. Tôi đã di chuyển cái cũi chó to tướng của con Uxo tới chính cửa ra vào của Rascal. Vì rất có thể có một anh chàng táo tợn hoặc một con chó nào đó cả gan mò vào dinh cơ của con gấu trúc nhà tôi. Biết rõ là nó được tin cậy, con Uxo nằm canh chừng ngay cạnh chuồng gấu của tôi, cái mõm to tướng của nó cùng đôi mắt sâu và thông cảm của nó dõi trông chú tù nhân bé bỏng đang nằm bên trong lớp dây thép. Còn Rascal thì lò dò ra sát vai con chó, vỗ về cái mũi con chó, và lần nào cũng thế, con chó sẵn nài cũng chỉ khẽ liếm cái bàn chân nho nhỏ chia với nó một cách thân tình. Khi con Rascal kêu hoặc gầm gừ rung trong họng, con Uxo trả lời bằng một tiếng sủa to, cộc cằn yêu thương và thường kết thúc bằng một tiếng hú thân thiện. Con ngựa Denibruc cũng quan tâm tới chuyện này, từ tàu ngựa kế bên cũng thêm vào một tiếng hí dịu dàng. Và thế là mảnh sân sau ấy đã có một cảnh bầu bạn thực thụ rồi.

Tôi làm mọi cách có thể để làm cho việc cầm tù chú gấu của tôi thêm dễ chịu. Tôi luôn luôn ít ra là mỗi ngày cùng ăn một bữa trong chuồng của Rascal, và trước khi tôi đi học cũng như sau khi đi học về, thế nào chúng tôi

cũng phải sống bên nhau. Tôi mang nó ra vườn để nó giúp tôi thu hái đậu khô và bí. Nó thích để cho tôi thu dọn lá, khi ấy nó nấp vào một đồng lá mới gom lại, và xổ ra “ oà ” tôi từ những địa điểm bất ngờ nhất. Và nó đã trở thành một tay phụ việc thực thụ trong một công việc mới của tôi là đi bán báo. Nó thu hút khách mua ở bất kỳ ở đâu chúng tôi đi bán.

Đã từng có hàng trăm ngàn người đi bán tờ *Bưu điện chiều thứ bảy* khi họ còn là những chú nhóc con, và tôi đã tham gia vào đội ngũ họ hồi tuần lễ đầu tiên của tháng Mười. Lúc đó tôi túng tiền lắm, tôi thấy mình phải làm việc nhiều hơn nữa thì may ra một lúc nào đó mới đủ tiền mua buồm cho chiếc du thuyền nhỏ của mình.

Thế là, cho Rascal ngồi trong cái giỏ trên xe đạp, tôi đạp tới toà báo và cửa hàng văn phòng phẩm do Frank Asher đứng chủ, ở toà báo lớn ngay cạnh ngôi nhà Ngân hàng Thuốc lá. Những chồng báo lớn tới nơi vào chuyển tàu ngày thứ ba, và mỗi người chúng tôi thử lấy năm chục số đem bán. Trên trang bìa là một cô gái với một vòng hoa quăn quanh lá cờ ngành Bưu điện. Và tôi còn mang ấn tượng mạnh hơn nữa, khi biết rằng tờ báo này đã được tổng thống Franklin sáng lập.

Cả ông chủ hiệu Asher lẫn viên quản lý cơ quan bán hàng của công ty xuất bản Curtis, đã đưa ra một quyết định ma mẫn vì một ý đồ tuyệt vọng muốn bán tổng bán tháo một tờ tạp chí, trong số báo công ty đó kinh doanh. Vì vậy, cứ nhận bán năm chục tờ *Bưu điện* thì chúng tôi có nhiệm vụ phải bán năm tờ *Nhà quý tộc địa phương*. Thành phố chúng tôi là nơi đầy rẫy những chủ nông trại về hưu, quý tộc cả đấy, nhưng chẳng ai trong bọn họ muốn mua tờ báo này. Thế nhưng, Rascal đã trở thành một vật quảng cáo sinh động khiến cho chúng tôi lăm khi mời được người mua cả hai tờ báo

liền.

Hai chúng tôi tha nhau trên xe đạp trong cát bụi ngày thu, miệng gào lên: “ *Buru điện chiều thứ bảy* năm xu đây! *Buru điện* của quý ông đây, năm xu, chỉ năm xu thôi! *Buru điện chiều thứ bảy* đây! ”

Có tin đồn đại xầm xì rằng năm nay về môn sinh vật học, chúng tôi sẽ được học những điều về sự sống. Phần lớn chúng tôi đều có biết qua quýt và sai lạc về vấn đề này, nhưng riêng tôi thì vẫn còn rất mơ hồ không hiểu cơ thể con người ta được cấu tạo như thế nào. Song, vì tôi chưa tròn mười hai tuổi, nên tôi cũng chẳng hoàn toàn thất vọng về sự ngu dốt của mình.

Thế nhưng điều làm tôi khó hiểu là, một người dễ thương tinh tế như cô Wallen, người mắt sáng và tóc óng ánh, làm sao lại có thể dạy cho một lớp học chung cả con trai và con gái về chuyện phát triển nòi giống. May sao, chuyện đó chỉ xảy ra mãi lâu về sau này, và cô đã phải dùng nhiều tháng ròng, thông qua việc dạy các con thú nhỏ hơn, để dẫn chúng tôi đi tới vấn đề đó.

Giáo viên sinh vật học của chúng tôi, có cách thức dạy riêng cho môn học hấp dẫn. Cô đã dạy học theo cách dùng bản năng. Khi thấy có những con ngỗng trời đang bay qua trên bầu trời tháng Mười, cô liền gọi tất cả chúng tôi lại bên cửa sổ để nghe tiếng quàng quạc xa xôi của chúng, và nhìn theo chúng bay về phương Nam thành hình như chữ V. Cô kể cho chúng tôi nghe cách thức từng con ngỗng đực thay nhau bay vào vị trí khó khăn ở đỉnh nhọn chữ V, phá vỡ lực cản của không khí, để cho những con bay ở phía sau được dễ dàng, và cách thức cũng chính những con đực dũng cảm ấy – đôi khi là một con ngỗng đực *goá vợ* - một thân một mình canh gác suốt đêm

cho cả bầy được ngủ.

- Chúng ta ở đây dưới đúng một nhánh của Đường bay lớn Missisipi – Cô nói – Chính vì thế mà chúng ta có cơ may kỳ diệu được thấy hàng ngàn, hàng ngàn con chim di trú lên hướng Bắc vào mùa xuân và lại bay về hướng Nam vào mùa thu.

Sau đó cô kể với chúng tôi rằng những con ngỗng trời đó (giống như những con thiên nga) kết bạn cùng nhau suốt đời, con này theo con kia, mùa này sang mùa khác, chúng nuôi nấng chú ngỗng con tại miền Bắc cực, tới mùa đông lại đưa con tới nuôi tại các nhánh sông phương Nam...

- Chính vì vậy – Cô nói - nếu ta bắn một con ngỗng trời hoặc thiên nga, thì thật là một điều độc ác. Vì như vậy sẽ khiến cho có một con goá bụa suốt đời.

Ngay từ buổi học đầu tiên, cô đã làm chúng tôi hết sức chú ý, khi cô hỏi xem chúng tôi có những con vật nuôi gì được chúng tôi cưng. Phần lớn đưa nào cũng có một con chó, một con mèo, một con hoàng yến hoặc một chú ngựa nhỏ. Riêng tôi là đưa duy nhất trong lớp lại có một con gấu trúc. Nhiều con vật nuôi của chúng tôi đã được cô bảo đem tới lớp vào những ngày khác nhau trong giờ sinh vật học.

Cô bảo thằng Babcock đem tới trường con chó Fox bé nhỏ, bảo những đưa khác đem tới trường con cá vàng, con vẹt, và một con sóc được thuần dưỡng. Nhưng Rascal và tôi có vinh dự được mời đầu tiên.

Sau buổi học, tôi nán lại một chút để nói với cô Wallen về con gấu trúc của tôi, và nêu ra với cô một câu hỏi làm tôi trong một thời gian dài lẩn bấn mãi.

- Thưa cô, có khi nào những con gấu trúc, lại trở thành người được không ạ?

– Tôi hỏi cô, lòng đầy hy vọng.

- Chà, Sterling, em có ý nghĩ kỳ lạ thật đó!

- Houton, ở cạnh nhà em, chú ấy nghiên cứu nhân chủng học. Và chú đề ra lý thuyết *hai bàn tay* là thầy dạy học cho *bộ não*.
- Có thể - Cô giáo tôi nói và ngẫm nghĩ - rất có thể như vậy.
- Chú ấy còn cho rằng, do tổ tiên chúng ta, giống khỉ, đã đứng thẳng được, đã dùng đôi bàn tay và đã tạo ra những công cụ đơn giản, vì thế đã làm cho bộ não phát triển.
- Đó là một tư tưởng rất hấp dẫn – Cô giáo tôi nói.
- Thế đó, con gấu trúc của em luôn sử dụng đôi bàn tay và mỗi ngày một thành thạo. Vì vậy, trong vòng một trăm triệu năm nữa chẳng hạn, rất có thể loài gấu trúc sẽ phát triển thành một thứ gì đó giống như con người ta chứ?
- Những chuyện kỳ lạ đã từng xảy ra – Cô nói – Cô rất mong được xem con gấu trúc thông minh của em.

Cô mỉm cười với tôi thật hiền dịu, mà chẳng cười phá lên nhạo tôi và cũng không cho câu hỏi của tôi là ngờ nghệch. Tôi ra về với ý nghĩ: cô Wallen quả là con người đặc biệt.

Buổi sáng, cái bữa Rascal được mời tới trường, tôi chải lông cho nó thật cẩn thận cho tới khi màu lông đen sậm trên mình nó bóng láng lên và bộ lông đen xám trước ngực nó nằm ra tựa như lông cừu non. Tôi dùng nước bạc đánh bóng biển khắc tên nó, và dùng xà bông giặt yên cương để rửa sạch cái cổ dề và dây giữ mảnh dề. Dầu sao thì đây cũng là ngày đầu tiên Rascal tới trường, và tôi những mong nó gây được ấn tượng tốt đẹp nhiều nhất.

May mắn sao, giờ sinh vật học lại là giờ đầu tiên buổi sáng đó, nên chúng tôi cũng không phải chờ đợi lâu la gì.

Hành vi của Rascal, có thể nói là xuất sắc. Sạch sẽ, chải chuốt, linh hoạt và lễ phép, nó ngồi trên bàn của cô Wallen, tưởng chừng như nó đã sống gần hết cả cuộc đời ngắn ngủi của nó để dạy các giờ sinh vật vậy. Nó dò xét cái chặn giấy bằng thủy tinh của cô giáo (cái chặn giấy này, khi lắc lên thì tạo

ra một trận bão tuyết trên một cái làng nho nhỏ), và nó xem xét một cách thú vị cái quả cầu thủy tinh bé con đó.

- Như các em thấy đó – Cô Wallen bắt đầu - giống gấu trúc có tính tò mò. Sau đó cô ghi lên bảng: *Gấu trúc* - gốc từ một tiếng thổ dân da đỏ có nghĩa là “ kẻ hay gãi ”

Stihnen giơ tay và nói luôn:

- Nó gãi vì nó có rận phải không ạ?

Câu hỏi này gây ra một trận cười, và cô giáo phải giữ trật tự liền.

Tôi giơ tay lên và được phép nói:

- Thưa cô Wallen, con Rascal sạch sẽ vô cùng ạ. Hằng ngày nó đều đi bơi và cả đời nó chưa hề có một con rận ạ.

- Theo ý cô – Cô giáo nói - người da đỏ muốn nói giống gấu trúc gãi, cào, đào bới để kiểm trứng rùa và những thức ăn khác dọc bờ biển. Đôi khi nó cũng đào để bắt giun đất nữa.

Thằng Stihnen quắc mắt lên và ngồi phịch xuống ghế.

- Các em có thấy con gấu trúc này giống loài vật nào khác? – Cô giáo hỏi.

- Nó giống một con gấu nhỏ - Thằng Babcock nói.

- Em nói đúng, Babcock – Cô đáp – Nó là anh em họ của gấu và đôi khi được gọi là “ gấu rửa ráy ”, bởi vì nó rửa ráy mọi thức nó ăn như các em sẽ thấy đây.

Cô lấy một viên phấn và viết lên bảng: *Procyon lotor*. Tên khoa học bằng tiếng Latin của gấu trúc. Nghĩa của *Lotor* là “ người rửa ráy ”

Tôi thấy thích thú vì cô Wallen đã cho chúng tôi biết một đôi điều hấp dẫn, mà thậm chí chính tôi cũng không biết về Rascal. Rồi cô đem ra một cái xoong tráng men nông của phòng thí nghiệm trong đó không chỉ có nước mà có cả một con tôm nữa, thế mới lạ chứ. Và cô đặt trước mặt Rascal vẫn ở trên bàn của cô.

- Bây giờ các em hãy xem Rascal sẽ làm những gì.

Rascal giống hệt như anh hề nhỏ kỳ khôi, nó vẫn thường như thế, nhìn đảo quanh lớp học và nhìn ra phía cửa sổ, rồi run rẩy khua hai tay vào trong cái xoong nông choén. Nó biết rõ con tôm nằm ở chỗ nào, nhưng nó vẫn còn đang khoe khoang tí chút. Đột nhiên, toàn thân nó cứng lại một chút, và hai giây sau, con mồi đã được nó tóm chặt và được nó trân trọng rửa rảy trước khi vào tiệc.

Lúc đó cả lớp đều sung sướng như Rascal và gần như tất cả mọi người đều vỗ tay.

- Gấu trúc là giống ăn tạp – Cô nói và ghi từ đó lên bảng – Nghĩa là gần như nó có thể ăn mọi thứ. Nó sống từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương, và từ miền nam Canada sang Mehico. Mỗi lứa sinh, gấu trúc có thể đẻ từ hai tới sáu con con, và đẻ ở một thân cây rỗng. Những con gấu trúc con đó rất giống mẹ, chúng theo mẹ để mẹ dạy cho cách bắt cá ở dưới đầm ao. Đó là những con vật hiền hoà nếu không bị tiến công, nhưng nó có thể giết chết một con chó nếu bị dồn vào thế bí.

Cô bảo tôi kể vài điều ngắn gọn về những điều tôi hiểu biết được qua con gấu trúc của mình, và tôi đứng trước cả lớp vừa nói vừa ve vuốt Rascal. Tôi nghĩ cả lớp đều chăm chú tới hai chúng tôi, trừ thằng Stihnen ra, nhất là khi Rascal leo lên vai tôi và bắt đầu nghịch vớ vẩn cái tai tôi.

- Đôi khi, tôi còn cho nó ngủ cùng giường nữa – Tôi thú nhận – Đó là một con vật nuôi kỳ thú.

Sau đó thì đứa nào cũng muốn được sờ nó một cái. Thế là từng đứa bạn học của tôi đi tới và ve vuốt nó, một vài đứa con gái có vẻ hơi sờ sợ một chút.

Thằng Stihnen đi cuối hàng, dáng đi thông thọt, mắt gian xảo và cười nhả nhổ giễu cợt. Tôi đoán có chuyện gì xảy ra, nhưng hơi muộn. Đúng lúc nó tới bên con gấu trúc, Stihnen rút một chiếc roi bằng cao su to tướng ra và vụt

vào mặt con Rascal.

Trước đây rất ít khi tôi nghe thấy con Rascal gào lên điên giân như thế. Lần này quả là một cơn cuồng nộ thật sự - một tiếng hét chiến đấu cho tới chết và chỉ trong một thoáng Rascal đã ngoạm hàm răng nhọn sắc vào bàn tay to mập của Stihnen....

Thằng Stihnen gào lên đến nỗi đứng trong phòng hội đồng cũng nghe thấy.

Nó nhảy chồm chồm, tay run lên, miệng gào:

- Gấu điên! Gấu điên! Phải bắn bỏ nó đi, gấu điên!

Giọng nói của cô Wallen lạnh lùng và nghiêm:

- Stihnen, mọi người trong phòng này đã nhìn rõ em làm gì. Nếu em cho rằng đây là con gấu trúc bị bệnh dại, thì em không cần một sự trừng phạt nào khác nữa, ngoài việc em được mình thử xem thật sự bệnh dại là như thế nào. Đây, em hãy xoa iốt vào chỗ vết cắn. Giờ học đã hết. Còn Sterling, em có thể ở lại một chút được chứ?

Tôi không biết cô sẽ còn quyết định điều gì, nhưng tôi thấy sự trừng phạt của cô với thằng Stihnen thế là quá đủ nghiêm rồi. Cô nói:

- Cô rất tiếc, nhưng trong tình hình này, em sẽ phải nhốt con gấu trúc của em vào chuồng suốt ngày đêm trong mười bốn ngày liền. Nếu nó có hiện tượng bệnh dại thì chúng ta còn có đủ thời giờ chữa chạy cho Stihnen.

- Nhưng thưa cô, nó không dại – Tôi cãi lại – Cô đã thấy rồi đó ạ. Chỉ vì bạn...

- Chắc chắn là cô có thấy. Và cô tin chắc đó là con thú hoàn toàn lành mạnh. Nhưng chúng ta cứ phải đề phòng.

Cô im lặng một lát. Khi cô quay lại với tôi, nét mặt cô đã thay đổi, và cô nói một cách bình thản:

- Rascal, là một con vật nuôi kỳ diệu. Cám ơn em đã đem nó tới lớp và cám ơn báo cáo miệng rất hay của em nữa.

Cô vỗ về Rascal và nói thêm:

- Tốt hơn hết là em hãy đem nó về nhà và nhốt vào lồng, Sterling ạ. Cô sẽ nói với các thầy cô khác lý do em vắng mặt từ giờ cho tới hết buổi chiều.

Trong khi tôi đạp xe về nhà với con Rascal trong giỏ treo ở xe, nó đã hoàn toàn quên mất trận chiến vừa xảy ra rồi. Và cái ngày đầu tiên hai chúng tôi cùng chui vào chuồng để chịu hình phạt, hai tuần lễ là một ngày thu trong trẻo, nhẹ nhõm... Tôi có một ý nghĩ điên rồ và triu mến thế này: nếu phải giam Rascal lại, thì cũng phải giam cả tôi với nó.

Chúng tôi ngồi ăn những quả hồ đào vỏ mềm, ước mong rằng sẽ được ngồi như thế này mãi mãi bên nhau, cùng chia xẻ những bữa ăn bên nhau.

Thật chẳng may là thằng Stihnen lại không chết vì bệnh dại. Mà thực ra thì những vết răng cắn vào tay nó đã lành rất nhanh. Thế nhưng hình phạt với Rascal và với tôi thì vẫn còn kéo dài. Chúng tôi trở thành những bạn tù trong rất nhiều giờ mỗi ngày theo khả năng tôi có thể tới được với nó.

Rascal xem chừng bắt đầu đẩy người ra để chuẩn bị cho mùa đông tới. Tôi cho nó ăn bất kỳ thức gì nó thích, và vì thế mà tuy phải sống giam trong chuồng, chúng tôi chẳng đến nỗi khổ sở cho lắm.

Vào ngày bị giam thứ mười bốn, khi thấy nó không biểu hiện bất kỳ dấu hiệu bệnh dại nào, tôi bèn mở chuồng, và hai chúng tôi lao ra với cuộc sống ngày thu. Chúng tôi đi bộ ngược lên phố và quành xuống con đường mòn thôn dã, đi vào thế giới rực màu vàng đỏ của mùa thu. Đó là một ngày trong mùa thu hái của người da đỏ. Những đồng lúa mạch bù xù, nhạt màu như những tấm lều bằng da hoẵng, mọc lô nhô in trên nền cong cong của bầu trời xanh mênh mông, và những cây gỗ thích như bốc lửa trên chòm.

Đi ngang qua vườn quả của Baden, chúng tôi nhặt vài trái táo. Rồi đi dọc tiếp theo con đường mòn hai bên là những hàng rào đầy trái cây dại, Rascal đã nhuộm cho mõm nó thành màu nâu sậm vì ăn nhiều trái quá.

Cứ mỗi lần thu tới, lại phải xem xét những cây hồ đào và cây óc chó định lấy quả, và phải ước lượng số lượng chuột xạ sống trong những vùng bùn và ao có hy vọng bắt được. Đó là một thú vui chơi tôi thường cùng làm với thằng bạn Dinisen. Vì Dinisen không có nhà, nên Rascal cùng tôi đi làm công việc khảo sát trước với nhau.

Đến bên bờ một vũng nước lớn có thể bơi qua được, chúng tôi buồn rầu nhìn thấy một cây óc chó lớn bị chặt cụt, trước đó là một cây khổng lồ, và chỉ mấy tháng trước nó còn đứng sừng sững ở đó. Tôi thường vẫn ngồi nghỉ chân dưới bóng cây to lớn đó mỗi lần thu tới, và hai tay thường sạm nâu đi vì nhuộm màu vỏ quả óc chó. Chính nơi đây tôi đã bắt được một con bướm thuộc loại Ốc chó Hoàng tộc để đưa vào bộ sưu tập. Giờ đây cái cây to lớn đó, cùng nhiều cây óc chó khác vào mùa này đã bị hạ để làm báng súng. Tôi tìm được một viên đá phẳng trong đầm nước, và bằng những chữ to tướng giận dữ, tôi viết lên thân cây cụt: NGUYỄN RUA KẼ NÀO CHẶT CÂY NÀY.

Ấy thế nhưng, càng lang thang theo những đầm những ao lên mạn Bắc, dần dần tôi đã quên nỗi giận dữ đi. Chưa từng khi nào tôi được nhìn thấy nhiều ổ chuột xạ mới đến thế - những đồng lau xây xếp thành hình chóp, với những lõi vào chui dưới nước, tạo thành những ngôi nhà thực sự cho giống gặm nhấm vô hại với bộ lông kỳ thú ấy. Tôi đã từng nuôi nhiều chuột xạ nhỏ và thả chúng ra. Tôi chưa khi nào dám giết hoặc lột da những con chuột xạ do chính tay tôi nuôi dưỡng. Rascal cùng tôi ngồi im lặng bên bờ một cái đầm đang có vài con vịt trời bơi qua bơi lại và ria lông ria cánh. Chiều bắt đầu xuống, những con chuột xạ bình thản đi tới những căn nhà làm dờ, và chúng bắt đầu vặt những bông lau, ngậm vào miệng để tha xuống làn nước bằng lặng, xây nốt những ngôi nhà cho cao thêm.

Đầy hạnh phúc, chúng tôi lang thang trở về thành phố trong bụi, trong màu sắc vàng đỏ của những cây thích cắm lặng trong ánh sáng đang tắt dần.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Những con dơi của ông Atkinson

LEO PITRANS.

Nhà văn Mỹ.

Người ta nói rằng ông ấy cho dơi ở trên gian xếp tầng thượng, nhưng thế là nói sai. Ông ấy cho dơi ở ngay trong phòng ngủ.

Hồi tưởng xa xưa của tôi về ông Atkinson là một con người thấp lùn, dữ tợn, gân guốc, khoảng năm chục tuổi, một con người trầm tĩnh mang kính nặng, sinh sống trên một nông trại gần ba chục hécta đầm lầy mà không một trại chủ khôn ngoan nào chịu nhận nếu có người cho. Thế nhưng đó không phải là bề ngoài khác thường của ông Atkinson đã khiến cho từng đứa trong lứa tuổi tôi đều hiểu ông thật rõ. Đó chỉ là những lời đồn đại hấp dẫn xung quanh con người ông. Bởi vì người ta nói rằng ông Atkinson ăn ếch và ăn châu chấu, rằng trên nền gian lều ông ở đầy những rắn và trên gian xếp tầng thượng của ông thì đầy những dơi.

Giờ đây tôi không muốn chối cãi rằng, cũng như các bạn mình, tôi đã từng vô cùng hấp dẫn vì một con người có quan hệ chặt chẽ với ma quái, nhưng nghĩ lại cho kỹ tôi thấy mình hoàn toàn bị ám ảnh vì cảnh cô độc tuyệt đối của ông ta, không còn có gì kinh hoàng hơn cảnh một người sống đơn độc và huyền bí.

Tôi nghĩ rằng hành động thô lỗ từ xưa của con trẻ đối với người sống cô độc như vậy có nguồn gốc từ sự kinh hoàng như thế: trẻ con chúng tôi rất muốn thực hiện với ông Atkinson những điều bậy bạ như đập gõ cửa sổ, hoặc chen cửa ra vào ban đêm, hoặc làm tắc ống lò sưởi, hoặc trăm thứ trò chơi khăm khác mà một cậu bé bình thường đều biết.

Thế nhưng chưa một ai trong chúng tôi từng thử trêu ông Atkinson theo cách như vậy. Và cho dù chúng tôi không lý giải được đằng hoàng, riêng tôi ngày nay đã hiểu rõ. Đó chỉ là vì chẳng đứa nào trong chúng tôi có thể đoán trước ông Atkinson sẽ phản ứng ra sao. Ví thử chúng tôi mà biết được ông có thể làm gì thì sự tình khác hẳn. Và chúng tôi đã giữ hoà khí với ông Atkinson theo cách chúng tôi đối đãi với một ông thầy lúc nào cũng khó hiểu.

Thế rồi đã xảy ra tới cái ngày đáng ghi nhớ: chúng tôi giáp mặt với ông Atkinson mà chẳng có một ai bảo vệ chúng tôi, khi chúng tôi lại đang xâm phạm vào dinh cơ của ông! Chúng tôi có cả thầy bốn đứa vào sáng thứ bảy đó, và một đứa trong bọn đã có cơ may đáng ngờ vớ được một khẩu súng săn của ông anh to đầu mà lắm cảm. Được trang bị bằng thứ vũ khí kích động diệu kỳ đó và vô số đạn ăn trộm được, chúng tôi lại kéo nhau đi săn quạ.

Và cái địa điểm duy nhất để cho lòng dũng cảm của chúng tôi, có được con phiêu lưu vào sáng hôm đó chính là nơi bãi lầy của ông Atkinson. Kệ cho ông già điên điên khùng khùng đã treo kín mọi nơi những tấm biển “Cấm săn bắn”. Ở đó chẳng có chỗ nào kín mà lẩn. Nhưng chúng tôi cứ nghĩ rằng ông Atkinson đâu có dám xua đuổi chúng tôi.

Nhưng ông Atkinson đã vớ được chúng tôi, trước khi chúng tôi nổ phát súng đầu tiên. Một phút trước đó chúng tôi còn tụ tập bên những đám cây, ranh ma và không biết sợ là gì, một phút sau đã thấy ông Atkinson đứng ngay trước mặt và nhìn chúng tôi với vẻ nhạo báng.

Tôi nhớ lại và tôi thấy hình như mom ông còn bé nhỏ hơn nhiều so với những lần trước đây, tôi nhìn thấy ông từ một khoảng cách an toàn. Song cũng có một cái gì đó ở con người ông, khiến chúng tôi cũng cảm thấy vô cùng bé nhỏ.

- Chào các cậu! – Ông nói giọng đều đều – Có thú vị không?

Chúng tôi nhìn nhau sốt ruột.

- Chúng cháu...chúng cháu đang đi tìm nắm ạ - Một trong những cậu dừng cảm nhất của chúng tôi giải thích cho ông.

Cái cách ông Atkinson nheo nheo mắt một cách kỳ cục sau đôi mắt kính nom như mắt cú có thể là một cách ông định mỉm cười. Nhưng rồi sau đó rất có thể chẳng phải là cười tí nào.

- Tôi chưa khi nào bắn một cái nắm – Ông nói – Làm cách nào các cậu lại bắn nắm được nhỉ?

Không đứa nào trong chúng tôi dám trả lời.

- Có thể là các cậu không hiểu vì sao tôi lại không cho phép săn bắn ở bãi lầy này – Ông nói tiếp – Tôi sẽ nói cho các cậu hay vì sao. Bãi lầy này là cuộc sống của tôi, các cậu ạ. Cha các cậu đều có những nông trại và đất đai đẹp để trồng lúa mạch và trồng cỏ. Tôi thì chỉ có được một mảnh bãi lầy mà ai chẳng muốn có cả, và tôi chỉ có vậy thôi. Và mảnh đất lầy đó phải nuôi sống tôi. Tôi cũng phải ăn chứ, các cậu hiểu cho...

Nhìn cái cổ lộ hầu xương xương, khô khô của ông nhô ra khỏi cổ, tôi nghĩ rằng ông ăn chẳng nhiều nhận gì.

Lúc đó chúng tôi có nói lại điều gì không, tôi không nhớ nổi nữa. Chúng tôi đã hoàn toàn bị ông chinh phục rồi.

- Cậu bắn cái gì vậy hử? – Ông hỏi thẳng mang súng.

- Quạ, chỉ bắn quạ thôi ạ. Không bắn gì khác.

- Tôi yêu quạ - Ông nói – Nhưng tôi biết đôi khi quạ cũng làm ta khó chịu.

Cũng như các cậu vậy thôi. Nhưng tôi yêu chúng. Và dĩ nhiên tôi cũng yêu hầu như mọi thứ gì sống trên vùng đầm lầy của tôi. Rất có thể là tôi hiểu rõ chúng. Tôi cho rằng thật khó mà ghét được những gì ta hiểu rõ. Thậm chí tôi cũng có thể yêu cả các cậu bé mang súng nữa, nếu như tôi có thể hiểu rõ các cậu đó.

Chúng tôi bắt đầu cười mỉm, nhưng ông Atkinson thì không. Vì thế chúng tôi lại thấy lo lo.

- Các cậu thấy đó, khu bãi lầy này là khu nhà của tôi. Phần lớn thời gian tôi sống ở đây. Gần như là tôi biết rõ từng cái cây và từng cành cây đang lớn. Liệu các cậu có thích ai đó tới bắn súng vào nhà các cậu không? Đúng thế đó thưa các cậu: đây là nhà tôi và công việc của tôi. Đây là nơi tôi phải tạo ra cuộc sống cho tôi để tôi có cái ăn.

Có đứa nào đó không chịu được sự căng thẳng đặc biệt lâu hơn nữa, đã nói:

- Thưa ông Atkinson, người ta nói là ông bắt ếch và ăn ếch. Tôi không tin. Nhưng có đúng thế không?

Ông Atkinson nhìn vào thằng bé vừa hỏi một lát có vẻ hơi lâu. Sau đó ông gỡ kính ra, lau kính, rồi lại nhìn. Cuối cùng ông nói:

- Có lẽ tôi nên mời các cậu vào nhà ăn với tôi.

Lúc này chúng tôi còn hơn là sợ hãi. Chúng tôi thấy kinh hoàng. Tôi nghĩ là chúng tôi kinh hoàng thật vì ông đã nói những lời đó theo một cách nói mà chúng tôi không dám chối từ. Có thể là do đôi mắt ông đã khiến chúng tôi cảm thấy như vậy.

- Thưa ông, chúng cháu không dám, mẹ chúng cháu...Thưa không ạ. Chúng cháu không dám...

Nhưng chúng tôi vẫn đi theo ông.

Đến trước gian lều nhỏ và sạch sẽ, chúng tôi đứng đực ra không đi được nữa.

- Đi đi, các cậu vào đi! Vào đi!

- Có đúng là nền nhà ông nhiều răn lắm, thưa ông Atkinson?

- Chúng không cần đâu. Vào đi, chú ý bậc lên.

Ông Atkinson nói với chúng tôi rằng mỗi lần ông chỉ cho phép một con răn ra ngoài nhà mà thôi. Chúng tôi đều đinh ninh rằng đã nhìn thấy con răn đó trước khi vào nhà, một con răn khổng lồ với cặp mắt quý dữ. Thế là chúng tôi đùn nhau, càng đứng xa càng tốt.

- Tôi sẽ làm món bột bánh rán cho các cậu ăn – không lâu la gì đâu. Mà các cậu có thích ăn đậu không? Tôi ăn đậu đấy.

Khi cái lạnh lẽo của bước đầu va chạm đã tan đi, một lần nữa chúng tôi lại thấy hấp dẫn vì mưu đồ liêu lĩnh sớm nay. Quả thực là một cuộc phiêu lưu! Có lẽ chúng tôi là những kẻ đầu tiên đã có gan thâm nhập vào hòn đảo bí mật này, và chúng tôi vẫn còn sống sót!

Trong lúc ông Atkinson trút lọ đậu và trút cả hộp to tướng bột nhào màu vàng vào chảo, chúng tôi ngấm nhìn căn nhà. Trong đời chúng tôi chưa từng khi nào thấy chuyện gì lạ kỳ đến thế. Trong một cái khay nông to, hết như cái khay lúc nãy đang đựng bánh bột rán, có mấy con kỳ nhông còn sống đang chạy đi chạy lại dưới một tấm màn chắn. Trong một cái khay khác sâu hơn, hơn chục con tôm đồng trăn trăn mắt nhìn chúng tôi. Ở một cái giá bên trên là những tổ chim với đủ mọi loài chim, trong đó có những con đang ấp. Chúng tôi cũng thấy một cái kính hiển vi nữa, trên đó treo những bó cây thân thảo.

Và đúng là cũng có cả ếch cùng châu chấu! Nhưng chúng không còn sống. Chúng được đựng trong các lọ kín, nổi lập lờ trong một thứ nước coi bộ khá ghê tởm.

- Không đâu các cậu ạ, tôi không ăn ếch đâu – Ông Atkinson vừa nói vừa cời lửa – Tôi bắt chúng cho các phòng thí nghiệm và trường học. Trước khi

chúng ta hiểu được sự sống trong bản thân ta, cần thiết phải nghiên cứu sự sống của các loài động vật khác chứ. Như các con ếch và châu chấu và mọi thứ khác các cậu nhìn thấy ở đây. Và phải có một ai đó đi lấy các mẫu như thế này để gửi cho các thầy giáo chứ?

Trong phòng đột nhiên ấm áp hơn lên. Chúng tôi bắt đầu mỉm cười với nhau, và sau đó phá lên cười thoải mái. Bánh bột rán bắt đầu bốc mùi ngon lành và cả món hạt đậu cũng thế.

- Rất có thể một ngày nào đó các cậu lên trung học và đại học, các cậu sẽ được học một số mẫu của tôi vào một dịp nào đó. Tôi thì chẳng từng được học nhiều.

Chúng tôi gỡ tấm màn che những con kỳ nhông để nhìn cho rõ hơn.

- Nhưng thưa ông Atkinson, còn những con dơi đâu ạ? Người ta bảo là ông cũng có cả dơi nữa.

Ông Atkinson rút một cọng rom ra khỏi cái chổi và thử tấm bánh bột rán.

- Có, tôi thường có dơi ở đây – Ông nói – Nhưng bây giờ tôi để chúng trong một phòng ngủ không dùng tới. Đi, tôi sẽ cho các cậu coi.

Thế rồi ông cho chúng tôi coi một căn phòng có dơi ở. Có tới một nửa tá, có khi hơn ấy chứ. Chúng tôi không muốn đứng lâu mà đếm. Một đứa trong bọn chúng tôi thì thầm:

- Quả thật ông ấy cũng say mê với công việc của mình thật!

Ông Atkinson nói:

- Tôi chưa từng gửi con dơi nào cho các phòng thí nghiệm. Tôi tự nghiên cứu chúng. Có thấy các sợi dây thép chứ?

Chúng tôi nhìn thấy các con dơi và như thế là quá đủ rồi. Chúng tôi đều muốn ra khỏi căn phòng này. Những con dơi coi thật xấu xí gớm ghiếc.

- Không, không, chớ đi! Chúng không cắn các cậu đâu! – Ông Atkinson không cho chúng tôi rút lui – Các cậu có nhận ra những sợi dây thép không?

- Có đúng là dơi mù mắt không, thưa ông Atkinson?

Ông Atkinson gỡ kính ra và lại lau mắt kính.

- Đúng thế - Ông nói với một vẻ lạ lùng – Hình như chúng hoàn toàn mù, thế nhưng, xem đây, hãy xem lúc chúng đang bay đi. Hãy xem vì sao chúng không một lần nào, chúng không hề chạm vào một sợi dây thép nào. Và trong phòng thì đầy dây thép. Những sợi dây nhỏ căng trong đàn Piano, thấy không?

- Thế nhưng, tại sao chúng không chạm vào các sợi dây, thưa ông Atkinson?

Ông chủ nhà cẩn thận đóng cửa buồng nhốt dơi lại, và quay về nhà bếp.

- Đó là một chuyện tôi muốn cho mọi người biết – Ông nói – Đó là điều tôi đang nghiên cứu, khi mắt tôi còn chút khả năng để nhìn.

Lúc này bánh bột rán đã chín, những hạt đậu nở phồng. Nhưng chúng tôi chẳng để ý tới chúng. Giờ đây chúng tôi đều nhìn vào đôi mắt ông Atkinson, và tự hỏi, cũng như mỗi ngày ông Atkinson cũng hẳn tự hỏi, xem đôi mắt kia còn sáng được bao lâu nữa để ông tiếp tục cuộc đời đẹp đẽ trong vùng đồng lầy kỳ diệu của ông?

Chiếc bánh bột rán đó là chiếc bánh ngon nhất hạng chúng tôi chưa từng nếm thử, và không một ai e ngại liệu cái khay đựng bánh ấy có phải chính là cái khay đã từng đựng mấy con kỳ nhông hay không?

- Thỉnh thoảng chúng cháu quay trở lại đây có được không ông Atkinson? –

Chúng tôi hỏi ông khi từ biệt ra về - Liệu thứ bảy tới chúng cháu có thể tới đây giúp ông tìm các thứ cho phòng thí nghiệm được không?

Ông Atkinson nói rằng được.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Người bạn mang bộ lông chim

ARTHUR C.CLARK.

Nhà văn Mỹ.

Cứ như những điều tôi từng biết thì chưa hề có một quy định nào cấm đem theo vào trạm vũ trụ những con vật nuôi mà mình ưa thích. Cũng chẳng ai nghĩ rằng những quy định như vậy là cần thiết cả - và chẳng nếu như có một quy định ấy thì chắc hẳn là Sven Olsen cũng không được biết.

Với một người có cái tên như vậy, hẳn bạn phải hình dung Sven ít ra là một người khổng lồ phương Bắc cao hai mét, thân hình như một con bò tót và tiếng nói oang oang như lệnh vỡ. Nếu đúng là như vậy thì anh ta đã chẳng có mấy cơ may xin một công việc làm trên một trạm nghiên cứu vũ trụ.

Thực ra là con người anh nhỏ thó, cũng hết như những nhà du hành vũ trụ đầu tiên, cân nặng khoảng sáu chục ký là cái trọng lượng khiến nhiều người trong chúng ta phải nhịn ăn ấy chứ.

Sven là một trong những thợ xây dựng tốt nhất của chúng tôi, biệt tài trong việc lắp ráp chuyên môn hoá và rắc rối các thứ vật liệu đang rơi tự do, làm cho chúng tham gia vào một vũ điệu chậm trong không gian ba chiều và đưa chúng nó vào nằm đúng vị trí đã định, kết cấu chúng lại theo đúng thiết kế; đó là một công việc đòi hỏi khéo tay và khó khăn vì người thợ trong bộ quần áo du hành vũ trụ thật chẳng có chút thoải mái mấy tí. Thế nhưng đội lao

động của Sven lại có lợi thế lớn hơn hẳn những đội xây dựng khác, như ta từng thấy họ làm những ngôi nhà chọc trời dưới đất. Bọn Sven có thể lui lại và ngắm nghía công việc họ vừa hoàn thành mà không lo bị rơi đột ngột vì nguyên lý trọng lực...

Xin bạn chờ hỏi tôi vì sao Sven lại thích có một con vật nuôi hoặc vì sao anh ta lại chọn chính con vật nuôi ấy. Tôi không phải là một nhà tâm lý học, nhưng tôi phải thừa nhận rằng, việc Sven chọn lựa thực quả là đáng chú ý. Con Clariben nặng chẳng đáng bao nhiêu, việc ăn uống của nó cũng thế, tí chút thôi, và không như phần lớn con vật khác, Clariben không lúng túng mấy vì chuyện sống ở nơi không có trọng lượng.

Lần đầu tiên tôi biết có con Clariben trên trạm vũ trụ là lúc tôi đang ngồi trong một xó kín đáo, thường vẫn được gọi chơi là văn phòng, và tôi đang soát xét các danh mục mặt hàng kỹ thuật để xem sắp cần tới thứ gì. Bỗng dưng, tôi nghe thấy một tiếng nhạc chíp chiu riu rít ngay bên tai, tôi liền nghĩ ngay rằng đó là tiếng gọi từ trạm liên lạc nội bộ, và tôi ngóng chờ xem chuyện gì. Nhưng không phải. Liền đó vang lên cả một khúc nhạc khiến tôi giật thót mình và va đầu phải cái xà ngay phía trên. Sau khi mắt đã hết nổ đom đóm, thì tôi liền trông thấy Clariben.

Đó là một con chim hoàng yến nhỏ, đang bay lơ lửng bất động trong không gian chẳng khác gì một con chim ruồi, và nó bay không cần chút nỗ lực gì bởi vì cánh nó vẫn không cần gì phải xoè ra đập vỗ. Hai chúng tôi nhìn nhau một thoáng. Sau đó, trước khi tôi hoảng hồn, con chim nhỏ đã bay lui một cách rất kỳ mà tôi không nghĩ rằng không một con hoàng yến nào trên mặt đất có thể làm nổi, sau đó bay đi nhẹ nhàng vô cùng. Hoàn toàn rõ ràng là nó đã biết cách hoạt động trong tình trạng không trọng lực và biết cách không làm những động tác thừa.

Sven không cho ai biết việc anh có con chim cả, và vào thời gian ấy chuyện

đó cũng chẳng có gì quan trọng lắm, vì Clariben cũng chỉ là một con chim như mọi con chim mà thôi. Anh đã lên đem một con chim theo, một phần là vì, theo lời anh nói, anh muốn xem xét về mặt khoa học. Anh muốn thử xem một con chim sẽ hoạt động ra sao khi nó không có chút trọng lượng nào nhưng vẫn có đôi cánh đó.

Clariben lớn nhanh và mập ra. Nói chung chúng tôi chẳng có gì lo lắng cho vị khách bé nhỏ này, trừ phi có một nhân vật quan trọng từ mặt đất tới thăm trạm. Khi ấy một trạm vũ trụ cũng có nhiều chỗ trốn chứ đừng có tưởng. Chỉ có mỗi một vấn đề là Clariben hơi làm ồn khi nó bị xua đuổi đi như vậy, và chúng tôi phải giải thích ngay cho khách về như tiếng chiêm chiếp và riu rít, bảo đó là tiếng quạt gió ở bên kia vách ngăn hoặc đường thông nào đó. Trên trạm vẫn có hai ba chỗ trốn kín đáo; và chẳng có ai ngờ trên trạm vũ trụ lại có một con chim hoang yển?

Trên trạm, chúng tôi làm việc suốt hai mươi bốn giờ một ngày, việc đó cũng chẳng vất vả lắm như các bạn nghĩ, bởi vì trong vũ trụ, mọi người ít cần ngủ lắm. Do chỗ chẳng có “ngày” và “đêm” khi ta thường xuyên bay trong ánh mặt trời, nên ở đây cũng cần nói qua các khái niệm đó một chút. Hiển nhiên là khi tôi thức giấc vào “buổi sáng” thì hình như lúc đó là 6 giờ sáng dưới trái đất. Tôi thấy mình hơi nhức đầu một chút và mang máng nhớ tới những giấc mơ dở dang. Phải mất khỏi thời gian tôi mới tháo gỡ được các giây rợ giường ngủ, và vẫn còn mắt nhắm mắt mở tôi đã phải sang phòng ăn với các bạn. Bữa ăn sáng nay có vẻ yên lặng một cách khác thường và có một cái ghê ăn bỏ trống.

- Sven đâu nhỉ? – Tôi hỏi và chẳng để ý lắm vào điều mình hỏi.

- Nó đi xem con Clariben đâu – Có người trả lời – Nó nói không thấy con chim đâu hết. Thường thì con chim đánh thức nó dậy.

Trước khi tôi có dịp cãi là con chim cũng đánh thức cả tôi dậy nữa, thì đã

thấy Sven trở lại từ lối cửa sau, và chúng tôi đều thấy ngay có chuyện đó chẳng lành rồi. Sven, từ từ xoè bàn tay ra và trong đó có một dùm lông nhẹ tênh màu vàng với hai cẳng chân co quắp giơ lên trời một cách bí tráng.

- Có chuyện gì vậy? – Chúng tôi hỏi, và người nào người nấy đều lo lắng.

- Mình không rõ – Sven nói một cách buồn rầu - Chỉ thấy nó như vậy thôi.

- Đưa tôi coi – Jack Dulcal, bác sĩ phụ trách việc ăn uống của chúng tôi nói.

Tất cả chúng tôi đều im lặng chờ đợi trong khi bác sĩ cầm lấy Clariben để có nghe tiếng tim nó đập.

Và chúng tôi thấy anh lắc đầu.

- Không nghe thấy tim nó đập, nhưng như vậy cũng không chắc là nó chết.

Tôi chưa khi nào nghe thấy nói về tim con chim hoàng yến cả - Anh nói thêm như để thanh minh.

- Cho nó thở dưỡng khí đi! – Có một cậu nào đó gợi ý và lấy tay chỉ vào bình cái bình cấp cứu gắn băng xanh đặt cạnh cửa. Mọi người đều cho rằng đó là một ý kiến cực kỳ hay, và thế là Clariben liền được đặt vào trong chiếc mặt nạ đủ lớn để cho nó thở dưỡng khí.

Chúng tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy con chim sống lại. Mặt tươi rói, Sven gỡ cái mặt nạ cho con chim ra, và con chim đậu lại vào ngón tay cậu ta. Nó bắt đầu hát bài quen thuộc: “ *Đi ăn thôi các chàng trai* ” – và liền đó lại lẩn ra bất tỉnh.

- Mình không hiểu nữa – Sven than vãn – Không hiểu nó có chuyện gì vậy?

Trước đây có bao giờ nó như vậy đâu?

Chính vào lúc đó, trong đầu tôi chợt nhớ ra một điều gì đó. Vào buổi sáng hôm đó, trí óc tôi hình như uể oải, chậm chạp, như thể tôi còn muốn ngủ hoài, mãi vẫn chưa tỉnh hẳn. Tôi cảm thấy nếu được thở chút dưỡng khí kia thì sẽ tỉnh táo hơn, nhưng khi tôi sắp cầm lấy cái mặt nạ để thở, tôi chợt thấy loé trong đầu một điều gì đó. Tôi quay lại người kỹ sư trực nhật và nói

với anh vội vã:

- Jim này, trong không khí của trạm, hình như có chuyện gì đó không tốt đó. Chính vì thế mà Clariben đã chết. Tôi nhớ là thợ mỏ vẫn đem theo chim hoàng yến vào lò để báo động họ khi sắp có khí nổ.

- Chuyện vớ vẩn! – Jim nói - Có chuyện gì thì sẽ có tín hiệu báo động chứ! Chúng ta đã có thêm một đường dây báo động song hành nữa kia mà?

- Hừ...đường dây báo động thứ hai vẫn chưa nối xong - Người phụ tá của anh nhắc.

Điều nhắc nhở đó làm cho Jim hốt hoảng. Anh bỏ đi không nói một lời.

Trong khi đó chúng tôi đứng cãi lý với nhau và truyền tay nhau cái bình dưỡng khí một cách hữu hảo.

Mười phút sau Jim quay trở lại với bộ mặt của người có lỗi. Jim cho biết với tình trạng máy móc của chúng tôi hiện nay, tai nạn rất có thể có khả năng xảy ra; đêm trước chúng tôi bị “ nguyệt thực ”, một trường hợp nguyệt thực hiếm hoi do bóng quả đất che; vì thế là một phần máy lọc không khí đã bị lạnh lại, và hệ thống báo động duy nhất lại không hoạt động. Một nửa triệu đô la thiết bị hoá học và điện tử bỏ rơi chúng tôi hoàn toàn. Nếu không có Clariben, chúng tôi đã bị chết ngóm cả rồi.

Vì thế giờ đây, một khi bạn có điều kiện tới thăm một trạm không gian vũ trụ, bạn chớ ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng chim hót. Khi đó không có gì phải hoảng hốt gì hết: ngược lại là đằng khác. Điều đó có nghĩa là bạn đang được an toàn gấp hai lần, và không phải chi tiêu thêm một chút gì hết.

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Có một con chó tên là Benji

JUSTIN F.DINZEN.

Nhà văn Mỹ.

Trong căn nhà bếp lớn khu chăn nuôi đại gia súc của Mac Kenzi, Toni King đang cúi lom khom trên chiếc chậu rửa, đánh bóng những chiếc bình lớn bằng đồng thau cho tới lúc sáng loáng lên như những đồng xu mới. Những kẻ ăn người làm khác, những người dắt ngựa đi dạo và những người cưỡi ngựa tập cho chúng các nước chạy, đã ăn sáng xong và đều đi làm cả.

Bác Charlie Hunker, người đầu bếp, đang đứng bên chiếc thớt, vung con dao sáng loáng chặt thịt bê chuẩn bị bữa ăn trưa. Vừa chặt bác nhìn vào Toni và nói:

- Ông chủ muốn cậu lên nhà gặp ông ấy. Ông nói là cậu mang cả con Benji nữa đây.

Toni cố sức đoán thử xem ông Gormen có thể định làm gì con Benji? Một nụ cười từ từ hiện ra trên đôi môi con trẻ của cậu:

- Có lẽ ông chủ muốn dùng nó đi săn chằng?...

Charlie Hunker ngửa đầu ra cười oang oang:

- Cái túi da bọc xương ấy ư? Mất thì mù như một con dơi. Và cũng chẳng phân biệt nổi một con gấu với một gốc cây mục.

Toni cúi xuống nhìn con chó đang nằm dưới chân cậu ta. Benji là một con

chó để đánh hơi con mồi, màu lông nâu đậm và loăn xoăn. Mắt nó không nhìn thấy gì nữa rồi. Nhưng nó là bạn của Toni, đi đâu nó đều theo sát.

Toni đi về phía ngôi nhà lớn với con Benji sát gót, mặt trời tháng ba ấm nóng hứa hẹn một mùa xuân tới sớm. Những cây linh sam cao to phủ kín sườn núi kéo dài xuống tận khu đồng cỏ chăn nuôi.

Cả đời mình, Toni sống trong miền Caribou này, vùng chăn nuôi gia súc lớn tốt nhất nước Canada. Mồ côi từ sớm, Pop Mac Kenzi đã nhặt cậu về nuôi và nuôi nấng tại đây. Giờ đây cụ đã mất và mọi sự đều đã đổi thay. Ông Gormen, ông chủ mới, đã điều khiển trại với bàn tay sắt. Như Charlie Hunker đã từng nói:

- Đúng là ông ấy có vung roi lên, nhưng ông đã làm cho nơi đây trở thành có giá.

Ngôi nhà lớn bằng gỗ mộc nằm trên ngọn đồi dưới bóng những cây gạo. Nita, cô gái da đỏ, dẫn Toni vào cửa bên. Cô cúi xuống cười với cậu, hàm răng trắng bóng loá lên. Toni khi nào cũng thích Nita. Cô thường cho cậu những tảng bánh bột kiều mạch và xúc xích để ăn sáng. Thế nhưng những chuyện đó đã lùi xa vào dĩ vãng rồi.

Toni đứng đợi không thoải mái, hết chuyển đứng chân này lại đứng sang chân kia trong căn phòng khách rộng lớn. Toàn bộ khung cảnh này trước đây thật quá quen thuộc với cậu, và nơi đây có lúc là nơi cậu ở.

Nhìn qua khung cửa lớn như một bức tranh, cậu trông thấy ông Gormen lái một chiếc xe Jeep, trên xe có cả đứa con trai lên năm ôm chặt trong tay một con gấu xù lông đồ chơi.

Một mình ông Gormen vào nhà thôi. Đó là một người cao lớn, khuôn mặt đỏ

au vì năm này qua năm khác, phóng ngựa trước những ngọn gió quật vào.

- Tôi gọi cậu tới đây, Toni ạ, vì tôi muốn nói chuyện với cậu về con Benji.

Toni ngẩng đầu nhìn lên, trên mặt cậu hiện lên một vẻ khó hiểu.

- Benji là một con chó già rồi, Toni ạ - Ông Gormen nói tiếp – Nó đã mù và không đi đâu được nữa. Để cho một con vật già đến thế là không tốt cho nó. Vì như thế là không tự nhiên.

Toni nuốt nước bọt một cách khó nhọc. Cậu nói:

- Thừa ông Gormen, nuôi nó có tốn gì đâu, chỉ một chút mẩu thừa mảnh vụn sau bữa ăn. Nó cũng chẳng làm phiền gì.

- Nay, Toni, tôi là một người chủ trang trại gia súc lớn, và trước đó tôi là thú y sĩ. Cả đời tôi chỉ có công việc làm ăn gần gũi với thú vật thôi. Tôi biết rõ cậu nghĩ gì. Thế nhưng khi một con vật sống quá cái hạn có ích thì nó chỉ cản trở mà thôi. Cậu cần phải biết điều đó.

Toni cảm thấy một cục sợ quặn trong dạ dày mình. Cậu nói:

- Tôi xin hứa sẽ không để nó làm phiền ai.

Lời ông Gormen tỏ ra cứng rắn:

- Nay, Toni, tôi định nói với cậu là chúng ta phải khử con Benji đi.

Toni lắc đầu không tin:

- Ông nghĩ như vậy là tốt ạ?

Ông Gormen gật đầu:

- Đúng thế, Toni ạ, là tốt đấy.

Toni thật khó mà tin được vào tai mình nữa. ông Gormen định giết con Benji.

Mới một năm trước đây ông Gormen tiếp thu trang trại này, và Toni phải tới sống tại nhà ngủ tập trung của công nhân. Giờ đây ông ta lại muốn thả một người bạn duy nhất của cậu. Thật chẳng hay ho tốt đẹp tí nào.

Những giọt nước mắt dâng lên mắt Toni. Cậu quỳ gối xuống và đưa hai cánh tay ôm quàng lấy cổ con Benji.

- Rất có thể nó sẽ chết một ngày không xa...Thưa ông, có nên cố đợi khi đó chẳng?

Một nét đau đớn hiện qua bộ mặt ông Gormen, nhưng giọng nói của ông vẫn kiên quyết:

- Không được, Toni ạ. Tôi yêu cầu cậu và con Benji lên xe đi cùng tôi. Tôi đã chuẩn bị sẵn các thứ đây rồi. Xong việc, chúng ta sẽ tới khu nuôi chó.

Toni lẳng lặng đi ra cửa, một chút đắng cay dâng lên trong ngực cậu.

Trong lúc đi trên xe, ông Gormen cố tìm cách nói chuyện với Toni:

- Có một ổ chó lùn ở khu trại chó. Khi tới đó cậu có thể nhặt một con để mà nuôi riêng. Điều đó sẽ khiến cậu quên con Benji đi.

Toni nghe thấy ông ta nói, nhưng những lời lẽ đó chẳng có nghĩa gì với cậu hết. Cậu chẳng muốn quên Benji. Cậu muốn nhớ.

Cậu đã nghĩ tới việc bỏ nhào ra khỏi xe, mang theo con Benji và chạy trốn.

Nhưng liệu có bao nhiêu cơ may đi thoát? Suốt gần hai tiếng đồng hồ cậu luôn luôn sống dưới con mắt theo dõi của ông Gormen. Và chẳng làm gì bây giờ cũng là muộn.

Họ dừng lại trước khu trại chó và vào bên trong. Ông Gormen đặt con Benji lên trên một cái bàn. Ông xem xét răng con chó và nhìn vào đôi mắt trắng màu sữa của nó. Ông khẽ lắc đầu và lấy ra một cái ống tiêm to lớn và hút đầy một thứ nước không có màu sắc gì cả. Sau đó ông quay lại nói với Toni:

- Tốt nhất cậu ra ngoài kia chờ, chỉ một phút là xong xuôi thôi.

Lòng đau thắt, Toni lững thững bước ra ngoài. Cậu muốn quay lại và xin tha chết cho con Benji, nhưng cậu biết chắc là chẳng có ích gì.

Thốt nhiên, qua làn nước mắt nhoè trên mặt cậu nhìn thấy một người nào đó đang từ đỉnh đồi chạy xuống. Đó là Nita, cô gái da đỏ, với đôi bím tóc đen nhánh tung bay trong lúc cô ta chạy vội. Cô chạy ào qua Toni, thở chẳng ra hơi và nức nở lên tiếng gọi ông Gormen:

- David đi lạc mất rồi. Chúng cháu chẳng tìm thấy đâu.

Mấy giây sau, ông Gormen đã chạy ngược lên quả đồi cùng với Nita chạy sát gót.

Toni đi vào trong trại chó, những tưởng thấy Benji đã chết rồi. Nhưng Benji vẫn còn sống đó, đuôi ngoe nguẩy và thở khụt khịt. Bộ kim tiêm và ống tiêm vẫn đặt trên bàn chưa động chạm gì tới.

Tim Toni đập nhanh. Đây chính là cơ may mà cậu vẫn trông chờ từ lâu. Bọn họ đang mãi tìm thằng bé đi lạc. Họ sẽ chẳng khi nào nhận ra.

Toni đi ngang nhà ăn tập thể của công nhân đi lên phòng mình, vội vã ném vài thứ quần áo vào trong một chiếc ba lô. Cậu định ra đi thì chợt nghe thấy có tiếng bước chân ngay phía sau. Cậu quay lại và nhìn thấy Charlie Hunker đang đứng trên lối đi ra, hai cánh tay to lớn khoanh trước ngực.

- Đi đâu? – Bác ta hỏi.

Chẳng còn thì giờ để tìm cách lừa bất kỳ ai nữa. Toni đành nói thật:

- Cháu đi khỏi nơi đây.

Charlie Hunker gãi gãi bộ râu lởm chồm trên mặt:

- Thời tiết tồi tệ này mà lại đi?

- Nếu bác định nói về thằng bé David – Toni nói – thì thế nào họ cũng sẽ tìm ra nó.

- Bao la bát ngát thế này....Họ cần ta giúp mới xong.

Toni nhún vai:

- Đó là việc của họ!

Nói rồi cậu đi ra cửa.

Cậu bắt đầu đi dọc theo những cánh rừng, hướng tới đường đi Caribou. Cậu không nhìn thấy những người cưỡi ngựa tập, cũng không thấy những công nhân dắt ngựa đi dạo. Cậu biết rằng họ đang đổ xô gần hết lên núi để tìm kiếm đứa con ông chủ.

Cậu nghĩ tới thằng bé David một thân một mình và hải hùng trên núi. Đêm qua tiết trời lạnh xuống gần không độ. Nếu họ không kiếm được thằng bé trước khi tới trời, hẳn là nó sẽ khó mà có được một cơ may nào sống nổi. Cậu hơi ngoái lại phía sau để nhìn con Benji đang đi theo sát bước cậu. Con chó già dí mũi xuống sát đất mà đi.

Lần đầu tiên trong đời cậu biết được rằng con Benji đi theo được chỉ nhờ vào việc đánh hơi thôi. Con chó đang đi theo một dấu vết dài. Nếu như con Benji có thể theo vết cậu một cách dễ dàng đến thế, tại sao lại không theo được dấu vết kẻ khác? Cậu cố rũ bỏ ý nghĩ đó khỏi đầu óc mình, nhưng ý nghĩ đó vẫn quay trở lại quấy rầy cậu. Kể cũng nên thử xem sao. Và gần như không nghĩ ngợi gì hết, cậu quay lại và đi về phía khu trại chăn nuôi.

Những vết chân xinh xinh của thằng bé David vẫn còn in dấu trên mặt đất ẩm gần căn nhà. Toni dẫn con Benji tới đó, vỗ về dỗ dành nó, cố làm cho nó nhận ra mùi dấu vết thằng bé. Nhưng con chó già hình như chẳng hiểu gì hết.

Toni cố sức nghĩ xem phải làm gì. Thốt nhiên cậu nghĩ tới cô Nita. Nghe tiếng Toni gõ cửa, cô gái da đỏ chạy ra, đôi mắt còn đỏ hoe vì gào khóc. Toni nói cho cô nghe cậu định làm gì, và cô chạy biến vào phòng rồi quay ra với một chiếc bút tất dài.

Toni cầm chiếc tất dí sát mũi con chó.

- Tìm nó đi, Benji, tìm nó đi!

Hai lần con chó đi ra ngoài một cách ngập ngừng, chạy một vòng rộng, rồi lại quay về nơi xuất phát. Toni lại cố một lần nữa, cậu đem chiếc bút tất đặt trên những vết chân của thằng bé. Lần này hình như con Benji hiểu ý. Nó đang cố lần ra một vết đi.

Nó bắt đầu đi xuống cánh đồng, trượt dọc theo những cánh đồng, thỉnh thoảng lại quay trở lui. Sau đó nó vòng về phía tay trái và bắt đầu đi lên núi. Toni vẫn hoàn toàn không tin chắc là con chó đã theo đúng hướng. Có hàng chục người đi tìm kiếm đi theo chính con đường này đã một giờ rồi. Con Benji rất có thể lẫn lộn dấu vết lắm.

Toni cùng con chó vẫn tiếp tục đi lên, leo lên tận những cánh rừng mọc đầy những cây thích. Những lát băng mỏng vẫn còn phủ lên trên những vũng nước bằng lạng tạo thành bởi những đợt tuyết tan sớm. Những bờ khe đầy đá và dốc làm cho việc đi đứng thật khó khăn. Thời gian dài trôi qua, và tài năng cùng kinh nghiệm của con Benji bắt đầu bộc lộ.

Mất thì mù, con Benji phải lần theo dấu vết sát mặt đất, mũi và mõm nó va vào mặt đất trần trụi sưng phồng cả lên.

Trời ập tối và bắt đầu ớn lạnh. Gió lạnh bắt đầu xói vào qua cả lớp quần áo dày dặn của Toni và càng làm cho cảnh tìm kiếm vô ích thêm tuyệt vọng. Mệt và đói, Toni vấp ngã trong bóng tối. Nhưng với Benji thì trời tối cũng chẳng sao. Trong cảnh mù thì trời tối hay trời sáng với nó cũng thế thôi.

Thỉnh thoảng Toni lại lên tiếng gọi vang vào trong miền im lặng tối tăm. Nhưng chẳng có tiếng gì đáp lại. Nhiệt độ tiếp tục hạ thấp. Mặt trăng sáng

mờ mờ chiếu qua cành lá làm cho cảnh núi non như trở thành ma quái.

Toni đã mất hết cảm giác về thời gian và phương hướng. Giờ đây cậu phải đi theo con Benji nếu không thì chính cậu cũng lạc đường.

Cậu tiếp tục cất tiếng gọi cho tới khi có tiếng vọng hồi âm. Lại một giờ nữa trôi qua và cậu đã loạn choạng lão đảo. Tìm kiếm chẳng ích gì. Cậu đã mất hết mọi hy vọng. Cậu thử làm cho con Benji quay lại, nhưng con vật buồng bình cứ xông lên và đánh hơi khụt khịt. Con Benji thì lại đang rất kích động, nó chạy thành những vòng tròn nhỏ và sửa khẽ. Mới đây, Toni nghĩ nó đã hoá rồ, nhưng về sau cậu đã thấy cái gì đó tạo ra những hành động đó ở con chó. Dưới một bụi cây, đôi mắt bằng thủy tinh trũng trũng nhìn trắng, là một con gấu đồ chơi.

Toni nhanh nhẹn nhặt con gấu nhỏ lên và gọi con chó:

- Tìm nó đi, Benji, tìm đi!

Giờ đây Benji đã trở thành dữ tợn, nó chạy xuyên qua các bụi cây, mùi vết nó lần theo còn mới tinh nơi lỗ mũi nó.

Khoảng trăm bước sau, cả hai tìm thấy thằng bé. Nó đã đuối sức quá, không còn kêu lên nổi một tiếng nào nữa, nhưng mắt nó vẫn chớp chớp và Toni biết rằng nó vẫn còn sống.

Hai giờ sau, Toni lão đảo loạn choạng đi vào nhà ngủ tập thể của trại chăn nuôi, người một muốn chết, với thằng bé đang ngủ trên cánh tay cậu.

Bác Charlie Hunker ngẩng đầu lên nhìn. Vẻ lo ngại trên mặt bác chuyển thành một nụ cười rạng rỡ, phô hết cả hàm răng ra.

Bác bọc thằng bé con vào một chiếc chăn. Bác nói:

- Có café trên bếp lò ấy. Tao đi rồi về ngay. Để rồi tao sẽ hâm nóng thêm cho mấy ly nữa.

Toni uống café nóng và cho con Benji một chút café nguội. Sau đó, trước khi bác Charlie quay lại, cậu ra lối cửa sau và đi vào trong bóng đêm. Cậu

cùng Benji đi dọc theo con đường Caribou và vừa đi vừa cố cường lại cái mệt mỏi.

Benji mệt trước. Khe khẽ rên rỉ, nó dừng lại bên vệ đường liếm chân.

Lạnh và mệt, Toni nằm dài xuống bên con chó già.

Khi Toni thức giấc, cậu thấy mặt trời buổi sớm chiều rọi thẳng vào mặt mình. Cậu và con Benji đều được che phủ bằng một chiếc chăn dày dặn và trên đầu cậu là một chiếc áo khoác của người đàn ông làm gỏi. Cậu vội nhìn lên và thấy chiếc xe Jeep đậu ngay giữa đường lớn. Đứng sau xe là ông Gormen đang bình thản hút tẩu thuốc. Đôi mắt ông mệt mỏi vì mất ngủ, nhưng đôi môi lại nở nụ cười. Ông nói:

- Toni, đã tới giờ về rồi chứ?

Toni đứng lên, mắt nhìn ông Gormen.

- Tôi không có nhà - Cậu nói – và tôi cũng không bỏ rơi con Benji đâu.

- Đó chính là điều tôi định nói với cậu vậy – Ông Gormen nói – Trong chuyện con Benji, tôi sai, và tôi cũng sai trong nhiều việc nữa. Nếu cậu thay đổi ý kiến, tôi rất mong cậu trở lại và sống cùng chúng tôi trong ngôi nhà lớn.

Toni thấy khó mà tin nổi ở đôi tai mình.

- Và có cả con Benji nữa chứ? – Toni hỏi.

- Cả con Benji nữa! – Ông Gormen gật đầu.

Mấy phút sau, hai bên ngồi với nhau trên chiếc xe hơi, hai tay Benji quàng quanh cổ con Benji.

- Có lẽ chúng mình nên ăn sáng với nhau nhỉ? - Ông Gormen nói - Cậu thích ăn gì?

Toni cười ngoác lên tận tai. Cậu nói:

- Bánh bột kiều mạch và xúc xích.

Ông Gormen nháy mắt:

- Bánh bột kiều mạch và xúc xích, đúng!

Người bạn mang bộ lông chim

Dịch giả: Phạm Mai Hiền

Con sẻ bù xù

KONSTANTIN PAUSTOVSKIJ.

Nhà văn Liên Xô.

Trên chiếc đồng hồ cũ kỹ, bác thợ rèn bằng đồng hun, to không hơn một chú lính chì, đang giờ búa lên. Có tiếng “ cách ”, và chiếc búa hạ xuống cái đe bằng đồng, với một tiếng ngân vui vẻ vang khắp căn phòng rồi chìm lặng đi dưới tủ sách. Bác thợ rèn nện tám tiếng. Bác chuẩn bị nện tiếng thứ chín, nhưng cánh tay bác dừng lại giờ trên đầu. Bác cứ đứng như vậy suốt một giờ đồng hồ, tay giờ cao, đợi để đánh tiếng thứ chín lên đe.

Bé Masha đứng cạnh cửa sổ nhìn ra ngoài trời, không quay đầu lại. Nếu em quay đầu lại, vú già Petrovna (chắc chắn như vậy) sẽ tỉnh giấc và sẽ bắt em quay vào giường nằm.

Vú Petrovna đang ngủ chập chờn trên đi văng, và mẹ thì đang ở nhà hát, bao giờ chẳng thế. Mẹ múa ở nhà hát nhưng chẳng khi nào cho cô con gái nhỏ cùng đi.

Nhà hát, thật là mênh mông; có những cột bằng đá và bốn con ngựa bằng gang đang lồng trên nóc. Và có một người đàn ông trên đầu có một vòng lá đang ghim giữ bốn con ngựa lại. Người đó hăn khỏe vô cùng. Khỏe

và dũng cảm mới ghìm nổi bốn con ngựa hung hăng đến thế trên nóc nhà chứ. Vó những con ngựa nhao ra khoảng không. Em bé xúc động nghĩ bụng về những gì có thể xảy ra một khi người kia không đủ sức giữ chúng lại nữa; chúng sẽ rời khỏi mái và lao xuống quảng trường ầm ầm ngay trước mắt các chú dân phòng.

Trong nhiều ngày qua, mẹ khi nào cũng xúc động. Lần đầu tiên mẹ sẽ múa trong vai Lọ Lem, và mẹ đã hứa sẽ cho cả vú Petrovna cùng bé Masha tới coi. Chỉ còn hai ngày nữa thôi. Mẹ đã lúi trong chiếc rương lớn ra một bông hoa nhỏ bằng pha lê hết sức tinh tế. Một món quà tặng của ba. Ba là thủy thủ và sau một trong những chuyến đi xa về, ba đã đem bông hoa đó tặng mẹ.

Sau rồi ba ra trận. Ba đã đánh chìm nhiều chiến thuyền phát xít. Chính ba cũng đã bị chìm hai lần, và ba cũng đã bị thương nữa. Nhưng ba còn sống. Và giờ đây ba lại đi xa, tới một nơi có tên gọi đến tức cười:

Kamratka, và mãi tới mùa xuân ba mới trở lại kia...

Mẹ nhắc bông hoa pha lê ra và thăm thì điều gì với nó. Chuyện thật lạ kỳ, vì trước nay chưa từng thấy mẹ nói chuyện với đồ vật bao giờ.

- Rồi đó, ngày vinh quang của mi đã tới - Mẹ nói.

Và Masha đã hỏi mẹ:

- Ngày gì hả mẹ?

- Con còn nhỏ lắm, con chưa hiểu nổi... Khi tặng mẹ bông hoa này, ba nói với mẹ: “ Khi nào lần đầu tiên em múa trong vai Lọ Lem, em hãy gài bông hoa nhỏ này vào ngực áo sau khi đã múa hết màn vũ hội trong lâu đài. Và anh sẽ biết rằng chính lúc đó em đã nghĩ tới anh ”.

Masha phật ý đáp lại:

- Con không còn bé nữa đâu, và con hiểu hết!

- Con hiểu thế nào?

- Tất cả!

Masha thấy đỏ mặt xấu hổ, vì khi nào em nói điều gì, em đều thích mọi người đều tin.

Mẹ đặt bông hoa pha lê lên bàn và dặn Masha không được động tới bất kể vì lý do gì, vì nó rất mỏng manh.

Và vì vậy tối đó bông hoa mới nằm trên bàn lóng lánh gần Masha. Yên tĩnh quá; mọi vật dường như ngủ cả: cả ngôi nhà, cả khu vườn bên kia lớp cửa kính, cả con sư tử bằng đá nằm dưới kia, gần cửa, càng ngày càng trắng ra vì tuyết đang rơi phủ xuống thân nó. Riêng Masha không ngủ. Cả cái lò sưởi điện cũng không ngủ. Cả mùa đông cũng không ngủ. Masha nhìn qua cửa sổ, trong khi nước trong lò sưởi điện đang khẽ ca khúc ca ảm áp, trong khi mùa đông từ trên đang trút xuống tuyết dày và lạnh lẽ đang bốc bay trước ngọn đèn, trước khi hạ xuống đất. Masha không sao hiểu nổi vì đâu mà những bông hoa to và đỏ thắm kia trong giỏ trên bàn của mẹ lại có thể nở giữa mùa đông trong khí trời băng giá. Nhưng em còn ít hiểu hơn con quạ màu xám đang đậu trên cành cây kia và nhìn em không chớp mắt qua làn ô kính cửa sổ.

Con quạ đang đợi lúc vú già mở cánh cửa sổ cho thoáng nhà và sau đó dắt Masha vào phòng tắm.

Khi đó, quạ sẽ tới đậu trên thành cửa sổ, công việc ngày ngày nó vẫn làm thế, sau đó nó sẽ lên vào trong phòng, nó sẽ ăn trộm một thứ gì đó, bất kể thứ gì, rồi vội quay ra vườn. Nó vội vã lắm, đến mỗi lần nào cũng vậy, nó đều quên chùi chân và vì thế nó làm bẩn cả thảm trải nhà. Mỗi bận từ phòng tắm trở lại, vú Petrovna đều giơ tay lên trời và la lên:

- Chà chà, con vật quỷ quái, nó lại đánh cắp cái gì đó rồi!

Masha bắt chước điệu bộ vú già, và hai u con liền tìm xem vật gì vừa biến mất. Thông thường là một miếng đường, một chiếc bánh bích quy hoặc một khúc dồi.

Con quạ trú ở quầy hàng, Masha vẫn mua kem hồi mùa hè, và lúc này vào mùa đông người ta đã chèn chặt cửa hàng bằng những chiếc đàn to tướng. Con quạ tham lam và hay cầu nhàu. Trong một kẽ hở của quầy hàng, nó trữ mọi tài sản bằng cách lấy mỏ khế mỏ và nhét vào, nó làm thế để cho lũ sẻ không tới ăn trộm.

Có khi, giữa đêm, nó mơ thấy lũ sẻ lẻnh vào trong quầy hàng và ăn trộm của nó những mẩu dồi cứng lạnh, một chút vỏ cam, hoặc một mảnh giấy bạc gói kẹo sôcôla. Khi đó nó giận dữ vừa ngủ vừa quạc quạc ồn lên, và chú dân phòng nơi góc phố phải quay đầu lại lắng nghe. Đã nhiều đêm rồi, chú nghe thấy tiếng quạ kêu trong quầy hàng, và chú ngạc nhiên không rõ vì sao. Có khi chú tới gần quầy hàng, lấy tay che mắt khỏi bị ánh sáng cây đèn đường làm loá, và cố nhìn vào bên trong. Nhưng chú chẳng nhìn thấy gì, trong đó tối om om, trừ một cái hòm cũ màu trắng in trên nền sàn.

Một hôm, quay trở lại quầy hàng, con quạ bắt gặp Paska, một con chim sẻ nhỏ bù xù.

Cuộc đời đối với loài sẻ nhỏ thật là gian nan. Trong thành phố, lúa mạch ngày càng hiếm, ngựa cũng thế. Thời xưa (ông nội của Paska, một con sẻ già được đặt tên là Siskin, thì vẫn còn được biết cái thời đó), chim sẻ đông có đàn có bầy, suốt từ sáng chí tối, trên các quảng trường, nơi đó xe ngựa đậu và lúa mạch vãi tung toé khỏi cái túi đựng cho ngựa ăn.

Giờ đây chỉ có ô tô trong thành phố! Ô tô thì không ăn lúa mạch như những bác ngựa hiền hậu, chúng uống một thứ nước độc có mùi hăng xè. Và loài sẻ

ngày càng hiếm hoi, con về nhà quê sống bên các bác ngựa, con tới các bến cảng nơi đó đang bốc dỡ các thứ hạt, nơi đó loài sẻ sống trong cảnh vui vẻ, sung túc.

- Ngày xưa – Siskin kể - chim sẻ có hàng đàn vài ba ngàn con. Và mỗi khi bốc bay, tiếng rào rào thật mạnh khiến cho ngay cả những con ngựa kéo xe cũng phải giật thót lên và nói: “ Lạy Chúa tôi! Không làm sao mà trị nổi cái bọn rần mảy rần mặt này ”. Thế rồi ở chợ nổ ra những cuộc chiến tranh chim sẻ, lông chim bay tứ tung...Giờ đây mà như vậy thì đừng có hòng mà yên lành với các chú dân phòng.

Paska bị con quạ bắt gặp lên vào trong quầy hàng bỏ trống lúc nó vẫn chưa kịp đánh cắp thứ gì cả. Quạ dùng mỏ đánh mạnh vào đầu sẻ Paska. Nó ngã lăn ra, mắt trợn ngược: nó giả tảng chết. Quạ hát nó ra khỏi quầy hàng rồi quac lên một tiếng thật dài: nó nguyên rửa cả họ sẻ ăn trộm vặt.

Chú dân phòng quay lại nhìn rồi đi tới quầy hàng. Paska đang nằm trên tuyết. Đầu nó đau khủng khiếp và mỏ nó chỉ hé ra được thôi.

- Tội nghiệp sẻ con – Chú dân phòng nói và tháo găng tay ra, cho con sẻ vào rồi nhét tất cả vào túi - Đời mày thật cực!

Trong túi chú dân phòng, Paska chớp chớp mắt, nó khóc vì đói và vì tuyết vọng. Một mẩu vụn bánh thôi! Con người thường vẫn có vụn bánh khô trong túi. Nhưng trong túi chú dân phòng chẳng có, chỉ có chút vụn thuốc lá thôi. Sáng hôm đó, vú Petrovna cùng bé Masha ra công viên chơi. Chú dân phòng gọi em lại và hỏi, vẫn với vẻ nghiêm nghị thường ngày:

- Nữ công dân, đồng chí có cần một con sẻ không? Một con sẻ nhỏ để nuôi?

- Ô, có chứ, Masha sẽ rất sung sướng nếu có một con. Sung sướng lắm lắm ấy!

Khuôn mặt chú dân phòng với nước da mịn và ửng đỏ vì gió lạnh, chột nhẵn

lại: chú cười. Chú lôi con chim trong túi ra:

- Thì đây, cho cháu. Cầm cả bao tay nữa. Nếu không nó vụt bay mất. Buổi trưa chú hết phiên trực. Khi đó cháu sẽ mang bao tay trả chú.

Masha mang chim nhỏ về nhà. Em chải lông cho nó, cho nó ăn và thả nó ra. Con chim đậu trên mép đĩa nước và uống nước trà trong đó. Sau đó nó ngồi nghỉ trên đầu bác thợ rèn bé tí trên chiếc đồng hồ. Nó đang gà gât ngủ thì đột nhiên bác thợ rèn nổi giận giơ búa lên. Chút nữa thì bác ta nện con Paska, nếu con này không kịp vỗ mạnh cánh bay, và bay tới đậu vào nhà thơ ngụ ngôn Krylov bằng đồng hun trơn tuột, đậu vào đó thực khó khăn quá chừng. Bác thợ rèn nện, rồi lại nện vào đe. Bác nện như vậy đủ mười một tiếng. Con sẽ sống cả ngày và cả đêm trong phòng Masha. Và buổi chiều nó thấy con quạ bay qua cửa sổ vào ăn cắp trên bàn một đầu cá khô. Nó nấp sau nhưng bông hoa màu đỏ và im lặng quan sát.

Kể từ hôm đó, Paska ngày nào cũng tới với Masha để nhặt các mẫu vụn bánh, và nó cứ nghĩ không biết cảm ơn cô bé cách nào đây?

Một bận, Paska đem cho Masha một con sâu chết cứng nó bắt được trên một cành cây ngoài công viên. Nhưng cô bé không ăn sâu, còn bà Petrovna thì nhặt con sâu vớt qua cửa sổ, miệng làu bà làu bàu.

Thế là Paska tìm cách khéo léo thu hồi lại từ trong quầy hàng các thức con quạ ăn trộm của Masha. Nó làm như thế để trả thù con quạ. Nó lấy về khi thì trái cây khô, khi thì một mẫu bánh ngọt cứng như đá, hoặc có khi thì một mẫu giấy gói kẹo màu đỏ.

Hẳn là con quạ còn ăn trộm ở nhiều nơi khác nữa, vì lắm khi Paska lắm và mang về cả những thứ không phải của Masha: một chiếc lược, một quân bài đầm, hoặc một ngòi bút máy vàng.

Nó bay qua lối cửa sổ, ném mọi thứ xuống sàn nhà, bay những vòng rộng trong phòng rồi biến rất nhanh, chỉ thoáng như một cục tròn có lông chứ

không ra hình con sẻ.

Chiều hôm đó, bà Petrovna ngủ nhiều hơn lệ thường. Con Masha thì thích được thấy con quạ lén qua cửa sổ vào nhà. Đó là điều nó chưa từng được thấy.

Em leo lên một chiếc ghế dựa, mở cửa sổ ra, rồi nấp sau tủ. Những bông tuyết to bay vào trong phòng và tan thành nước trên sàn nhà... Chợt có một tiếng nghiêng khẽ, và Masha thấy con quạ vào trong phòng, soi gương, xù lông ra khi trông thấy một con quạ khác trong gương với vẻ mặt ra chiều hung hãn, rồi lấy cặp bông hoa pha lê và bay ra ngoài cành cây.

Masha kêu lên một tiếng. Vú Petrovna thức giấc, mắng em, và thấy buồn bực. Khi mẹ ở nhà hát về, mẹ khóc thật lâu, đến nỗi Masha cũng khóc theo. Song vú Petrovna vẫn cố khuyên giải: đau buồn quá đang như vậy mà làm gì; biết đâu rồi có lúc chẳng lấy lại được, thật đấy chứ, bông hoa của ba mất sao được! Trừ phi con quạ tinh quái kia không đánh rơi xuống tuyết.

Buổi sáng, con sẻ tới như thường lệ và đậu lên đầu nhà thơ ngụ ngôn Krylov. Sau khi biết câu chuyện mất hoa, nó sù lông ra và ngẫm nghĩ một hồi.

Khi mẹ tới nhà hát tổng diễn tập, nó bay theo, chuyển từ cảnh này qua cảnh nọ, qua cột kia, qua biển khác. Khi tới nhà hát, nó đậu vào một đầu ngựa bằng gang, cọ mỏ, lau một giọt nước mắt, khẽ kêu lên một tiếng rồi bay đi mất.

Buổi chiều, mẹ cho Masha mặc áo có tạp dề trắng thường diện ngày chủ nhật; vú Petrovna thì quàng trên vai một tấm xa tanh nâu, và cả ba người tới nhà hát. Trong thời gian ấy, theo lệnh của Siskin, Paska tụ tập tất cả chim sẻ trong vùng lại. Chúng bay thành đàn tới vây quanh quây hàng nơi con quạ giấu bông hoa pha lê. Từ mái nhà xung quanh, lũ sẻ khiêu khích quạ gần hai tiếng đồng hồ, cố làm cho nó cáu và chui ra khỏi chỗ ẩn náu. Như vậy có thể

đánh nhau giữa trời và cùng lúc cả đàn sẽ lao vào quạ. Nhưng quạ khôn lắm: nó biết sẽ là loài lấm mưu mẹo, nên nó ở lỳ trong quầy hàng.

Cuối cùng, lấy hết can đảm, các con sẽ lần lượt lao vào trong quầy hàng, và sau đó bên trong quầy nổi lên tiếng hỗn loạn, khiến cho chẳng mấy chốc biết bao nhiêu người đã tụ tập lại bên ngoài quầy.

Chú dân phòng chạy lại. Chú nhìn quầy hàng và lui ra. Lông chim bay tứ tung và không thể nhìn thấy gì hết.

- Chà chà – Chú nói - một trận chiến chưa từng thấy.

Và để chấm dứt cuộc chiến tranh loạn ầu, chú liền tháo gỡ các tấm gỗ chặn cửa quầy hàng.

Đúng vào lúc đó, tại nhà hát, các dây đàn violông và violông-xen khẽ run rẩy cất tiếng. Viên nhạc trưởng tài năng khẽ nâng bàn tay xanh xao, đưa tay sang hai bên, và cùng với tiếng nhạc cất cao thì cánh màn nhung khẽ động đậy và nhích sang hai bên sân khấu. Masha nhìn thấy một gian phòng to và đẹp chan hoà ánh mặt trời màu vàng, nơi có hai chị em nhà giàu mà xấu cùng bà mẹ ghẻ lầu lỉnh, còn mẹ của Masha thì người thanh mảnh, đẹp đẽ xinh tươi, mặc một chiếc áo dài màu xám.

- Lọ lem! – Masha thì thầm, và mắt em dán chặt vào sân khấu.

Trong ánh sáng xanh, hồng và vàng rực rỡ, toà lâu đài hiện ra dưới ánh trắng. Và Lọ Lem trong khi leo các bậc thang đã đánh rơi chiếc hài bằng pha lê.

Được nghe nhạc thật sung sướng biết bao! Masha đau đón cùng với mẹ và sung sướng với mẹ, tựa hồ như các cây đàn cũng là những con người đang sống, những con người tốt bụng. Những người đó làm mọi việc để giúp đỡ mẹ, cả ông nhạc trưởng cũng thế, ông chỉ lo cho mẹ Masha và suốt buổi ông không ngoảnh lại nhìn khán giả.

Điều đó thật thiệt thòi cho ông, vì nếu ông nhìn lại, ông sẽ thấy vô số trẻ em

má đỏ bừng vì sung sướng.

Những bà soát vé, những người không khi nào được xem vở diễn, cứ phải đứng canh cửa, tay cầm các tờ chương trình, nhưng lần này các bà cũng rón rén bước vào phòng, khép cửa lại và cùng đưa mắt nhìn mẹ Masha. Một bà còn lau nước mắt nữa. Bởi vì cái cô Lọ Lem múa thật đẹp kia là con gái một bà bạn đã qua đời, bà bạn đó xưa kia cũng là người soát vé như bà.

Cuối vở, trong khi âm nhạc vui tươi và đầy sức mạnh đang cất tiếng ngợi ca hạnh phúc, làm tràn đầy ánh sáng lên khuôn mặt mọi người, trong lúc mọi người đang ngạc nhiên thấy nước mắt long lanh trên khuôn mặt cô Lọ Lem đang hạnh phúc, thì một con sê nhỏ đã lén qua hành lang và các cầu thang, nhào vào phòng với tất cả sức mạnh của đôi cánh nhỏ. Con sê bù xù và mọi người biết chắc rằng nó vừa ra khỏi một cuộc chiến đấu ác liệt nào đó.

Nó bay quanh trên sân khấu, mắt loá đi vì bao nhiêu đèn, và mọi người thấy lóng lánh nơi mỏ nó có cái gì tương tự như một nhánh cây băng pha lê.

Một tiếng reo vang lên trong nhà hát rồi liền sau đó dịu đi. Nhạc trưởng giơ bàn tay ra và nhạc im bật. Những người ngồi hàng ghế cuối đều đứng lên coi xem có chuyện gì trên sân khấu. Con sê tới bên Lọ Lem. Lọ Lem chìa bàn tay ra, và trong khi con sê vẫn bay như thường, nó buông vào hai tay nàng Lọ Lem một bông hoa pha lê nho nhỏ. Những ngón tay nàng run rẩy gắn bông hoa lên ngực áo.

Nhạc trưởng vẫy đũa chỉ huy. Nhạc lại cất lên rộn rã. Tiếng vỗ tay vang lên làm rung cả những bóng đèn, trong khi ấy con sê bay dưới vòm mái nhà hát và tới đậu lên một chùm đèn rồi lấy mỏ rĩa bộ lông bù xù.

Nàng Lọ Lem mỉm cười, chào mọi người, và nếu như Masha không biết tình tường mọi việc, hẳn em không thể nghĩ đó là mẹ mình cho được.

Khi trời đã khuya lắm rồi, mấy người về nhà và khi mẹ đã tắt bớt đèn rồi tuyên bố đã tới lúc đi nằm, Masha buồn ngủ lắm rồi vẫn hỏi mẹ:

- Lúc cài hoa lên ngực áo, mẹ có ý nghĩ tới ba không?
- Có - Mẹ nói sau lát giây im lặng.
- Vậy sao mẹ khóc?
- Mẹ thấy sung sướng vì có những người như ba con.
- Không – Masha thì thầm – không phải vì thế đâu. Khi sung sướng thì không khóc, cười mới đúng chứ?
- Khi hạnh phúc quá lớn, người ta khóc, con ạ - Mẹ đáp lại – Và bây giờ con phải đi nằm thôi.

Masha ngủ. Vú Petrovna cũng ngủ. Mẹ tới bên cửa sổ, Paska đang ngủ gà gật trên một cành cây. Yên tĩnh quá chừng. Các bông hoa tuyết đang rơi lặng lẽ từ trên trời xuống làm cho cái yên ắng thêm sâu. Và mẹ nghĩ rằng, cũng như những bông hoa tuyết kia, các giấc mơ hạnh phúc cùng các câu chuyện kể đã rơi xuống nhẹ nhàng với những người đang ngủ yên, hết như thế....

HẾT.

Đánh máy: DaoCay

Nguồn: NHÀ XUẤT BẢN TRẺ . 1986. - DaoCay

Vnthuquan.net

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 6 tháng 10 năm 2007